

**TỔNG CÔNG TY PHÁT ĐIỆN 3
CÔNG TY CỔ PHẦN NHIỆT ĐIỆN BÀ RỊA**

Số: 234/NĐBR-TCKT

V/v Công bố thông tin Báo cáo thường niên năm
2022.

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bà Rịa, ngày 29 tháng 3 năm 2023

Kính gửi:

- Ủy Ban Chứng khoán Nhà nước;
- Sở Giao dịch chứng khoán TP. Hồ Chí Minh

1. Tên TCPH: Công ty cổ phần Nhiệt điện Bà Rịa
2. Tên giao dịch: Ba Ria Thermal Power Joint stock Company
3. Mã chứng khoán: BTP
4. Trụ sở chính: Khu phố Hương Giang, P. Long Hương, thành phố Bà Rịa, tỉnh BRVT.
5. Điện thoại: 0254. 2212 811 Fax: 0254. 3825 985
6. Sàn giao dịch: HOSE
7. Người thực hiện CBTT: Bà Trần Thị Bảo Xuân. Điện thoại: 0963 735 566
8. Nội dung của thông tin công bố:

- Báo cáo thường niên năm 2022 của Công ty cổ phần Nhiệt điện Bà Rịa được lập ngày 28/3/2023.

Đính kèm (Báo cáo thường niên năm 2022).

9. Địa chỉ website đăng tải toàn bộ Báo cáo thường niên năm 2022:
www.btp.com.vn

Chúng tôi cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung thông tin công bố./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- HĐQT/BTP;
- Ban KS/BTP;
- P. KTAT/BTP (Đăng Website BTP);
- Lưu: VT, TCKT.

**TU. TỔNG GIÁM ĐỐC
KẾ TOÁN TRƯỞNG**



Trần Thị Bảo Xuân



EVN TPC BA RIA

30 năm
1991 - 2022

**BÁO CÁO
THƯỜNG NIÊN
2022**

30 Năm - Trao chất lượng & Giữ niềm tin

CÔNG TY CỔ PHẦN NHIỆT ĐIỆN BÀ RỊA



MỤC LỤC

05

PHẦN 1: THÔNG TIN CHUNG

- 07 Thông tin khái quát
- 10 Ngành nghề và địa bàn kinh doanh
- 12 Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý
- 14 Định hướng phát triển
- 18 Các rủi ro

23

PHẦN 2: TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

- 24 Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh
- 26 Tổ chức và nhân sự
- 32 Tình hình đầu tư thực hiện các dự án
- 34 Tình hình tài chính
- 38 Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu
- 40 Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của Công ty

43

PHẦN 3: BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

- 48 Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh
- 50 Tình hình tài chính
- 52 Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý
- 53 Kế hoạch phát triển trong tương lai
- 56 Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của Công ty

57

PHẦN 4: BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

- 60 Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty, trong đó có đánh giá liên quan đến trách nhiệm môi trường và xã hội
- 61 Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Tổng Giám đốc Công ty
- 62 Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị

67

PHẦN 5: QUẢN TRỊ CÔNG TY

- 68 Hội đồng quản trị
- 76 Ban kiểm soát
- 80 Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ban kiểm soát

87

PHẦN 6: BÁO CÁO TÀI CHÍNH KIỂM TOÁN 2022





1

THÔNG TIN CHUNG

- 7** Thông tin khái quát
- 9** Quá trình hình thành và phát triển
- 10** Ngành nghề và địa bàn kinh doanh
- 12** Sơ đồ tổ chức
- 14** Định hướng phát triển
- 18** Các rủi ro



EVN TPC BÀ RỊA

CÔNG TY CỔ PHẦN NHIỆT ĐIỆN BÀ RỊA



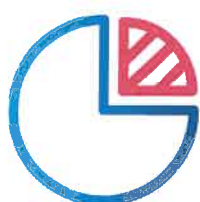
“ Trao chất lượng

Giữ niềm tin”



THÔNG TIN KHÁI QUÁT VỀ CÔNG TY

Tên giao dịch:	: CÔNG TY CỔ PHẦN NHIỆT ĐIỆN BÀ RỊA
Tên tiếng Anh	: BARIA THERMAL POWER JOINT STOCK COMPANY
Mã cổ phiếu	: BTP
Giấy chứng nhận ĐKDN	: Số 3500701305, do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu cấp lần đầu ngày 1 tháng 11 năm 2007; cấp thay đổi lần thứ 6 ngày 3 tháng 7 năm 2019.
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	: 604.856.000.000 đồng



Vốn điều lệ (VND)

604.856.000.000



Số điện thoại	: 02542. 212 811
Số fax	: 02543. 825 985
Website	: www.btp.com.vn
Trụ sở chính	: Khu phố Hương Giang, phường Long Hương, thành phố Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu

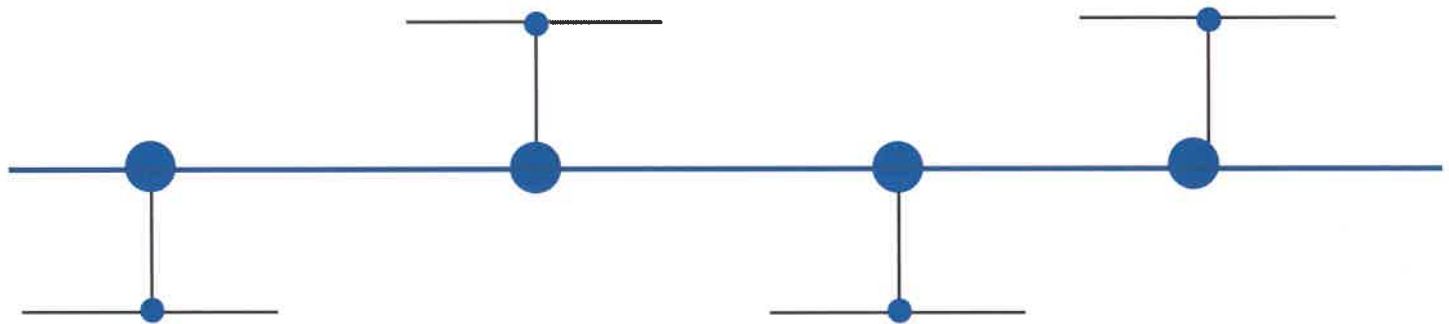




QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN

Năm 1992: Trạm phát điện Turbine khí Bà Rịa được chuyển thành Nhà máy điện Bà Rịa trực thuộc Công ty Điện lực 2

Năm 2000: Đảng và Nhà nước trao tặng Huân chương Lao động Hạng Ba

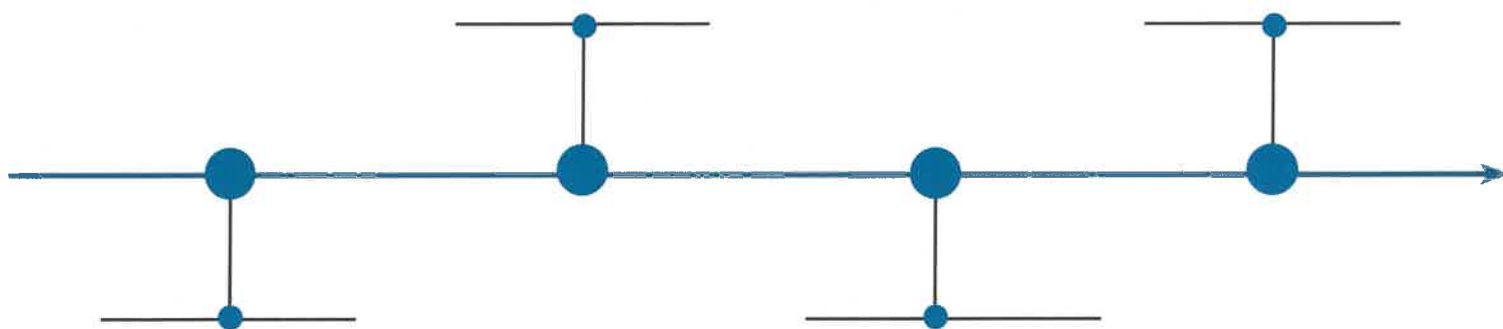


Năm 1991: Trạm phát điện Turbine khí Bà Rịa được thành lập trực thuộc Nhà máy điện Chợ Quán (Công ty Điện lực 2)

Năm 1995: Nhà máy điện Bà Rịa chuyển thành đơn vị thành viên trực thuộc Tổng Công ty Điện lực Việt Nam

Năm 2007: Thành lập Công ty cổ phần Nhiệt điện Bà Rịa

Năm 2013 - Nay: Công ty cổ phần Nhiệt điện Bà Rịa trực thuộc Tổng Công ty Phát điện 3



Năm 2005: Đảng và Nhà nước trao tặng Huân chương Lao động Hạng Nhì

Năm 2010: Đảng và Nhà nước trao tặng Huân chương Lao động Hạng Nhất





NGÀNH NGHỀ VÀ ĐỊA BÀN KINH DOANH

NGÀNH NGHỀ KINH DOANH

- Sản xuất và kinh doanh điện năng; Quản lý vận hành bảo dưỡng, sửa chữa, thí nghiệm hiệu chỉnh, cải tạo thiết bị điện, các công trình điện, các công trình kiến trúc nhà máy điện;
- Đào tạo và phát triển nguồn nhân lực về quản lý vận hành bảo dưỡng, sửa chữa thiết bị nhà máy điện;
- Sản xuất các sản phẩm khác bằng kim loại và dịch vụ liên quan đến công việc chế tạo kim loại;...
- Lập dự án đầu tư xây dựng; Quản lý đầu tư xây dựng, giám sát thi công công trình dân dụng và công nghiệp, thi công lắp đặt các công trình công nghiệp;
- Cho thuê thiết bị, tài sản cố định, phương tiện vận tải;
- Vận tải hành khách theo hợp đồng, vận tải bốc dỡ hàng hóa;
- Lắp đặt trang thiết bị cho các công trình xây dựng;
- Sản xuất nước cất, nước uống đóng chai.



ĐỊA BÀN KINH DOANH

Công ty hoạt động kinh doanh chủ yếu trên địa bàn tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.



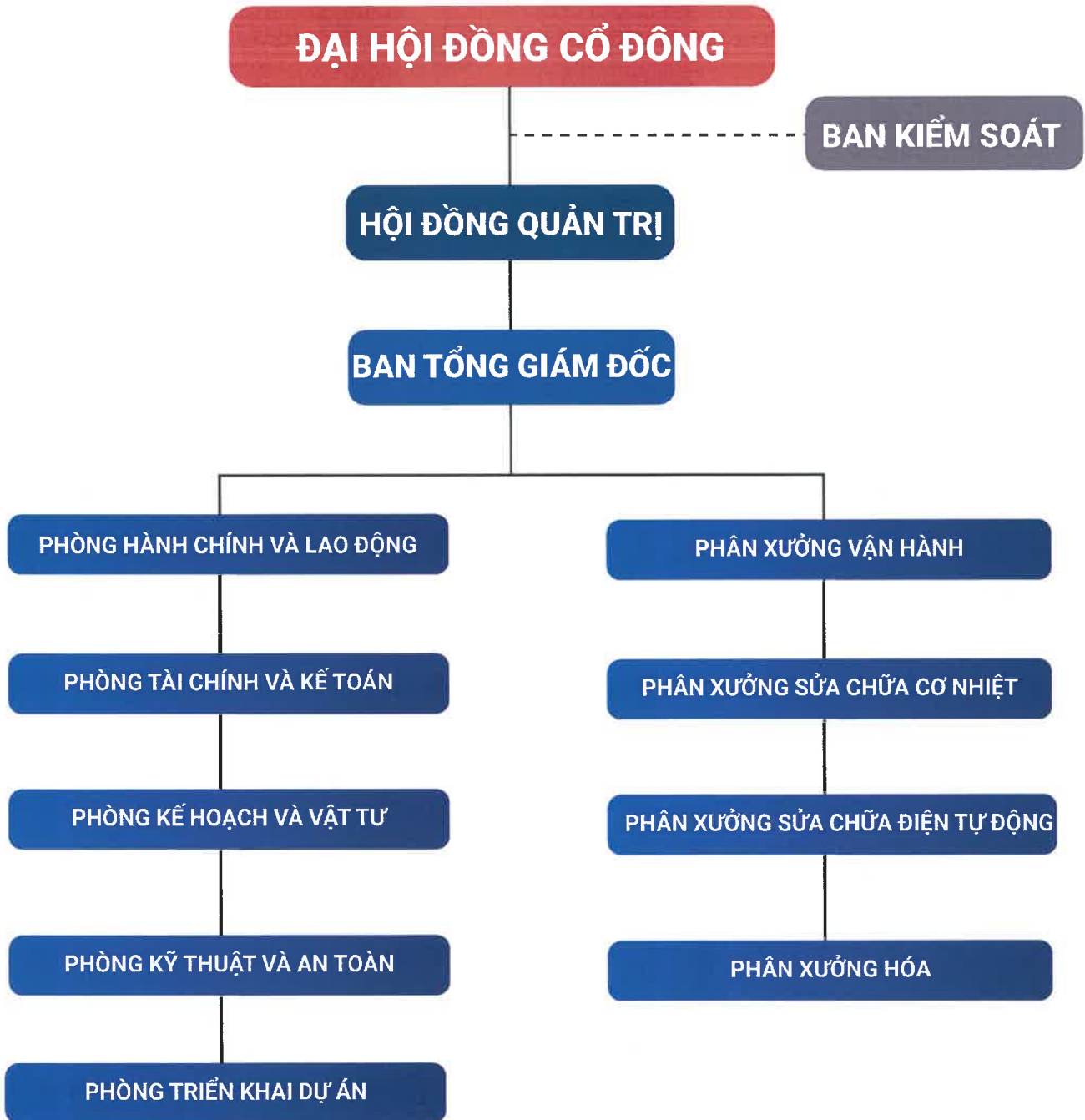
Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu





THÔNG TIN VỀ MÔ HÌNH QUẢN TRỊ, TỔ CHỨC KINH DOANH VÀ BỘ MÁY QUẢN LÝ

MÔ HÌNH QUẢN TRỊ



CƠ CẤU BỘ MÁY QUẢN LÝ

Công ty hoạt động với mô hình Công ty cổ phần được quy định tại Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17 tháng 06 năm 2020, Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cũng như các văn bản pháp luật có liên quan khác. Trải qua quá trình phát triển, bộ máy quản lý của Công ty có cơ cấu như sau:

- **Đại hội đồng cổ đông:** Bao gồm tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty.
- **Hội đồng quản trị:** Là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định mọi vấn đề liên quan đến mục đích, quyền lợi của Công ty trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.
- **Ban Tổng Giám đốc:** Là cơ quan điều hành hoạt động hàng ngày của Công ty và chịu trách nhiệm trước Hội đồng Quản trị về việc thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao.
- **Ban Kiểm soát:** Thực hiện nhiệm vụ thay mặt cho cổ đông kiểm soát mọi hoạt động kinh doanh, hoạt động quản trị và điều hành của Công ty.

CÔNG TY LIÊN KẾT, GÓP VỐN

Đơn vị tính: Đồng

STT	Công ty liên kết	Địa chỉ	Lĩnh vực sản xuất, kinh doanh chính	Vốn điều lệ	Vốn điều lệ BTP đã góp	Tỷ lệ sở hữu của Công ty
1	Công ty cổ phần Thủy điện Buôn Đôn	Tầng 7, KS. Biệt Điện, 01 Ngô Quyền, P. Thăng Lợi, TP. Buôn Ma Thuột, T. Đắk Lắk	Sản xuất và kinh doanh điện năng	655.403.460.000	83.750.000.000	25%
STT	Công ty góp vốn	Địa chỉ	Lĩnh vực sản xuất, kinh doanh chính	Vốn điều lệ	Vốn điều lệ BTP đã góp	Tỷ lệ sở hữu của Công ty
1	Công ty cổ phần Nhiệt điện Quảng Ninh	Tổ 33 Khu 5, Phường Hà Khánh, Thành phố Hạ Long, Tỉnh Quảng Ninh	Sản xuất và kinh doanh điện năng	4.500.000.000.000	114.770.000.000	2,3%
2	Công ty cổ phần Phú Thạnh Mỹ	02 Võ Chí Công, Phường Hòa Xuân, Quận Cẩm Lệ, TP Đà Nẵng	Sản xuất và kinh doanh điện năng	618.140.000.000	50.000.000.000	8,1%
3	Công ty cổ phần Nhiệt điện Hải Phòng	Thôn Đoan, Tam Hưng, Thủy Nguyên, Hải Phòng	Sản xuất và kinh doanh điện năng	5.000.000.000.000	108.730.000.000	2%





ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN:



CÁC MỤC TIÊU CHỦ YẾU CỦA CÔNG TY

- Đảm bảo kinh doanh có lãi, hoàn thành các kế hoạch năm 2023 nhằm bảo toàn và phát triển nguồn vốn đầu tư tại BTP một cách hiệu quả.
- Tập trung mọi nguồn lực thực hiện kế hoạch năm đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua nhằm đảm bảo thực hiện mục tiêu với kết quả cao nhất.
- Nghiên cứu và khai thác các giải pháp để giải quyết các tồn đọng trong quản lý vận hành bảo dưỡng như lãng phí nhiên - nguyên vật liệu; sử dụng đúng số lượng quy định phù hợp với quy định nhằm đảm bảo doanh thu cũng như tối ưu hoá chi phí.
- Thực hiện tốt các kế hoạch sửa chữa lớn, cải tạo, phục hồi công suất của các tổ máy còn lại (GT5, GT8,..) nâng cấp thiết bị máy móc, nâng cao độ sẵn sàng của thiết bị, đáp ứng nhu cầu điện năng của hệ thống điện quốc gia.
- Chuẩn bị đầy đủ vật tư, thiết bị dự phòng chiến lược, sửa chữa thay thế kịp thời các thiết bị hư hỏng, giảm thiểu tối đa dừng máy do sự cố.
- Chú trọng trong công tác an toàn lao động, xây dựng môi trường làm việc bảo đảm an toàn tính mạng người lao động, quan tâm tới sức khoẻ cơ thể lẫn tinh thần.
- Bảo toàn và phát triển vốn của cổ đông.



CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN TRUNG VÀ DÀI HẠN

- Thực hiện tốt công tác bảo trì định kỳ, kế hoạch sửa chữa, cải tạo, nâng cấp thiết bị máy móc, nâng cao độ sẵn sàng của thiết bị, đáp ứng nhu cầu điện năng của hệ thống điện quốc gia.
- Phát triển doanh nghiệp trở thành công ty có vị trí trọng tâm trên địa bàn cũng như nâng cao độ uy tín trong lĩnh vực nhiệt điện.
- Nâng cao trình độ công nghệ, chuyên môn quản lý, đặc biệt là các khía cạnh liên quan đến các công trình điện, cải tạo thiết bị điện, các dự án xây dựng công trình dân dụng; Gắn kết chặt chẽ giữa sản xuất, kinh doanh với khoa học, công nghệ, nghiên cứu triển khai, đào tạo; làm nòng cốt ngành điện Việt Nam phát triển nhanh, bền vững.
- Nâng cao đời sống vật chất, tinh thần cho người lao động trong Công ty.
- Đảm bảo đội ngũ nhân sự, nâng cao trình độ chuyên môn để luôn sẵn sàng hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao và đẩy mạnh phát triển hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.



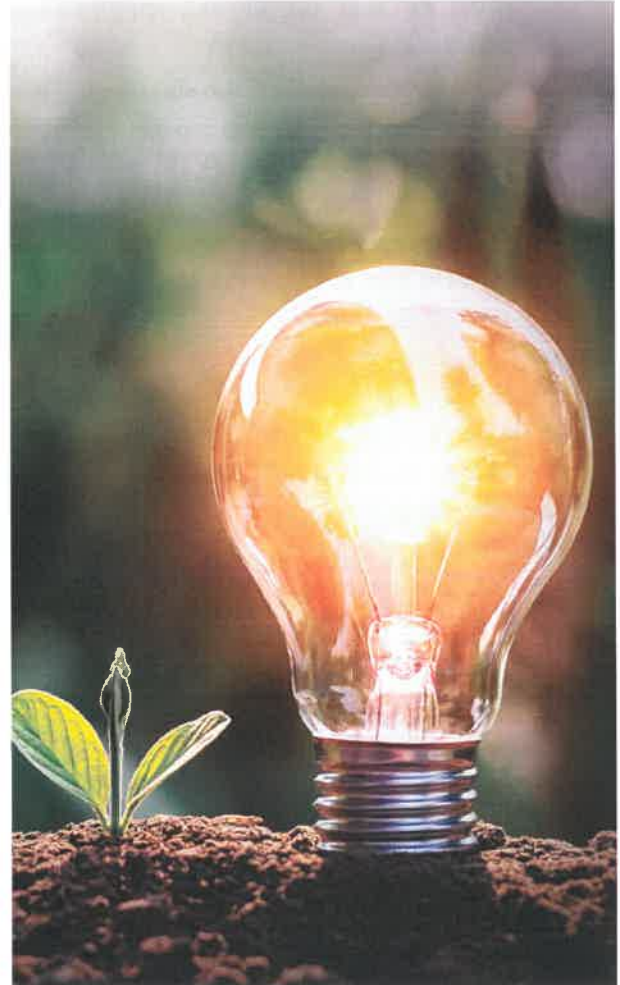


ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN:

CÁC MỤC TIÊU PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

Bên cạnh hoạt động sản xuất kinh doanh, Công ty chú trọng đến các mục tiêu phát triển bền vững liên quan đến môi trường, xã hội và cộng đồng, mục tiêu cung cấp điện với nguồn nguyên liệu sạch nhằm bảo vệ môi trường và thực hiện phát triển năng lượng bền vững, theo định hướng phát triển của ngành điện, chính sách của Nhà nước và xu thế chung của thế giới, cụ thể như sau:

- Tuyên truyền và vận động để đảm bảo công tác an sinh xã hội được nâng cao hơn, nhằm góp phần nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho nhân dân, đồng thời góp phần vào sự phát triển bền vững của kinh tế-xã hội.
- Tích cực tham gia các hoạt động về môi trường để mang lại nhiều lợi ích cho xã hội và cộng đồng. Công ty khuyến khích cán bộ công nhân viên nâng cao nhận thức về giữ gìn và bảo vệ môi trường sống lành mạnh ở nơi làm việc cũng như trong cộng đồng.
- Tuân thủ các biện pháp bảo vệ môi trường trong suốt quá trình sản xuất và kinh doanh theo Luật Bảo vệ Môi trường và các quy định có liên quan. Công ty đã lắp đặt đầy đủ thiết bị như hệ thống lọc, xử lý, thoát nước thải và khí thải để bảo vệ môi trường.



TÂM NHÌN, SỨ MỆNH, GIÁ TRỊ CỐT LÕI

TÂM NHÌN

Là đơn vị sản xuất điện và cung ứng các dịch vụ, sản phẩm có chất lượng cao, an toàn, hiệu quả và là thương hiệu uy tín trên thị trường

GIÁ TRỊ CỐT LÕI

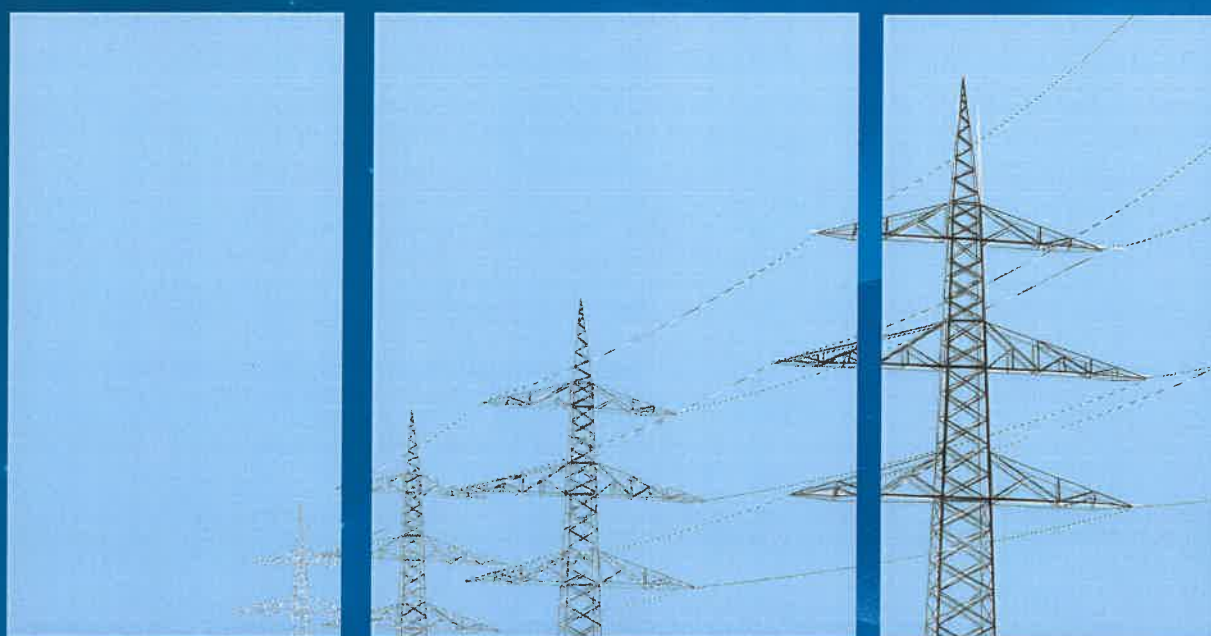
Chất lượng - Tín nhiệm

Tận tâm - Trí tuệ

Sáng tạo - Hiệu quả

SỨ MỆNH

Đảm bảo cung ứng điện và dịch vụ đa dạng với chất lượng tốt nhất, làm hài lòng khách hàng





CÁC RỦI RO

RỦI RO KINH TẾ

Kinh tế – xã hội nước ta năm 2022 diễn ra trong bối cảnh kinh tế thế giới đang phải đối mặt với những thách thức lớn, biến động nhanh, khó lường và tính bất ổn cao; lạm phát đã tăng lên mức cao nhất trong nhiều thập kỷ buộc các quốc gia phải thắt chặt chính sách tiền tệ. Kết thúc năm 2022, Theo Tổng cục Thống kê, Tổng sản phẩm trong nước GDP tăng 8,02% so với năm trước đó do nền kinh tế được khôi phục trở lại và đạt cao nhất trong giai đoạn 2011 - 2022, trong đó khu vực công nghiệp và xây dựng tăng 7,78%, đóng góp 38,24%, đặc biệt là ngành sản xuất và phân phối điện tăng 7,05%, đóng góp 0,26 điểm phần trăm vào tốc độ tăng tổng giá trị tăng thêm của toàn ngành kinh tế. Ngành điện được đánh giá là phức tạp nhất do có nhiều phân nhánh có đặc thù riêng biệt.

Công ty cổ phần Nhiệt điện Bà Rịa đang hoạt động trong nền kinh tế chung, việc sử dụng điện - nguồn năng lượng cần thiết cho mọi hoạt động sản xuất, vận hành trong nền kinh tế gắn liền với hoạt động kinh doanh của Công ty, nên biến động tình hình kinh tế sẽ ảnh hưởng đến Công ty.

Trong những diễn biến của nền kinh tế, Ban lãnh đạo của Công ty cổ phần Nhiệt điện Bà Rịa luôn xem xét một cách thận trọng trong việc xây dựng chiến lược phát triển và kế hoạch sản xuất kinh doanh phù hợp trên cơ sở tận dụng lợi ích từ chính sách ban hành, nhằm giảm thiểu tối đa thiệt hại cho Công ty, đảm bảo lợi nhuận Công ty đề ra.



RỦI RO PHÁP LUẬT

Pháp luật tạo ra hệ thống, cơ sở để thị trường thương mại, kinh doanh hoạt động một cách công bằng, hợp lý và có nguyên tắc. Mọi thay đổi trong chính sách của chính phủ đều có tác động tới quá trình hoạt động của các doanh nghiệp nói chung và Công ty cổ phần Nhiệt điện Bà Rịa nói riêng.

Hiện nay, Công ty đang hoạt động dưới loại hình Công ty cổ phần và đang niêm yết tại Sở Giao dịch Thành phố Hồ Chí Minh (HSX), do đó Công ty chịu sự quản lý từ các quy định pháp luật bao gồm: Luật doanh nghiệp, Luật chứng khoán, các văn bản pháp luật, các nghị định và các thông tư hướng dẫn liên quan. Luật và các văn bản dưới luật trong lĩnh vực chứng khoán cũng đang trong quá trình hoàn thiện, do đó bất kỳ sự thay đổi nào về mặt chính sách cũng sẽ có thể ảnh hưởng đến hoạt động quản trị, kinh doanh của Công ty. Mặt khác, rủi ro này cũng xuất hiện khi Công ty không tuân thủ nghiêm ngặt các quy định pháp luật, thực hiện các hoạt động không được cho phép của pháp luật dẫn đến tổn thất và tổn hại uy tín của Công ty.

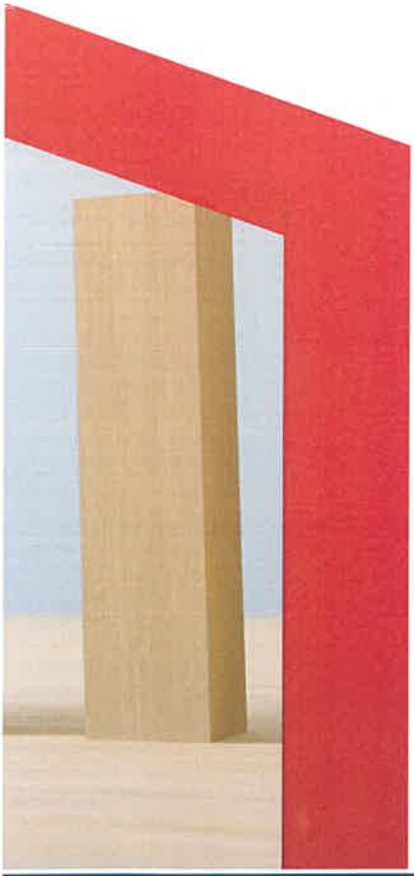
Nhận thức rõ tầm quan trọng của vấn đề này, Công ty luôn tập trung cập nhật những thay đổi này để kịp thời nắm bắt quy định, xây dựng một hệ thống quản trị, kinh doanh hiệu quả và khoa học, phù hợp hành lang pháp lý ngày càng chặt chẽ và phát triển tại Việt Nam. Ngoài ra, Ban lãnh đạo Công ty có trách nhiệm thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao theo quy định pháp luật, Điều lệ Công ty, Nghị quyết ĐHĐCĐ một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất nhằm bảo đảm lợi ích hợp pháp tối đa của Công ty.

RỦI RO NGUYÊN VẬT LIỆU

Công ty cổ phần Nhiệt điện Bà Rịa là một doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực nhiệt điện, sử dụng chủ yếu nguyên liệu đầu vào là khí tự nhiên và dầu D.O. Để duy trì hoạt động liên tục và đảm bảo sản xuất điện năng đủ sản lượng, nguồn cung nhiên liệu cho các nhà máy nhiệt điện cần được đảm bảo ổn định. Do đó, nguồn cung nhiên liệu sẽ ảnh hưởng đến công suất hoạt động cũng như nguồn điện của các nhà máy nhiệt điện.

Để quản lý nguồn cung nhiên liệu, Công ty có các chiến lược nhằm duy trì nguồn cung nhiên liệu ổn định, không bị thiếu hụt. Công ty đang nghiên cứu chuyển đổi sang sử dụng khí LNG để đáp ứng nhu cầu nhiên liệu đầu vào khi nguồn khí tự nhiên bị suy giảm.

Trong năm 2022, giá nguyên liệu đầu vào, đặc biệt là giá khí tăng mạnh, làm ảnh hưởng đến khả năng cạnh tranh của nguồn điện và kết quả kinh doanh của doanh nghiệp. Biến động của giá Nhiên liệu khí và các nguồn năng lượng tái tạo ảnh hưởng trực tiếp đến tình hình SXKD của Công ty. Để giảm thiểu rủi ro này, Công ty đã chủ động đàm phán với các nhà cung cấp, nhằm đảm bảo nguồn cung nhiên liệu đầu vào cho quá trình sản xuất, đồng thời Công ty đang tìm hiểu và áp dụng nguồn nhiên liệu mới để đáp ứng nhu cầu sản xuất.





CÁC RỦI RO

RỦI RO TỶ GIÁ

Công ty cổ phần Nhiệt điện Bà Rịa đang sử dụng khoản vay ngoại tệ bằng đồng WON, được cấp bởi Quỹ hợp tác phát triển kinh tế Hàn Quốc - EDCF để thực hiện dự án đầu tư 306-2 Nhà máy Điện Bà Rịa. Do đó, việc thay đổi tỷ giá có thể gây ra ảnh hưởng lớn đến lợi nhuận của Công ty. Khoản chênh lệch tỷ giá của khoản vay ngoại tệ trong năm bao gồm chênh lệch thanh toán cho phần ngoại tệ thực hiện trả nợ trong năm và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư nợ khoản vay còn lại. Nếu tỷ giá ngoại tệ tăng, rủi ro tỷ giá đối với Công ty sẽ tăng lên.

RỦI RO LAO ĐỘNG

Đặc thù lao động ngành điện là tiềm ẩn các rủi ro cao khác nhau, bởi chỉ riêng điện thoại đã là nguồn nguy hiểm cao đối với bất kỳ ai tiếp xúc mà không có các biện pháp an toàn. Vì vậy, người lao động khi làm việc trong nhà máy điện phải đối mặt với nhiều rủi ro, nguy hiểm khác nhau. Do đó, Công ty luôn đặt mức độ an toàn lao động lên hàng đầu. Bên cạnh việc thực hiện các quy trình và quy định nghiêm ngặt trong công tác quản lý, vận hành và sản xuất, Công ty còn thường xuyên tổ chức các hoạt động kiểm tra, đánh giá và tập huấn để đảm bảo kiến thức, kỹ năng và kinh nghiệm cho người lao động. Ngoài ra, Công ty cũng trang bị đầy đủ các phương tiện và dụng cụ an toàn, áp dụng các biện pháp kỹ thuật và cải thiện điều kiện làm việc để chăm sóc sức khỏe cho người lao động.



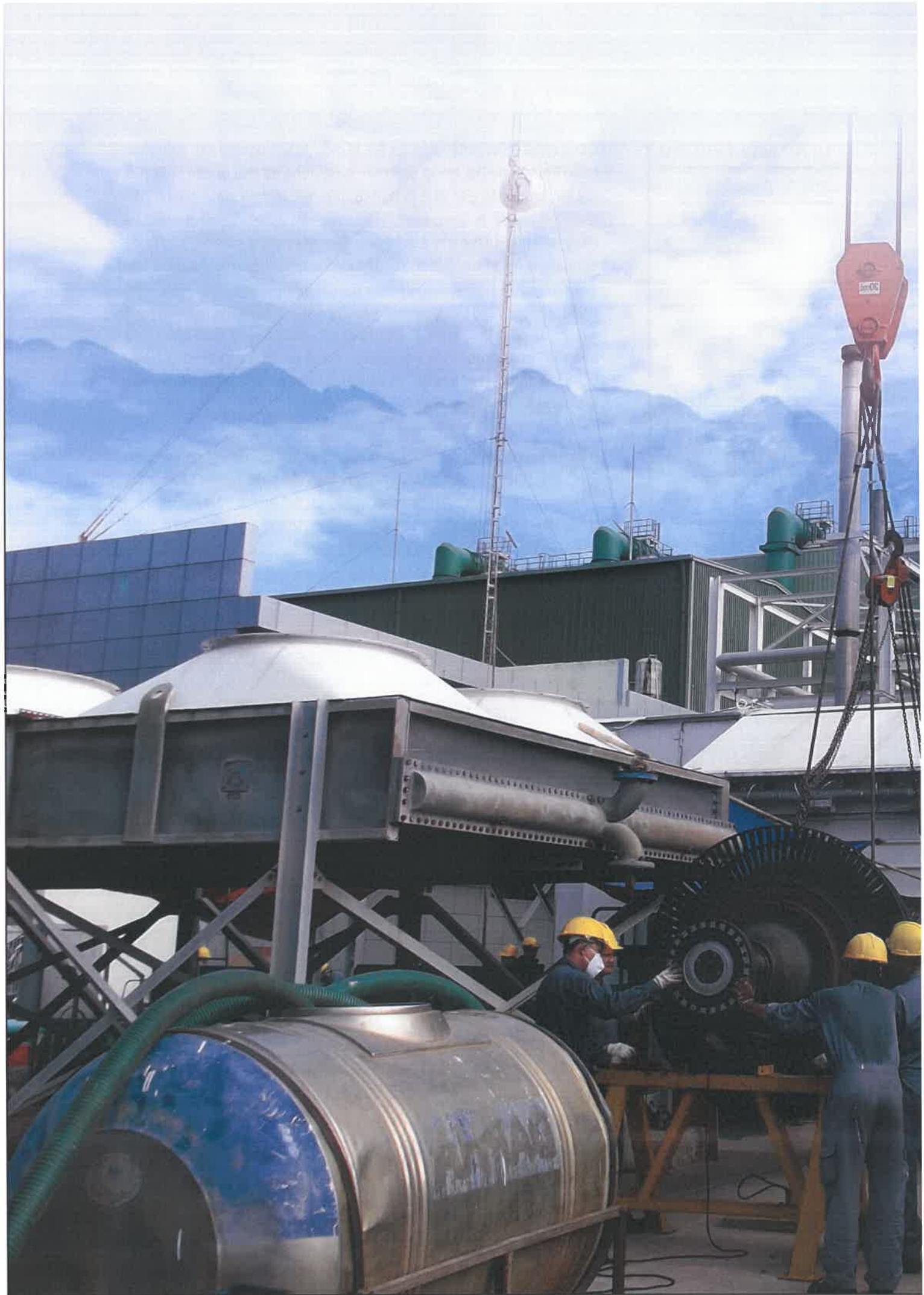
RỦI RO MÔI TRƯỜNG

Công ty cổ phần Nhiệt điện Bà Rịa là một doanh nghiệp sản xuất điện bằng khí và dầu DO, trong quá trình hoạt động sẽ thải ra các chất thải khí và nước thải, gây ra ảnh hưởng đến môi trường xung quanh nếu không được xử lý đúng cách. Hơn nữa, vấn đề về ô nhiễm nhiệt và tiếng ồn cũng có thể gây ảnh hưởng đến môi trường sống và sức khỏe cộng đồng địa phương. Công ty đã luôn thực hiện tốt việc: tuân thủ các quy định pháp luật về bảo vệ môi trường, nâng cao ý thức nhân viên trong việc sử dụng tiết kiệm năng lượng – nước, tuân thủ nghiêm ngặt việc xử lý chất thải, nước thải... Bên cạnh đó, Công ty luôn chú trọng đến tầm quan trọng của việc nâng cao nhận thức môi trường trong công tác sản xuất vận hành đối với cán bộ nhân viên để giảm thiểu các tác động tiêu cực lên môi trường.

RỦI RO KHÁC

Bên cạnh những rủi ro trên, Công ty còn phải đối mặt với nhiều rủi ro khác như thiên tai, dịch bệnh, cháy nổ, biến đổi khắc nghiệt về khí hậu, và các vấn đề chính trị. Những rủi ro này có thể gây ra thiệt hại nghiêm trọng đến con người và tài sản của công ty. Vì vậy, Công ty đã áp dụng các biện pháp dự phòng để giảm thiểu thiệt hại đến mức thấp nhất do các rủi ro này gây ra.





2

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG

- 24** Hoạt động sản xuất kinh doanh
- 26** Tổ chức nhân sự
- 30** Chính sách nhân sự
- 32** Tình hình đầu tư, thực hiện dự án
- 34** Tình hình tài chính
- 38** Tình hình cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu
- 40** Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội



ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2022

ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	TH 2021	TH 2022	KH 2022	TH 2022/ KH 2022	TH 2022/ TH 2021
1	Sản lượng điện						
-	Điện sản xuất	triệu kWh	672,82	168,58	425,00	39,66 %	25,05%
-	Điện thượng phẩm	triệu kWh	653,92	163,93	413,36	39,66 %	25,07 %
2	Tổng doanh thu	triệu đồng	1.334.139	599.408	947.036	63,29%	44,93%
-	Doanh thu sản xuất điện	triệu đồng	1.211.290	511.234	883.676	57,85%	42,21%
-	Doanh thu hoạt động tài chính	triệu đồng	121.048	85.635	59.699	143,44 %	70,74 %
-	Doanh thu dịch vụ, sản xuất, kinh doanh và hoạt động khác	triệu đồng	1.802	2.539	3.661	69,36%	140,94%
3	Tổng chi phí	triệu đồng	1.184.812	521.121	861.147	60,51%	43,98%
4	Lợi nhuận trước thuế	triệu đồng	149.328	78.286	85.890	91,15%	52,43%
5	Lợi nhuận sau thuế	triệu đồng	127.218	70.744	68.712	102,96 %	55,61%
6	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	đồng	1.903	1.170	1.136	102,99 %	61,48%

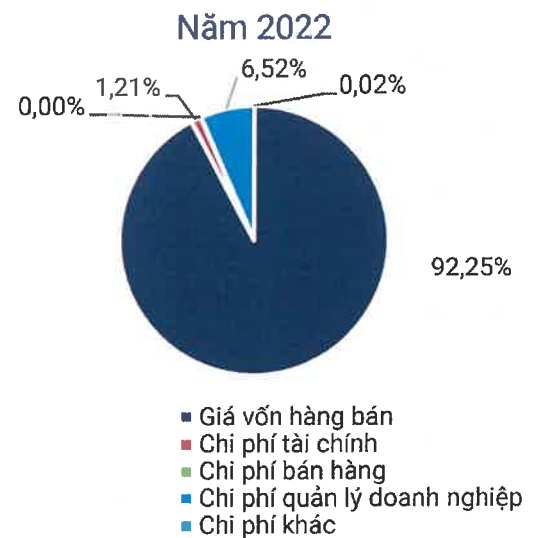
Năm 2022, Công ty gặp khó khăn trong công tác sản xuất điện, do Công ty là đơn vị cung cấp dịch vụ phụ trợ trên hệ thống điện, vận hành phát điện theo nhu cầu phụ tải của hệ thống điện, chủ yếu vận hành phủ đỉnh, thời gian vận hành ngắn, dẫn đến suất hao chung cho các tổ máy F6 + đuôi hơi cao. Tuy nhiên các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật đạt mục tiêu kế hoạch đề ra, hệ số sẵn sàng cao. Cụ thể sản lượng sản xuất năm 2022 là 168,58 triệu KWh, giảm 504 triệu KWh so với cùng kỳ năm trước, chỉ đạt 25,05% so với năm 2021.

Kết thúc năm 2022, Công ty ghi nhận các chỉ tiêu về lợi nhuận đều giảm so với cùng kỳ năm trước, cụ thể: Tổng doanh thu giảm 55,07%, từ 1.334.139 triệu đồng giảm còn 599.408 triệu đồng; lợi nhuận trước thuế đạt 78.286 triệu đồng, giảm 47,57% so với năm trước. Tuy nhiên, Công ty đạt được kế hoạch đối với chỉ tiêu lợi nhuận sau thuế, đạt 102,96% so với kế hoạch 2022, đạt 70.744 triệu đồng.

Nhìn chung, tình hình hoạt động kinh doanh của Công ty vẫn đạt được những thành quả nhất định. Kết quả này là sự cố gắng phấn đấu không ngừng để hoàn thành kế hoạch hoạt động sản xuất kinh doanh. Trong thời gian tới, Ban lãnh đạo cùng tập thể cán bộ công nhân viên nỗ lực hết mình để đóng góp, xây dựng một BTP ổn định và vững mạnh.

CƠ CẤU CHI PHÍ SẢN XUẤT CỦA CÔNG TY

STT	Khoản mục	ĐVT	TH 2021	Tỷ trọng 2021	TH 2022	Tỷ trọng 2022
1	Giá vốn hàng bán	Triệu đồng	1.145.618	96,69%	480.715	92,25%
2	Chi phí tài chính	Triệu đồng	2.050	0,17%	6.301	1,21%
3	Chi phí bán hàng	Triệu đồng	17	0,00%	23	0,00%
4	Chi phí quản lý doanh nghiệp	Triệu đồng	37.127	3,13%	33.955	6,52%
5	Chi phí khác	Triệu đồng	0	0,00%	127	0,02%
6	Tổng chi phí	Triệu đồng	1.184.812	100,00%	521.121	100,00%





TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ

DANH SÁCH BAN ĐIỀU HÀNH

(Tại ngày 31/12/2022)

STT	Thành viên	Chức vụ	Số lượng cổ phiếu (CP)		Tỷ lệ sở hữu	Ghi chú
			Cá nhân	Đại diện		
01	Ông Lê Văn Huy	Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc	-	14.437.067	23,87%	-
02	Ông Võ Nhu	Phó Tổng Giám đốc	-	-	-	-
03	Ông Đoàn Ngọc Nhân	Phó Tổng Giám đốc	-	-	-	Miễn nhiệm 10/06/2022
04	Bà Trần Thị Bảo Xuân	Kế toán trưởng	-	-	-	-

LÝ LỊCH THÀNH VIÊN BAN ĐIỀU HÀNH



Ông LÊ VĂN HUY - THÀNH VIÊN HĐQT KIÊM TỔNG GIÁM ĐỐC

Năm sinh: 1970

Nơi sinh: Xã Liêm Hải, huyện Trục Ninh, tỉnh Nam Định

Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ, Kỹ sư Điện công nghiệp

Chức vụ hiện nay tại Công ty: Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc

Quá trình công tác

- Từ 11/1995 - 06/1997: Nhân viên Công ty Xây lắp điện II, TP Hồ Chí Minh.
- Từ 7/1997 - 12/2000: Vận hành viên Phân xưởng vận hành, Công ty cổ phần Nhiệt điện Bà Rịa.
- Từ 15/12/2000 - 25/4/2004: Trưởng ca Vận hành, Công ty cổ phần Nhiệt điện Bà Rịa.
- Từ 26/4/2004 - 01/04/2007: Kỹ thuật viên phân xưởng Vận hành, Công ty cổ phần Nhiệt điện Bà Rịa.
- Từ 02/04/2007 - 04/01/2009 : Phó Quản đốc phân xưởng Vận hành, Công ty cổ phần Nhiệt điện Bà Rịa.
- Từ 05/01/2009 - 15/06/2009: Quyền Quản đốc phân xưởng Vận hành, Công ty cổ phần Nhiệt điện Bà Rịa.
- Từ 16/6/2009 - 05/7/2017: Quản đốc phân xưởng Vận hành, Công ty cổ phần Nhiệt điện Bà Rịa.
- Từ 06/7/2017- 15/6/2020: Phó Tổng Giám đốc kỹ thuật Công ty;
- Từ 16/6/2020 - nay: Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Nhiệt điện Bà Rịa; Bí thư Đảng ủy Công ty cổ phần Nhiệt điện Bà Rịa.



Ông VÕ NHU- PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC

Năm sinh: 1967

Nơi sinh: Thôn 3, xã Duy Thành Huyện Duy Xuyên, Tỉnh Quảng Nam

Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Điện khí hoá & Cung cấp điện

Chức vụ hiện nay tại Công ty: Phó Tổng Giám đốc

Quá trình công tác

- Từ 04/04/1994 - 23/09/2010: Kỹ thuật viên, P.xưởng vận hành, Công ty Cổ phần Nhiệt điện Bà Rịa
- Từ 24/09/2010 - 01/11/2010: Kỹ thuật viên, PX sửa chữa Điện-Tự động, Công ty Cổ phần Nhiệt điện Bà Rịa
- Từ 02/11/2010 - 13/03/2011: Kỹ thuật viên, P.xưởng vận hành, Công ty Cổ phần Nhiệt điện Bà Rịa
- Từ 14/03/2011 - 31/12/2017: Phó Quản đốc, P.xưởng vận hành, Công ty Cổ phần Nhiệt điện Bà Rịa
- Từ 01/01/2018 - 14/04/2020: Quản đốc, Phân xưởng vận hành, Công ty Cổ phần Nhiệt điện Bà Rịa.
- Từ 15/04/2020 - nay: Phó Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Nhiệt điện Bà Rịa, Phó bí thư Đảng ủy Công ty cổ phần Nhiệt điện Bà Rịa
- Từ 06/2020 - 08/2022: Ủy viên Ban Chấp hành Công đoàn Công ty.
- Từ 09/2022 - nay: Chủ tịch Công đoàn Công ty.



Bà TRẦN THỊ BẢO XUÂN - KẾ TOÁN TRƯỞNG

Năm sinh: 1973

Nơi sinh: Thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre

Trình độ chuyên môn: Cử nhân Tài chính kế toán

Chức vụ hiện nay tại Công ty: Kế toán trưởng

Quá trình công tác

- Từ 04/2001 - 07/ 2010: Chuyên viên phòng Tài chính kế toán.
- Từ 08/2010 - 09/2012: Phó phòng Tài chính kế toán.
- Từ 10 /2012 - 12/2012: Trưởng phòng Tài chính kế toán.
- Từ 01/ 01/2013 - nay: Kế toán trưởng Công ty cổ phần Nhiệt điện Bà Rịa.
- Từ 02/11/2017 - nay: Người công bố thông tin Công ty cổ phần Nhiệt điện Bà Rịa





TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ

NHỮNG THAY ĐỔI TRONG BAN ĐIỀU HÀNH TRONG NĂM 2022

Ngày 10/06/2022: Miễn nhiệm Ông Đoàn Ngọc Nhân chức vụ Phó Tổng Giám đốc

SỐ LƯỢNG CÁN BỘ, NHÂN VIÊN

Tại ngày 31/12/2022

STT	Tính chất phân loại	Năm 2021		Năm 2022	
		Số lượng (người)	Tỷ trọng (%)	Số lượng (người)	Tỷ trọng (%)
I	Theo trình độ lao động	260	100	240	100
1	Trình độ Đại học và trên Đại học	150	57,69	143	59,58
2	Trình độ Cao đẳng, trung cấp chuyên nghiệp	44	16,92	43	17,92
3	Sơ cấp và Công nhân kỹ thuật	43	16,54	36	15,00
4	Lao động phổ thông	23	8,85	18	7,50
II	Theo giới tính	260	100	240	100
1	Nam	222	85,38	206	85,83
2	Nữ	38	14,62	34	14,17
III	Theo đối tượng lao động	260	100	240	100
1	Lao động trực tiếp	196	75,38	178	74,17
2	Lao động gián tiếp	64	24,62	62	25,83
IV	Theo thời hạn HĐLĐ	260	100	240	100
1	Hợp đồng ngắn hạn dưới 1 năm	0	-	0	0
2	Hợp đồng có thời hạn 1 đến 3 năm	1	0,38	3	1,25
3	Hợp đồng không xác định thời hạn	259	99,62	237	98,75
V	Theo độ tuổi	260	100	240	100
1	Dưới 30 tuổi	2	0,77	5	2,08
2	Từ 30-39 tuổi	39	15,00	26	10,83
3	Từ 40-49 tuổi	148	56,92	138	57,50
4	Từ 50-59 tuổi	70	26,92	71	29,58
5	Trên 60 tuổi	0	0	0	0
Tổng cộng		260	100	240	100

THU NHẬP BÌNH QUÂN

Chỉ tiêu	Năm 2021	Năm 2022
Thu nhập bình quân (Triệu đồng/người/tháng)	17,77	16,09





TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ



CHÍNH SÁCH NHÂN SỰ

Về tuyển dụng

Công ty cổ phần Nhiệt điện Bà Rịa tuyển dụng nhân sự là những người tốt nghiệp đại học đúng chuyên ngành, có năng lực và kinh nghiệm phù hợp với yêu cầu công việc.

Để tìm kiếm các ứng viên phù hợp, Công ty áp dụng nhiều chính sách tuyển dụng để tìm kiếm ứng viên như sử dụng các phương tiện truyền thông như website và mạng xã hội để đăng tải thông tin tuyển dụng và thu hút sự chú ý của ứng viên, cũng như sử dụng dịch vụ của các Công ty tuyển dụng chuyên nghiệp để tìm kiếm các ứng viên phù hợp.



Về đào tạo

Công ty cổ phần Nhiệt điện Bà Rịa có chính sách hướng dẫn, đào tạo bài bản và chuyên nghiệp về nghiệp vụ, kỹ năng làm việc cho các nhân viên mới nhằm giúp các nhân viên nhanh chóng thích ứng với môi trường làm việc mới và đáp ứng được yêu cầu công việc.

Ngoài ra, Công ty còn tạo điều kiện về thủ tục cần thiết để đi tham gia các khóa đào tạo, bồi dưỡng, hướng dẫn nghiệp vụ, kỹ năng chuyên môn cho cán bộ nhân viên. Từ đó, giúp các nhân viên có thể tiếp cận với những kiến thức mới nhất và cập nhật kỹ năng để đáp ứng được yêu cầu công việc trong tương lai.

Về môi trường làm việc

Công ty cổ phần Nhiệt điện Bà Rịa tạo điều kiện môi trường làm việc an toàn vệ sinh, thoáng mát để đảm bảo sức khỏe và tinh thần làm việc của nhân viên. Các nhân viên được trang bị các trang thiết bị làm việc, phương tiện bảo hộ lao động và vệ sinh lao động cần thiết để đảm bảo an toàn trong quá trình làm việc.

Công ty khuyến khích duy trì văn hoá làm việc chuyên nghiệp, có trách nhiệm và tạo cơ hội phát triển bản thân cho nhân viên. Trong tương lai, tạo ra một môi trường làm việc tích cực, khích lệ nhân viên học hỏi và phát triển bản thân, đồng thời giúp công ty thu hút và giữ chân được nhân viên tài năng.

Chính sách lương, thưởng và đãi ngộ

Công ty đảm bảo các nhân viên được trả lương xứng đáng với năng lực và cống hiến.

Ngoài các loại bảo hiểm bắt buộc theo quy định của Nhà nước như BHXH, BHYT, BHTN, hàng năm Công ty tổ chức khám sức khỏe định kỳ toàn CBNV.

Công ty còn quy định khen thưởng cho các tập thể, cá nhân đạt thành tích, xuất sắc định kỳ hoặc đột xuất đều được công nhận và khen thưởng xứng đáng.





TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ THỰC HIỆN DỰ ÁN

Trong năm, Công ty không thực hiện đầu tư các dự án.



TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH CÔNG TY LIÊN KẾT:

Công ty cổ phần Thủy Điện Buôn Đôn

Đơn vị tính: Triệu đồng

Chỉ tiêu	TH 2021	TH 2022	%2022/2021
Tổng tài sản	1.550.156	1.524.417	98,34%
Doanh thu thuần	328.406	397.882	121,16%
Giá vốn hàng bán	186.404	193.009	103,54%
Doanh thu hoạt động tài chính	1.800	2.887	160,39%
Chi phí tài chính	26.502	28.705	108,31%
Chi phí bán hàng	0	0	0
Chi phí quản lý doanh nghiệp	15.381	17.124	111,34%
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	101.919	161.840	158,79%
Lợi nhuận khác	0	0	0
Lợi nhuận trước thuế	101.919	161.840	158,79%
Lợi nhuận sau thuế	96.725	153.664	158,87%





TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Đơn vị tính: Triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2021	Năm 2022	% 2022/2021	% Tăng, giảm
Tổng giá trị tài sản	1.909.360	1.599.402	83,77%	-16,23%
Doanh thu thuần	1.212.907	513.492	42,34%	-57,66%
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	149.143	78.131	52,39%	-47,61%
Lợi nhuận khác	185	155	83,73%	-16,27%
Lợi nhuận trước thuế	149.328	78.286	52,43%	-47,57%
Lợi nhuận sau thuế	127.218	70.744	55,61%	-44,39%

(Triệu đồng)

513.492

Doanh thu thuần



EVNTPC BA RIA

(Triệu đồng)

78.286

**Lợi nhuận
trước thuế**

(Triệu đồng)

70.744

**Lợi nhuận
sau thuế**

CÁC CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH

Chỉ tiêu		Năm 2021	Năm 2022
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
Hệ số thanh toán ngắn hạn:	Lần	2,55	4,91
Hệ số thanh toán nhanh:	Lần	2,27	4,25
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
Hệ số Nợ/Tổng tài sản	Lần	0,33	0,22
Hệ số Nợ/vốn chủ sở hữu	Lần	0,50	0,29
3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
Vòng quay hàng tồn kho	Vòng	10,35	4,51
Vòng quay tổng tài sản	Vòng	0,67	0,29
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần (ROS)	%	10,49	13,78
Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu bình quân(ROE)	%	10,18	5,62
Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản bình quân (ROA)	%	7,03	4,03
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	%	12,30	15,22





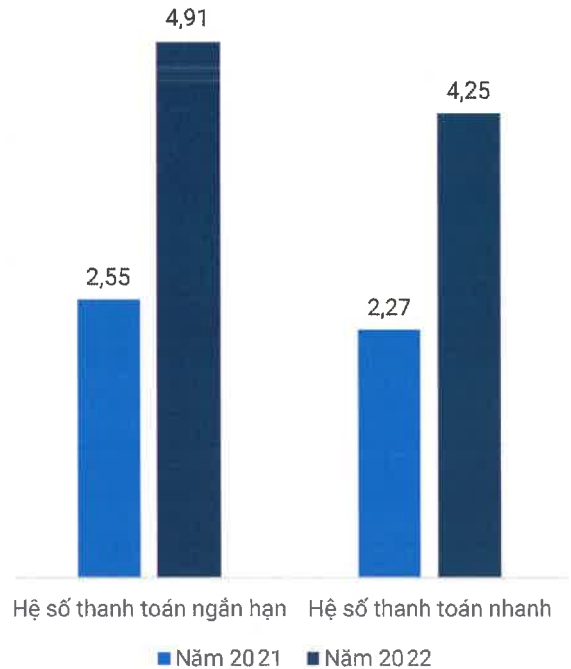
TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

CÁC CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH

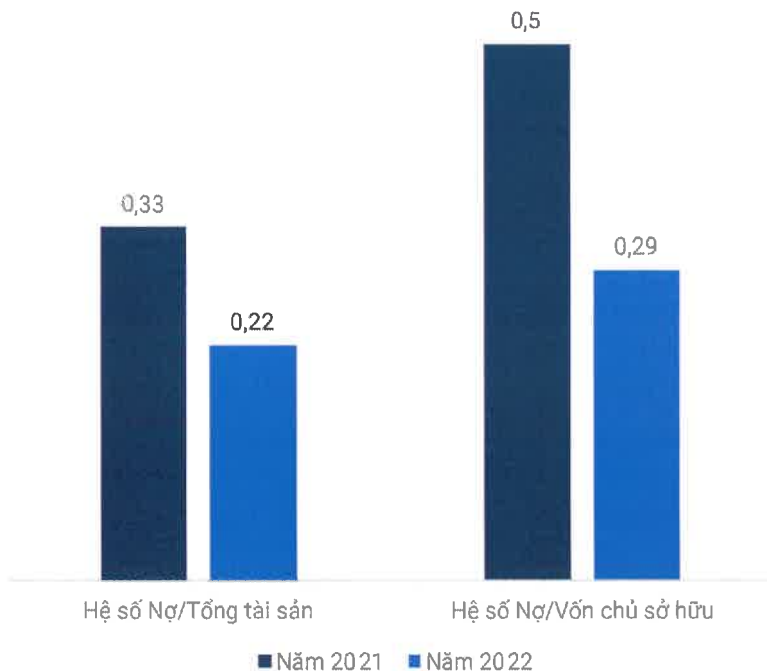
Chỉ tiêu khả năng thanh toán

Kết thúc năm 2022, các chỉ tiêu về khả năng thanh toán của Công ty đều có sự cải thiện tốt so với cùng kỳ năm 2021. Chỉ tiêu về thanh toán ngắn hạn tăng từ 2,55 lần lên 4,91 lần, chỉ tiêu về thanh toán nhanh tăng từ 2,27 lần lên 4,25 lần. Tính đến thời điểm 31/12/2022, trong khi tài sản ngắn hạn giảm 19,02% thì nợ ngắn hạn có mức giảm gần 57,95%, nguyên nhân lần lượt đến từ các khoản phải thu ngắn hạn khách hàng chủ yếu là đến từ Công ty mua bán điện (EVN) giảm 194.431 triệu đồng so với năm 2021 và các khoản phải trả người bán ngắn hạn, chủ yếu đến từ Tổng Công ty Khí Việt Nam (LNG) giảm 181.089 triệu đồng, tương đương giảm 74,75% so với năm trước. Nhìn chung, các chỉ số về khả năng thanh toán cho thấy Công ty đảm bảo khả năng chi trả trong ngắn hạn.

Chỉ tiêu khả năng thanh toán



Chỉ tiêu về cơ cấu vốn



Chỉ tiêu về cơ cấu vốn

Các chỉ tiêu về cơ cấu vốn trong năm 2022 đều giảm so với năm 2021. Cụ thể, hệ số nợ/tổng tài sản và hệ số nợ/vốn chủ sở hữu lần lượt đạt 0,22 lần và 0,29 lần. Nguyên nhân chính dẫn đến các hệ số trong chỉ tiêu cơ cấu vốn giảm là do nợ phải trả của Công ty giảm 43,79%, chỉ còn 356.420 triệu đồng.

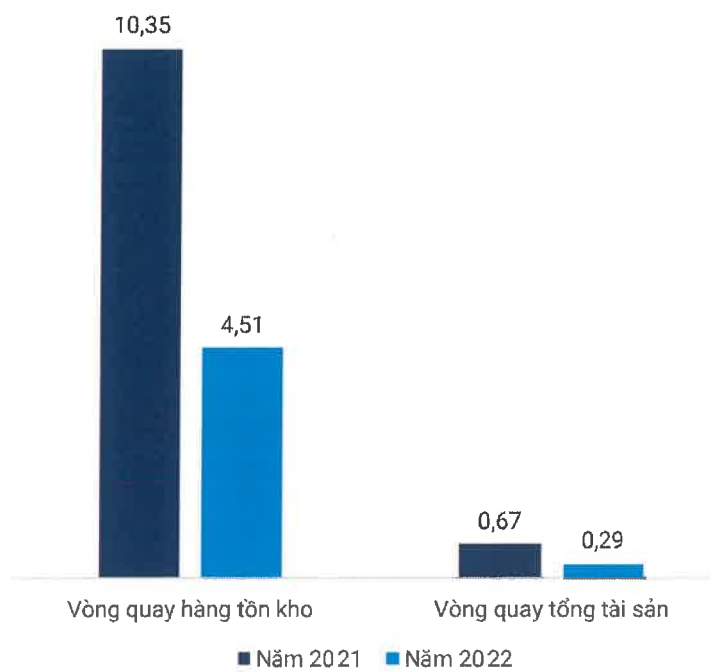
Trong năm, khoản phải trả người bán, đặc biệt là phải trả cho Chi nhánh Kinh doanh LNG - Tổng Công ty Khí Việt Nam - Công ty cổ phần giảm chủ yếu là do sản lượng điện giảm nên nguồn cung nguyên liệu khí đầu vào cũng giảm theo. Ngoài ra, việc trả một phần nợ dài hạn cũng là nguyên nhân ảnh hưởng đến các chỉ tiêu về cơ cấu vốn.

Chỉ tiêu năng lực hoạt động

Trong năm 2022, giá vốn hàng bán của BTP giảm xuống còn 480.715 triệu đồng (giảm 58,04% so với năm 2021) do nhu cầu huy động sản lượng điện phát giảm so với cùng kỳ năm trước. Tuy nhiên, hàng tồn kho không thay đổi đáng kể dẫn đến chỉ tiêu vòng quay hàng tồn kho giảm từ 10,35 vòng còn 4,51 vòng.

Chỉ tiêu vòng quay tổng tài sản trong năm 2022 giảm xuống còn 0,29 vòng (giảm 0,38 vòng so với năm 2021). Nguyên nhân của sự sụt giảm này đến từ các khoản phải thu từ EVN giảm ảnh hưởng doanh thu bán điện giảm. Bên cạnh đó, khoản đầu tư của BTP để mua trái phiếu từ CTCP Thủy điện Vĩnh Sơn – Sông Hinh đã được VSH mua lại trước hạn cũng ảnh hưởng đến chỉ tiêu vòng quay tổng tài sản.

Chỉ tiêu về năng lực hoạt động

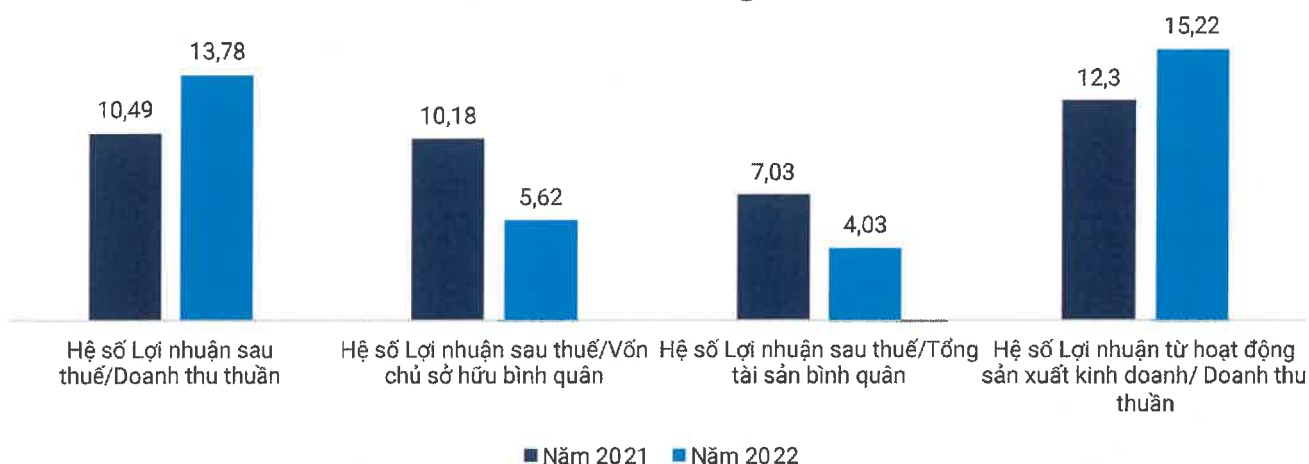


Chỉ tiêu khả năng sinh lời

Trong năm qua, Công ty gặp khá nhiều khó khăn trong hoạt động sản xuất kinh doanh nên các chỉ tiêu khả năng sinh lời biến động đáng kể. Cụ thể, Hệ số Lợi nhuận sau thuế/ Tổng tài sản bình quân (ROA) và hệ số Lợi nhuận sau thuế/ Vốn chủ sở hữu bình quân (ROE) năm 2022 giảm nhẹ lần lượt đạt 4,03% và 5,62%.

Tuy nhiên, nhờ quản lý tốt các chi phí hoạt động, qua đó giúp nâng cao biên lợi nhuận, cải thiện kết quả kinh doanh. Do đó hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần và Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần lần lượt đạt 13,78% và 15,22%.

Chỉ tiêu về khả năng sinh lời





CƠ CẤU CỔ ĐÔNG, THAY ĐỔI VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU

THÔNG TIN CỔ PHẦN

Tổng số cổ phiếu đã phát hành: 60.485.600 cổ phiếu

- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành: 60.485.600 cổ phiếu
- Số lượng cổ phiếu quỹ: 0 cổ phiếu

Loại cổ phần: cổ phần phổ thông

Mệnh giá cổ phần: 10.000 đồng/cổ phiếu

CƠ CẤU CỔ ĐÔNG

Tại thời điểm 14/03/2023

STT	Đối tượng	Số lượng cổ phiếu (CP)	Số lượng cổ đông (người)	Tỷ lệ sở hữu (%)
I	Cổ phiếu phổ thông	60.485.600	1.083	100,00%
1	Cổ đông trong nước	54.627.960	1.049	90,32%
	- Cá nhân	5.007.956	1035	8,28%
	- Tổ chức	49.620.004	14	82,04%
2	Cổ đông nước ngoài	5.857.640	34	9,68%
	- Cá nhân	40.360	21	0,07%
	- Tổ chức	5.817.280	13	9,62%
II	Cổ phiếu ưu đãi	-	-	-
III	Cổ phiếu quỹ	-	-	-
	Tổng cộng	60.485.600	1.083	100,00%

TÌNH HÌNH THAY ĐỔI VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU

Từ khi thành lập đến nay, Công ty không thực hiện tăng vốn điều lệ.



CÁC CỔ ĐÔNG LỚN

Tại thời điểm 14/03/2023

STT	Tên cổ đông	Địa chỉ	Số cổ phần (CP)	Tỷ lệ (%)
1	Tổng Công ty Phát điện 3 - Công ty cổ phần	Số: 60-66 đường Nguyễn Cơ Thạch, Khu đô thị Sala, Phường An Lợi Đông, Quận 2, TP HCM, Việt Nam	48.123.557	79,56
2	SAMARANG UCITS – SAMARANG ASIAN PROSPERITY	11a, Avenue Monterey L-2163 Luxem-bourg	4.886.210	8,08

TỶ LỆ SỞ HỮU NƯỚC NGOÀI TỐI ĐA: 49%

GIAO DỊCH CỔ PHIẾU QUỸ

Không có.

CÁC CHỨNG KHOÁN KHÁC

Không có.





BÁO CÁO TÁC ĐỘNG LIÊN QUAN ĐẾN MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI

- Trong năm 2022, Công ty cổ phần Nhiệt điện Bà Rịa đã tuân thủ theo đúng pháp luật, không có phát sinh các vấn đề về tranh chấp, pháp lý.
- Công ty đã xây dựng kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường ban hành kèm theo Quyết định số 1390/QĐ-NĐBR ngày 11/11/2022.
- Công ty đã thực hiện các công tác phòng ngừa, ứng phó và khắc phục sự cố môi trường.
- Trong năm 2022, Công ty không để xảy ra sự cố môi trường.



QUẢN LÝ NGUỒN NGUYÊN VẬT LIỆU

Tổng lượng nguyên vật liệu được sử dụng để sản xuất trong năm

Nguyên vật liệu	Đơn vị	Số lượng
Khí gas	Tr.BTU/Năm	1.527.700,9
Dầu DO	Tấn/Năm	219,58
Điện	MWh/năm	11.940,18
Nước	m ³ /năm	66.210

XỬ LÝ NƯỚC THẢI SINH HOẠT SỬ DỤNG VÀ NƯỚC THẢI CÔNG NGHIỆP

Khoản mục	Đơn vị	TH 2021	TH 2022	Nước thải phê duyệt
Nước thải sinh hoạt phát	m ³	4.745	4.398	5.475
Nước thải công nghiệp	m ³	88.776	52.968	109.500

CHẤT THẢI RẮN SINH HOẠT VÀ CHẤT THẢI NGUY HẠI

Chất thải rắn sinh hoạt	Khối lượng 2022 (kg)	Tổ chức, cá nhân tiếp nhận CTRSH	Khối lượng 2021 (kg)
Nhóm có khả năng tái sử dụng, tái chế Nhóm chất thải hữu cơ dễ phân hủy	12.000	Công ty CP Dịch vụ Đô thị Bà Rịa	12.000

Chất thải rắn công nghiệp thông thường: Công ty không phát sinh chất thải rắn công nghiệp thông thường.

Về chất thải nguy hại: Công ty có số đăng ký chủ nguồn thải nguy hại: 77.000038.T do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu cấp ngày 21/03/2013.

Công ty đã tiến hành thu gom vào kho lưu trữ tạm thời chất thải nguy hại, không để lẫn với chất thải khác và sau đó hợp đồng với đơn vị có chức năng vận chuyển, xử lý chất thải nguy hại là Công ty TNHH Hà Lộc, Công ty TNHH Môi trường Tươi Sáng định kỳ tiến hành thu gom, vận chuyển và đem đi xử lý theo đúng quy định của pháp luật.





BÁO CÁO TÁC ĐỘNG LIÊN QUAN ĐẾN MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI

TIÊU THỤ NĂNG LƯỢNG

Khối lượng Điện sản xuất theo Báo cáo Công tác bảo vệ môi trường



XỬ LÝ KHÍ THẢI

Các nguồn phát sinh bụi và khí thải ở công ty bao gồm:

- Khí thải từ các tổ máy phát điện đều sử dụng nhiên liệu chính là khí thiên nhiên;
- Nhiên liệu dự phòng là dầu DO.

Sau khi lắp thêm các đuôi hơi và nâng chiều cao ống khói lên 25m làm tăng khả năng phát tán, vì vậy nồng độ ô nhiễm không khí tại các khu vực xung quanh luôn đạt Quy chuẩn môi trường tương ứng.

Theo tính toán trong báo cáo đánh giá tác động môi trường của Công ty đã được phê duyệt, cùng với chiều cao trên nếu sử dụng nhiên liệu là khí thiên nhiên và dầu DO sẽ đảm bảo nồng độ các chất ô nhiễm trong không khí xung quanh khu vực Công ty đạt theo Quy chuẩn Việt Nam;

Để giảm thiểu ô nhiễm của các nhà máy nhiệt điện đối với môi trường không khí, Công ty tiến hành đồng thời hàng loạt các giải pháp kỹ thuật sau: Thiết kế ống khói nhằm tạo khả năng lan toả rộng các khí độc và bụi trong khí thải của nhà máy nhiệt điện; Sử dụng các máy lọc bụi tĩnh điện công suất lớn, hiệu suất cao nhằm lọc bụi luồng khí thải trước khi đưa vào ống khói thải ra khí quyển; Bảo dưỡng lò hơi và các thiết bị khác nhằm tránh rò rỉ các khí độc hại ra môi trường xung quanh,...





BÁO CÁO TÁC ĐỘNG LIÊN QUAN ĐẾN MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI

CHÍNH SÁCH LIÊN QUAN ĐẾN NGƯỜI LAO ĐỘNG

Giá trị cốt lõi cho sự phát triển bền vững của Công ty là nguồn nhân lực dồi dào, phát triển. Vì vậy, để giúp Công ty phát triển vững mạnh, BTP cam kết mang đến cho toàn thể cán bộ công nhân viên một môi trường làm việc chuyên nghiệp và an toàn, nhằm phát huy hết năng lực của mình:

- Để nâng cao nhận thức, trình độ cho người lao động trong thời gian qua, BTP đã có nhiều phương pháp cụ thể như: những cuộc thi về tìm hiểu trên phần mềm hệ thống, áp dụng công nghệ thông tin vào các bài thi an toàn, sát hạch, nâng giữ bậc, tổ chức các chương trình bồi huấn, học tập phù hợp với các vị trí công tác,... qua các hoạt động này đã giúp người lao động từng bước thích ứng với văn hóa công nghệ và cách làm việc mới.
- Công tác phòng cháy, chữa cháy (PCCC) luôn được thực hiện nghiêm túc, công tác diễn tập PCCC được thực hiện định kỳ để nâng cao nhận thức, kỹ năng và khả năng xử lý tình huống của đội ngũ CBCNV.



BÁO CÁO LIÊN QUAN ĐẾN TRÁCH NHIỆM ĐỐI VỚI CỘNG ĐỒNG ĐỊA PHƯƠNG

Bên cạnh các mục tiêu hướng đến kết quả hoạt động kinh doanh, Công ty còn chú trọng đến trách nhiệm đối với xã hội là sự phát triển bền vững trong tương lai của doanh nghiệp. Đầu tiên là các chính sách nhằm bảo vệ môi trường, giữ gìn không khí trong sạch cho địa bàn nhân dân. Bên cạnh đó là các chính sách an sinh xã hội, trao tặng quà vào các ngày lễ cho các cựu chiến binh, người già, người tàn tật và trẻ em cùng với sự ủng hộ khi địa bàn khu vực hoạt động gặp khó khăn như thiên tai, lũ lụt, dịch bệnh...

Từ các hoạt động đó, Công ty lan tỏa tình đồng bào, tương thân tương ái đến xã hội.





3

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

48 Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

50 Tình hình tài chính

52 Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách,
quản lý

53 Kế hoạch phát triển trong tương lai

54 Giải trình của Ban Tổng Giám đốc đối với
ý kiến kiểm toán

56 Báo cáo đánh giá liên quan đến
trách nhiệm về môi trường và xã hội



ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

Trong năm 2022, trong điều kiện gặp nhiều khó khăn và thách thức cho nền kinh tế Thế giới và Việt Nam, Công ty cổ phần Nhiệt điện Bà Rịa cũng không nằm ngoài ảnh hưởng này. Tuy nhiên dù gặp không ít khó khăn nhưng tập thể CBCNV Công ty đã vượt qua nhờ vào việc hoàn chỉnh bộ máy nhân sự, nâng cao chất lượng công tác vận hành, bảo dưỡng, quản lý tốt các chi phí... Thành công đó cũng nhờ vào sự chỉ đạo sát sao của Tổng Công ty Phát điện 3, sự hỗ trợ của các Ban trong Tổng Công ty, sự phối hợp của Công đoàn Tổng Công ty, đặc biệt là sự đoàn kết, đồng lòng vượt khó của Ban lãnh đạo và toàn thể CBCNV trong Công ty cổ phần Nhiệt điện Bà Rịa. Trong năm 2022 lợi nhuận sau thuế đạt 70.744 triệu đồng, đạt 102,96% kế hoạch đề ra.

Đơn vị tính: Triệu đồng

Chỉ tiêu	TH 2021	TH 2022	KH 2022	TH 2022/KH 2022	TH 2022/TH 2021
Tổng Doanh thu thực hiện	1.334.139	599.408	947.036	63,29%	44,93%
Tổng chi phí	1.184.812	521.121	861.146	60,51%	43,98%
Lợi nhuận trước thuế	149.328	78.286	85.890	91,15%	52,43%
Lợi nhuận sau thuế	127.218	70.744	68.712	102,96%	55,61%



TỔNG DOANH THU THỰC HIỆN
(Triệu đồng)

599.408

Giảm 36,71% so với kế hoạch năm 2022

LỢI NHUẬN SAU THUẾ
(Triệu đồng)

70.744

Tăng 2,96% so với kế hoạch năm 2022

THUẬN LỢI

- Công ty luôn nhận được sự quan tâm sâu sắc của Tập đoàn Điện lực Việt Nam, Tổng Công ty Phát điện 3 và sự hỗ trợ của các cơ quan chức năng.
- Tại Việt Nam hiện nay, cùng với sự tăng trưởng của nền kinh tế là sự gia tăng không ngừng về nhu cầu năng lượng nói chung và nhu cầu sử dụng điện năng nói riêng.
- Giá điện hợp đồng được điều chỉnh theo giá nhiên liệu đầu vào, do đó giá bán điện đã tăng lên rất cao trong năm 2022, giúp cho Công ty bảo vệ lợi nhuận khỏi việc tăng giá đầu vào.
- Đội ngũ nhân sự gắn bó lâu năm, có kinh nghiệm và năng lực chuyên môn, cơ bản đáp ứng yêu cầu công việc trong giai đoạn phát triển mới; công tác đào tạo nhân sự được duy trì thường xuyên và liên tục.
- Trong công tác quản lý kỹ thuật, vận hành và bảo dưỡng sửa chữa, phần lớn các tổ máy có hệ thống điều khiển đều được nâng cấp lên các phiên bản cao hơn. Công ty đã đưa các máy tính HMI về nhà điều hành trung tâm để tập trung điều khiển các tổ máy; trạm biến áp 110kV và 220kV đã thực hiện thao tác từ xa thông qua Remote HMI với các giải pháp đảm bảo an ninh thông tin được trang bị đồng bộ và vận hành theo tiêu chí trạm không người trực từ xa.
- Các giải pháp thực hiện chuyển đổi số đồng bộ trong các lĩnh vực kỹ thuật- sản xuất, đầu tư xây dựng, đáp ứng được các nhu cầu quản trị, kiểm soát hoạt động, tối ưu hóa nguồn lực, giúp Công ty không bị động và gián đoạn trong các hoạt động điều hành sản xuất và kinh doanh.

KHÓ KHĂN

- Năm 2022 là năm chứng kiến nhiều biến động của toàn cầu, cùng với áp lực giá nguyên liệu đầu vào, đặc biệt là giá khí tăng mạnh trong năm ảnh hưởng đến khả năng cạnh tranh của các nguồn điện.

NHỮNG TIẾN BỘ CÔNG TY ĐÃ ĐẠT ĐƯỢC: Không có.



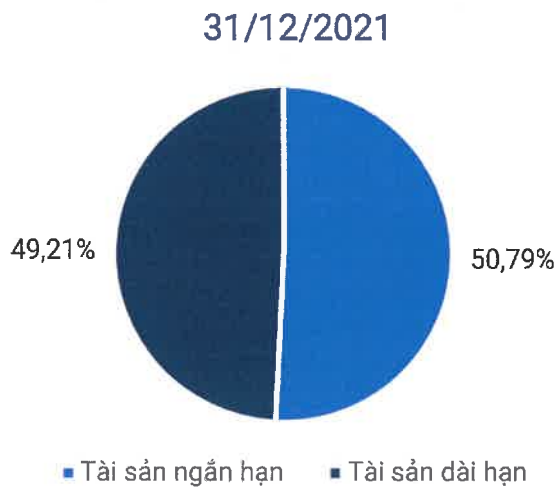


TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

TÌNH HÌNH TÀI SẢN

Đơn vị tính: triệu đồng

Chi tiêu	31/12/2021	Tỷ trọng năm 2021	31/12/2022	Tỷ trọng năm 2022	%2022/2021
Tài sản ngắn hạn	969.732	50,79%	785.310	49,10%	80,98%
Tài sản dài hạn	939.628	49,21%	814.092	50,90%	86,64%
Tổng tài sản	1.909.360	100%	1.599.402	100%	83,77%

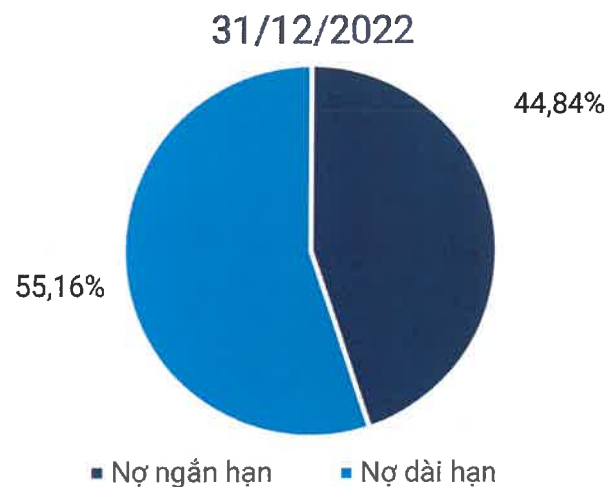
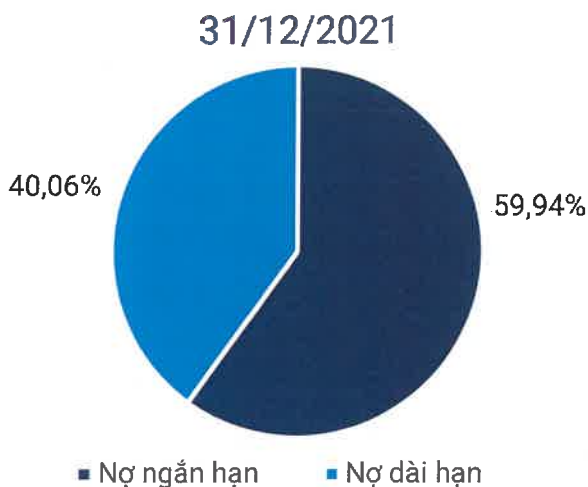


Trong năm 2022, có một sự chuyển dịch trong cơ cấu tài sản của BTP. Tại ngày 31/12/2022, tổng tài sản của BTP giảm 16,23% so với năm trước, với sự sụt giảm mạnh nhất là tài sản ngắn hạn, giảm 19,02% so với thời điểm 31/12/2021, từ 969.732 triệu đồng xuống còn 785.310 triệu đồng. Trong đó, khoản phải thu khách hàng giảm mạnh, đặc biệt là các khoản phải thu đến từ Công ty mua bán điện - Tập đoàn Điện lực Việt Nam. Nguyên nhân của sự sụt giảm này là do nhu cầu phụ tải thấp dẫn đến sản lượng điện sản xuất giảm mạnh so với cùng kỳ năm trước, dẫn đến sự sụt giảm của khoản phải thu khách hàng. Tài sản dài hạn của BTP cũng giảm 13,36% so với cùng kỳ năm trước, với khoản đầu tư nắm giữ đáo hạn giảm do khoản đầu tư trái phiếu vào Công ty Cổ phần Thủy điện Vĩnh Sơn- Sông Hinh (VSH) đã được VSH mua lại trước hạn với giá trị là 126 tỷ đồng.

TÌNH HÌNH NỢ PHẢI TRẢ

Đơn vị tính: triệu đồng

Chỉ tiêu	31/12/2021	Tỷ trọng năm 2021	31/12/2022	Tỷ trọng năm 2022	%2022/2021
Nợ ngắn hạn	380.055	59,94%	159.806	44,84%	42,05%
Nợ dài hạn	254.027	40,06%	196.614	55,16%	77,40%
Tổng nợ phải trả	634.082	100%	356.420	100%	56,21%



Tại thời điểm 31/12/2022, nợ ngắn hạn của BTP giảm 57,95% so với cùng kỳ năm trước và chiếm tỷ lệ 44,84% trong tổng số nợ phải trả. Trong đó, khoản nợ phải trả cho các nhà cung cấp cũng giảm đi 42,05%, đạt 215.350 triệu đồng. Nguyên nhân do nhu cầu phụ tải, sản lượng điện phát của các tháng cuối năm 2022 thấp hơn năm 2021 làm giảm các khoản phải trả ngắn hạn tiền nhiên liệu khí với Công ty khí.

Ngoài ra, nợ dài hạn của Công ty tại thời điểm 31/12/2022 giảm từ 254.027 triệu đồng xuống còn 196.614 triệu đồng, tương đương với giảm 22,60% so với cùng kỳ năm ngoái, do hằng năm Công ty trả gốc vốn vay ODA do Tập đoàn Điện lực Việt Nam đứng chủ thể hợp đồng. Đây cũng là nguyên nhân dẫn đến tổng nợ phải trả của BTP giảm mạnh so với năm trước.





NHỮNG CẢI TIẾN VỀ CƠ CẤU TỔ CHỨC, CHÍNH SÁCH-QUẢN LÝ

- Đảm bảo công tác vận hành sản xuất điện an toàn, kinh tế; triển khai các dự án; phân đấu hoàn thành các chỉ tiêu của chương trình tối ưu hóa chi phí, triển khai chương trình nâng cao hiệu quả SXKD.
- Đặc biệt quan tâm, hỗ trợ, phối hợp với Công đoàn Công ty tổ chức nhiều hoạt động Văn - Thể - Mỹ cho CBCNV.
- Chủ trương “phòng họp không giấy”, và việc tăng cường ứng dụng nền tảng hội họp trực tuyến, chia sẻ tài liệu, báo cáo trên cổng thông tin nội bộ, truy xuất dữ liệu qua QR code,... đã đánh dấu sự chuyển dịch từ mô hình quản trị truyền thống lên mô hình quản trị trực tuyến làm tiền đề cho tiến trình chuyển đổi số tại Công ty.
- Công ty cổ phần Nhiệt điện Bà Rịa đang sử dụng D-office, 100% văn bản đi và văn bản nội bộ đã được phát hành số hóa, trừ các loại văn bản bắt buộc ký bản giấy theo quy định về công tác văn phòng của EVN.
- Chú trọng và xây dựng một môi trường văn hóa doanh nghiệp trách nhiệm và nhân văn “Thượng tôn pháp luật và trách nhiệm với xã hội”.
- Áp dụng linh hoạt PMIS vào vận hành, khai thác được đa số các phân hệ trên phần mềm giúp Công ty quản lý kỹ thuật sản xuất điện hiệu quả, khoa học.





KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN TRONG TƯƠNG LAI

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch 2023
1	Tổng sản lượng điện sản xuất	Triệu kWh	170
2	Điện bán (Thương phẩm)	Triệu kWh	165,3
3	Tổng doanh thu	Triệu đồng	569.012
4	Tổng chi phí	Triệu đồng	516.732
5	Lợi nhuận trước thuế	Triệu đồng	52.280
6	Lợi nhuận sau thuế	Triệu đồng	47.332
7	Cổ tức	%	6



- Phấn đấu hoàn thành tốt các nhiệm vụ quản trị, điều hành Công ty và các chỉ tiêu kinh tế, tài chính được ĐHCĐ giao.
- Đảm bảo vận hành các tổ máy an toàn - kinh tế.
- Xây dựng và hoàn thiện đề án tham gia thị trường điện.
- Mua khí hóa lỏng (LNG) để phát điện.
- Xem xét, đánh giá lại tính khả thi và hiệu quả các dự án đang dở và có kế hoạch cụ thể cho từng dự án.
- Thực hiện tốt kế hoạch sửa chữa lớn, cải tạo, phục hồi công suất các tổ máy còn lại (GT5, GT8...), nâng cấp thiết bị máy móc, nâng cao độ sẵn sàng của thiết bị, đáp ứng nhu cầu điện năng của hệ thống điện quốc gia.
- Bảo toàn và phát triển vốn của các cổ đông.
- Nâng cao đời sống vật chất, tinh thần cho người lao động trong Công ty.
- Phát huy thế mạnh về công tác dịch vụ, hợp tác với các đơn vị trong và ngoài ngành nhằm giới thiệu năng lực và quảng bá thương hiệu của Công ty để mở rộng dịch vụ gia công, lắp đặt, bảo dưỡng và sửa chữa thiết bị, mặt khác tiếp tục khắc phục các thiếu sót nhằm đảm bảo chất lượng dịch vụ, nâng cao uy tín của Công ty và tăng lợi nhuận cho Công ty, tạo điều kiện tăng thu nhập cho người lao động.





KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN TRONG TƯƠNG LAI

CĂN CỨ ĐỂ HOÀN THÀNH KẾ HOẠCH

Để nâng cao công tác sản xuất kinh doanh hiệu quả và an toàn, Công ty cần chủ động tìm kiếm các nguồn cung cấp khí bổ sung trong bối cảnh nguồn khí trong nước đang suy giảm. Ngoài ra, Công ty cần thường xuyên theo dõi tình hình sản xuất tại các đơn vị để có sự chỉ đạo kịp thời, kiểm soát tiến độ hoàn thành công việc.

Để đảm bảo vận hành nhà máy hiệu quả, Công ty cần tăng cường phối hợp với các đơn vị quản lý và điều hành hệ thống điện. Nắm bắt thông tin đầy đủ, liên tục và dự báo chuẩn sát tình hình hệ thống điện và thị trường điện cũng là một yếu tố quan trọng.

Để đáp ứng nhu cầu về nguồn nhân lực chất lượng cao, Công ty cần phát triển nguồn nhân lực chuyên sâu và đào tạo chuyên môn. Công ty tăng cường công tác quản lý kĩ thuật, nâng cao hiệu suất các tổ máy và giảm công suất tối thiểu các tổ máy để gia tăng hiệu quả sản xuất điện.

Ngoài ra, Công ty áp dụng các công nghệ thông tin vào quản lý và vận hành là một giải pháp để giảm chi phí sản xuất và kinh doanh. Điều này giúp cho BTP sẽ nâng cao sản xuất kinh doanh hiệu quả và an toàn hơn.

GIẢI TRÌNH CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI Ý KIẾN KIỂM TOÁN: Không có.







BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ LIÊN QUAN ĐẾN TRÁCH NHIỆM VỀ MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI

Công ty cổ phần Nhiệt điện Bà Rịa không chỉ tập trung vào sản xuất mà còn đặt sự phát triển xã hội và bảo vệ môi trường vào tâm điểm hoạt động của mình, hướng tới mục tiêu phát triển bền vững và bền vững hóa sản xuất. Để đạt được mục tiêu này, Công ty cam kết giảm thiểu các tác động tiêu cực đến môi trường bằng cách kiểm soát chặt chẽ quá trình sản xuất. Cùng với đó, BTP luôn tạo lập giá trị tốt nhất cho các bên liên quan như nhân viên, khách hàng, đối tác, nhà cung cấp và cộng đồng xung quanh, nhằm đảm bảo sự phát triển bền vững trong tương lai. Bên cạnh việc hoạt động sản xuất hiệu quả, Công ty cũng chú trọng đến việc đóng góp cho sự phát triển của xã hội và bảo vệ môi trường, từ đó góp phần nâng cao chất lượng cuộc sống và bảo vệ tài nguyên cho thế hệ tương lai.

ĐÁNH GIÁ LIÊN QUAN ĐẾN CÁC CHỈ TIÊU MÔI TRƯỜNG

Công ty luôn chú trọng và tuân thủ các quy định về bảo vệ môi trường. Ngoài việc đạt được hiệu suất sản xuất, BTP còn tập trung vào việc nâng cao ý thức tiết kiệm, chống lãng phí và bảo vệ môi trường cho toàn bộ cán bộ công nhân viên. Các nguồn tài nguyên thiên nhiên được sử dụng một cách tiết kiệm và hợp lý để giảm thiểu tác động tiêu cực lên môi trường. Hơn nữa, Công ty còn khuyến khích lao động và nhân viên sử dụng các sản phẩm thân thiện với môi trường và tái sử dụng chúng trong quá trình kinh doanh. Tất cả những việc làm này cho thấy cam kết của Công ty trong việc xây dựng một môi trường sống tốt đẹp và bền vững trong tương lai.



ĐÁNH GIÁ LIÊN QUAN ĐẾN VẤN ĐỀ NGƯỜI LAO ĐỘNG

Con người chính là nhân tố đóng vai trò quan trọng nhất trong mỗi tổ chức. Chất lượng nhân sự quyết định sự thành bại của một doanh nghiệp. Công ty cổ phần Nhiệt điện Bà Rịa đặt con người lên hàng đầu trong quá trình hoạt động kinh doanh của mình. Công ty không chỉ chú trọng đến việc cung cấp một môi trường làm việc an toàn, tiện nghi cho CBCNV mà còn quan tâm đến đời sống tinh thần và vật chất của họ. Các chế độ ưu đãi, chi trả lương, thưởng, cấp phát bảo hộ lao động, mua bảo hiểm tai nạn 24/24 và tổ chức khám sức khỏe định kỳ là những điểm nhấn của Công ty trong việc chăm sóc và bảo vệ quyền lợi cho CBCNV.

Bên cạnh các quy phạm nghiêm ngặt trong công tác quản lý, vận hành, sản xuất; công tác kiểm tra, sát hạch, tập huấn thường xuyên về kiến thức, kỹ năng và kinh nghiệm bảo đảm an toàn lao động, thường xuyên trang bị đầy đủ các phương tiện, dụng cụ an toàn; các biện pháp kỹ thuật, cải thiện điều kiện làm việc, chăm sóc sức khỏe cho người lao động. Công ty tổ chức thường xuyên các lớp tập huấn về công tác an toàn lao động và giám sát chặt chẽ để đảm bảo rằng các biện pháp phòng ngừa tai nạn lao động và bệnh nghề nghiệp được áp dụng đúng cách.

Các hoạt động của BTP không chỉ giúp bảo vệ quyền lợi của CBCNV mà còn đem lại lợi ích cho toàn bộ cộng đồng xung quanh. Công ty đã đưa ra các chính sách và hoạt động nhằm giảm thiểu tác động tiêu cực đối với môi trường, sử dụng tiết kiệm các nguồn tài nguyên thiên nhiên và khuyến khích CBCNV sử dụng sản phẩm thân thiện với môi trường trong quá trình kinh doanh. Điều này cho thấy Công ty cũng đóng góp tích cực vào việc bảo vệ môi trường và phát triển bền vững của xã hội.

ĐÁNH GIÁ LIÊN QUAN ĐẾN TRÁCH NHIỆM CỦA DOANH NGHIỆP ĐỐI VỚI CỘNG ĐỒNG ĐỊA PHƯƠNG

Công ty cổ phần Nhiệt điện Bà Rịa nhận thức được tầm quan trọng của việc đóng góp vào sự phát triển bền vững, nâng cao chất lượng cuộc sống và cộng đồng xung quanh. Điều này không chỉ là trách nhiệm của doanh nghiệp mà còn là cách để mỗi cán bộ công nhân viên trong Công ty tạo ra một môi trường sống tốt hơn cho tất cả mọi người.

Trong năm qua, Công ty đã tuân thủ các chuẩn mực về bảo vệ môi trường, bình đẳng về giới, an toàn lao động, quyền lợi lao động, trả lương công bằng, đào tạo và phát triển nhân viên, đóng góp an sinh xã hội và phát triển cộng đồng. BTP đã thực hiện rất tốt các cam kết này thông qua việc xây dựng một văn hóa doanh nghiệp và quy tắc ứng xử cụ thể.

Một trong những phương tiện quan trọng để đạt được mục tiêu này là thông qua các hoạt động của Công đoàn. Công đoàn đã thực hiện tốt nhiệm vụ chăm lo, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp, chính đáng cho người lao động, phát huy quy chế dân chủ ở cơ sở, thoả ước lao động tập thể; có nhiều hoạt động văn hoá, văn nghệ, thể dục thể thao, tạo không khí thi đua sôi nổi, rèn luyện và nâng cao sức khoẻ cho người lao động; phong trào nữ công luôn được quan tâm, hoạt động có hiệu quả; tích cực tham gia các hoạt động an sinh, xã hội.

Thêm vào đó, Công ty cũng đã tham gia các hoạt động xã hội, như sửa chữa điện miễn phí cho người nghèo, hiến máu tình nguyện, ủng hộ nhân dân các địa phương gặp thiên tai, lũ lụt và ủng hộ quỹ phòng chống dịch bệnh Covid-19 địa phương. Chương trình đóng góp xã hội của Công ty cổ phần Nhiệt điện Bà Rịa không chỉ hướng tới các hoạt động bảo vệ môi trường và phát triển cộng đồng mà còn bao gồm cả việc tham gia vào các hoạt động từ thiện và giúp đỡ những người có hoàn cảnh khó khăn.

Những hoạt động này không chỉ giúp Công ty cổ phần Nhiệt điện Bà Rịa đóng góp tích cực vào sự phát triển bền vững của xã hội mà còn giúp xây dựng hình ảnh uy tín và lòng tin của khách hàng, đối tác và cộng đồng đối với Công ty.





4

ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

- 60** Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty, trong đó có đánh giá liên quan đến trách nhiệm môi trường và xã hội
- 61** Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Tổng Giám đốc Công ty
- 62** Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị



ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ CÁC MẶT HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

VỀ SẢN XUẤT KINH DOANH

- Tổng sản lượng điện sản xuất đạt 169 triệu kWh, bằng 39,67% so với kế hoạch năm 2022 và bằng 25,05% so với thực hiện năm 2021.
- Tổng sản lượng điện thương phẩm đạt 164 triệu kWh, bằng 39,66% so với kế hoạch năm 2022 và bằng 25,07% so với thực hiện năm 2021.

VỀ CÔNG TÁC THỊ TRƯỜNG ĐIỆN

Công ty đã hoàn thành tốt công tác vận hành thị trường điện trong năm 2022. Trong công tác thanh toán tiền bán điện, Công ty đã lập hồ sơ thanh toán đảm bảo đúng tiến độ và tính chính xác của số liệu thanh toán với Công ty mua bán điện.

VỀ CÔNG TÁC TÀI CHÍNH

Công ty tiếp tục thực hiện tốt công tác quản lý tài chính, đảm bảo hoạt động này luôn luôn minh bạch và tuân thủ pháp luật. Công ty đã cân đối, tối ưu dòng tiền để thanh toán các chi phí phát sinh cho hoạt động SXKD; trong năm không phát sinh vay lưu động.

VỀ CÔNG TÁC QUẢN TRỊ

Trong năm, Công ty tiếp tục rà soát, sửa đổi các quy định quản trị nội bộ, tạo hành lang pháp lý, định hướng các hoạt động của Công ty theo hướng khoa học, hợp lý bám sát các quy định hiện hành của pháp luật.



ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

- ✓ Theo định hướng của HĐQT, Ban điều hành Công ty đứng đầu là Tổng Giám đốc đã thực hiện nhiều giải pháp trong sản xuất đảm bảo các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật vận hành ổn định, tin cậy hơn và chủ động linh hoạt tham gia thị trường nhiệt điện.
- ✓ Trong vấn đề quản lý và điều hành SXKD, Ban Điều hành Công ty đã thực thi kỷ luật nghiêm khắc và quyết liệt, đồng bộ hơn rất nhiều. Các chế độ thưởng phạt đã gắn liền với quyền lợi và trách nhiệm của người lao động và nâng cao hiệu quả, năng suất lao động.
- ✓ Ban Tổng Giám đốc, các phòng ban, các phân xưởng, các công trình trực thuộc Công ty tuân thủ theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và Nghị quyết của Hội đồng quản trị nhằm đảm bảo quyền lợi của Cổ đông và Công ty.
- ✓ Tham gia đầy đủ các cuộc họp và nắm rõ tình hình hoạt động kinh doanh, đề xuất các giải pháp nhằm xử lý kịp thời các vấn đề liên quan.
- ✓ Thực hiện các kế hoạch về khía cạnh hoạt động kinh doanh, đầu tư đúng theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và Nghị quyết của Hội đồng quản trị; phù hợp với quy định của pháp luật cùng với điều lệ, các quy chế, quy định nội bộ đồng thời sửa đổi kịp thời phù hợp với tình hình hoạt động của Công ty.





KẾ HOẠCH, ĐỊNH HƯỚNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ





Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2023

Xem ở Phần III - Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc, Mục Kế phát triển trong tương lai.

KẾ HOẠCH TỔNG DOANH THU
(Triệu đồng)

569.012

KẾ HOẠCH ĐIỆN BÁN (THƯƠNG PHẨM)
(Triệu kWh)

165,3

KẾ HOẠCH LỢI NHUẬN TRƯỚC THUẾ
(Triệu đồng)

52.280

KẾ HOẠCH LỢI NHUẬN SAU THUẾ
(Triệu đồng)

47.332







KẾ HOẠCH, ĐỊNH HƯỚNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Về hoạt động sản xuất kinh doanh điện năng

- Thực hiện tốt công tác bảo trì định kỳ, kế hoạch sửa chữa, cải tạo, nâng cấp thiết bị máy móc, nâng cao độ sẵn sàng của thiết bị, đáp ứng nhu cầu điện năng của hệ thống điện quốc gia.
- Chuẩn bị đầy đủ vật tư, thiết bị dự phòng chiến lược, sửa chữa thay thế kịp thời các thiết bị hư hỏng, giảm thiểu tối đa dừng máy do sự cố.
- Phối hợp và thực hiện tốt công tác an toàn, phòng chống lụt bão, phòng chống cháy nổ theo quy định hiện hành để đảm bảo an toàn cho nhà máy.
- Đảm bảo đội ngũ lao động chuyên môn hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao.
- Phấn đấu hoàn thành sớm công tác đàm phán giá điện hàng năm.

Về quản trị Công ty

- Thực hiện hoạt động và quản trị điều hành Công ty theo đúng Điều lệ, các văn bản quy định pháp quy của Công ty. Đảm bảo thực hiện các hoạt động SXKD theo đúng kế hoạch đề ra, tối ưu chi phí, nâng cao lợi nhuận.
- Thực hiện các hoạt động tài chính - kế toán theo đúng quy định, kịp thời thu hồi các khoản doanh thu, công nợ đến hạn..... đảm bảo dòng tiền, nguồn vốn phục vụ hoạt động SXKD theo kế hoạch đề ra.
- Tiếp tục kiện toàn cơ cấu tổ chức bộ máy Công ty và hệ thống văn bản pháp quy phù hợp với từng giai đoạn phát triển.
- Đảm bảo đội ngũ nhân sự, nâng cao trình độ chuyên môn để luôn sẵn sàng hoàn thành tốt nhiệm vụ và đẩy mạnh phát triển hoạt động SXKD của Công ty. Không ngừng nâng cao đời sống vật chất và tinh thần nhằm động viên người lao động tăng năng suất lao động, tinh thần trách nhiệm và hiệu quả trong công việc.

Về đầu tư phát triển Nguồn điện mới:

- Tiếp tục theo dõi thông tin về các dự án đã và đang triển khai, đồng thời nghiên cứu, tìm hiểu thêm các dự án mới.

Về Đầu tư tài chính:

- Đối với các khoản tiền gửi: Tăng cường quản lý tốt dòng tiền tăng hiệu quả đầu tư tài chính Công ty.







5

QUẢN TRỊ CÔNG TY

68 Hội đồng quản trị

76 Ban Kiểm soát

80 Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc và Ban kiểm soát



HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

THÀNH PHẦN VÀ CƠ CẤU HĐQT

Tính tại ngày 31/12/2022

STT	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Số lượng CP sở hữu (CP)		Tỷ lệ sở hữu (%)	Ghi chú
			Cá nhân	Đại diện		
1	Ông Nguyễn Tiến Dũng	Chủ tịch HĐQT	3.200	19.249.923	31,83	-
2	Ông Lê Văn Huy	TV. HĐQT kiêm Tổng Giám đốc	-	14.437.067	23,87	-
3	Ông Trần Lê Trung Hiếu	TV. HĐQT	-	14.437.067	23,87	-
4	Ông Lê Thế Sơn	TV. HĐQT	-	-	-	Miễn nhiệm 31/05/2022
5	Ông Châu Thanh Cần	TV. HĐQT độc lập	-	-	-	Miễn nhiệm 31/05/2022
6	Ông Hoàng Văn Phong	TV. HĐQT	-	670.000	1,11	Bổ nhiệm 31/05/2022
7	Ông Trần Lê Minh	TV. HĐQT độc lập	-	-	-	Bổ nhiệm 31/05/2022

LÝ LỊCH THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



Ông NGUYỄN TIẾN DŨNG- CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Năm sinh: 1968

Nơi sinh: Xã Hoằng Đạo, huyện Hoằng Hoá, tỉnh Thanh Hoá

Trình độ chuyên môn: Kỹ sư cơ khí chế tạo máy, Thạc sĩ Quản trị Kinh doanh.

Chức vụ hiện nay tại Công ty: Chủ tịch HĐQT

Quá trình công tác

- 23/01/1989- 07/1991: Công tác tại Nhà máy thủy điện Tri An.
- 19/08/1991 - 11/1992: Công tác tại trạm turbine khí Nhà máy điện Chợ Quán.
- 12/1992-12/1995: Tổ trưởng sửa chữa cơ điện nhà máy điện Bà Rịa.
- 01/1996 - 12/1997: Tổ trưởng sửa chữa cơ thuộc PXSC Cơ Điện nhà máy điện Bà Rịa.
- 02/01/1998- 17/06/2003: Phó quản đốc phân xưởng sửa chữa cơ.
- 18/06/2003 – 04/02/2008: Quản đốc phân xưởng sửa chữa cơ nhiệt, công ty Nhiệt điện Bà Rịa.
- 05/02/2008 – 30/09/2010: Phó Giám đốc Công ty cổ phần Nhiệt điện Bà Rịa.
- 01/10/2010- 30/06/2019: TV HĐQT kiêm Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Nhiệt điện Bà Rịa.
- 01/07/2019 – 30/06/2021: Trưởng ban kỹ thuật sản xuất Tổng Công ty Phát điện 3.
- 01/07/2021 – 31/10/2021: Thành viên HĐQT chuyên trách, Hội đồng quản trị, Công ty CP Nhiệt điện Bà Rịa.
- 01/11/2021 - nay: Chủ tịch HĐQT Công ty CP Nhiệt điện Bà Rịa.



Ông TRẦN LÊ TRUNG HIẾU - THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Năm sinh: 1977

Nơi sinh: Thành phố Bà Rịa

Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ, Kỹ sư Điện công nghiệp

Chức vụ hiện nay tại Công ty: Thành viên HĐQT

Quá trình công tác

- Từ tháng 03/2000 - 07/2007: Vận hành viên Phân xưởng Vận hành 2, Công ty Nhiệt điện Phú Mỹ.
- Từ tháng 07/2007 - 01/2012: Trưởng ca Phân xưởng Vận hành 2, Công ty TNHH MTV Nhiệt điện Phú Mỹ.
- Từ 01/2012 - 01/2013: Tổ trưởng Tổ KT-VP PXVH2, Công ty TNHH MTV Nhiệt điện Phú Mỹ.
- Từ 01/2013 - 09/2014: Phó Quản đốc PXVH2, Tổng Công ty Phát điện 3.
- Từ 10/2014 - 04/2016: Phó Chánh văn phòng - TTBV, Tổng Công ty Phát điện 3.
- Từ 05/2016 - nay: Chánh văn phòng - TTBV, Tổng Công ty phát điện 3
- Từ 29/06/2021 - nay: Thành viên HĐQT Công ty cổ phần Nhiệt điện Bà Rịa.



Ông HOÀNG VĂN PHONG - THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Năm sinh: 1965

Nơi sinh: Hợp Hưng, Vụ Bản, Nam Định

Trình độ chuyên môn: Kỹ sư hệ thống điện

Chức vụ hiện nay tại Công ty: Thành viên HĐQT

Quá trình công tác:

- Từ 05/1986 - 01/2009: Công nhân vận hành lò, Công ty CP Nhiệt điện Phả Lại.
- Từ 02/2009 - 10/2012: Trưởng ca vận hành Công ty CP Nhiệt điện Phả Lại.
- Từ 11/2012 - 06/2013: Phó Trưởng phòng Kỹ thuật, Công ty CP Nhiệt điện Phả Lại
- Từ 07/2013 - 01/2015: Kỹ sư chính, Phó Trưởng phòng Kỹ thuật, Công ty CP Nhiệt Phả Lại.
- Từ 02/2015 - 05/2015: Quyền Trưởng phòng, phòng An toàn, Công ty CP Nhiệt Phả Lại.
- Từ 06/2015 - 10/03/2019: Trưởng phòng An toàn, Công ty CP Nhiệt Phả Lại.
- Từ 11/03/2015: Trưởng phòng Tổ chức - Lao động, Công ty CP Nhiệt Phả Lại.
- Từ 31/05/2022 - nay: Thành viên HĐQT Công ty CP Nhiệt điện Bà Rịa.

Ông LÊ VĂN HUY- THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ KIỂM TỐNG GIÁM ĐỐC

Xem thông tin phần II- Lý lịch Ban điều hành.





HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

LÝ LỊCH THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



Ông TRẦN LÊ MINH - THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ ĐỘC LẬP

Năm sinh: 1966

Nơi sinh: xã Tịnh Ấn Đông, huyện Sơn Tịnh, tỉnh Quảng Ngãi

Trình độ chuyên môn: Kỹ sư điện, Thạc sỹ Quản trị Kinh doanh

Chức vụ hiện nay tại Công ty: Thành viên HĐQT

Quá trình công tác

- Từ 19/01/1990 - 01/02/2003: Công tác tại Phòng Dự án nguồn, Công ty tư vấn xây dựng điện 3 (EVNPECC3).
- Từ 01/12/2003 - 30/11/2007: Phó phòng, Phòng Dự án nguồn, Công ty CP Tư vấn xây dựng điện 3 thuộc Tập đoàn Điện lực Việt Nam (EVNPECC3).
- Từ 01/12/2007 - 30/01/2009: Trưởng phòng, Phòng Dự án nguồn, Công ty tư vấn xây dựng điện 3 (EVNPECC3).
- Từ 01/02/2009 - nay: Phó Tổng Giám đốc Công ty CP Tư vấn xây dựng điện 3 (EVNPECC3).
- Từ 31/05/2022 - nay: Thành viên HĐQT Công ty CP Nhiệt điện Bà Rịa.

CÁC TIỂU BAN THUỘC HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ:

Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Nhiệt điện Bà Rịa thành lập tiểu ban giúp việc cho Hội đồng quản trị là Ban Kiểm toán nội bộ gồm 03 thành viên, do Ông Châu Thanh Cần - Thành viên HĐQT độc lập làm Trưởng ban và thay thế Ông Trần Lê Minh - Thành viên HĐQT (được bầu thay thế Ông Châu Thanh Cần từ ngày 31/5/2022).

SỐ LƯỢNG CUỘC HỌP CỦA TIỂU BAN THUỘC HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ:

Ban Kiểm toán nội bộ gồm 03 thành viên, do Ông Châu Thanh Cần - Thành viên HĐQT độc lập làm Trưởng ban và thay thế Ông Trần Lê Minh - Thành viên HĐQT (được bầu thay thế Ông Châu Thanh Cần từ ngày 31/5/2022) tổ chức 02 cuộc họp trong năm.

HOẠT ĐỘNG GIÁM SÁT CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỚI BAN TỔNG GIÁM ĐỐC :

Việc giám sát Ban Tổng Giám đốc Công ty thông qua Chủ tịch Hội đồng quản trị, cụ thể như sau:

- Triển khai kế hoạch tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 vào ngày 31/5/2022.
- Giám sát công tác chỉ đạo và điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh theo kế hoạch cả năm 2022.
- Tổ chức chỉ đạo thực hiện nghiêm túc chế độ Báo cáo tài chính năm 2022 và Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2022.
- Giám sát việc thực hiện mục tiêu của Ban điều hành đồng thời có các chỉ đạo, quyết định liên quan đến việc thực hiện Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) và của HĐQT.

CÁC CUỘC HỌP CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ TRONG NĂM 2022

STT	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Số buổi họp HĐQT tham dự	Tỷ lệ tham dự họp	Lý do không tham dự họp
1	Ông Nguyễn Tiến Dũng	Chủ tịch HĐQT	04/04	100%	-
2	Ông Lê Văn Huy	TV. HĐQT	04/04	100%	-
3	Ông Trần Lê Trung Hiếu	TV. HĐQT	04/04	100%	-
4	Ông Lê Thế Sơn	TV. HĐQT	02/02	100%	Miễn nhiệm 31/05/2022
5	Ông Châu Thanh Cần	TV. HĐQT độc lập	02/02	100%	Miễn nhiệm 31/05/2022
6	Ông Hoàng Thanh Phong	TV. HĐQT	02/02	100%	Bổ nhiệm 31/05/2022
7	Ông Trần Lê Minh	TV. HĐQT độc lập	02/02	100%	Bổ nhiệm 31/05/2022

NHỮNG THAY ĐỔI TRONG HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ NĂM 2022

STT	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Ngày bắt đầu/không còn là thành viên HĐQT	
			Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
1	Ông Lê Thế Sơn	TV HĐQT	-	31/05/2022
2	Ông Châu Thanh Cần	TV HĐQT độc lập	-	31/05/2022
3	Ông Hoàng Thanh Phong	TV HĐQT	31/05/2022	-
4	Ông Trần Lê Minh	TV HĐQT độc lập	31/05/2022	-





HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

DANH SÁCH NGHỊ QUYẾT/QUYẾT ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ NĂM 2022:

Hội đồng quản trị đã tổ chức 04 phiên họp. Nội dung cụ thể các phiên họp và Nghị quyết/ Quyết định được ban hành tương ứng như sau:

STT	SỐ NGHỊ QUYẾT/ QUYẾT ĐỊNH	NGÀY	NỘI DUNG	TỶ LỆ THÔNG QUA
1	68/NQ – NĐBR	19/01/2022	Về việc xét duyệt quyết toán quỹ tiền lương sản xuất khác năm 2021.	100%
2	236/NQ – NĐBR	25/02/2022	Thông qua thời gian tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 của Công ty cổ phần Nhiệt điện Bà Rịa.	100%
3	239/NQ – NĐBR	28/02/2022	Họp Hội đồng quản trị định kỳ Quý 1/2022.	100%
4	260/NQ – NĐBR	02/03/2022	Thông qua kế hoạch tổ chức ĐHĐCĐ thường niên năm 2022 của Công ty cổ phần Thủy điện Buôn Đôn.	100%
5	461/NQ – NĐBR	13/04/2022	Thông qua các nội dung tại cuộc họp ĐHĐCĐ thường niên năm 2022 của Công ty cổ phần Thủy điện Buôn Đôn.	100%
6	468/NQ – NĐBR	15/04/2022	Về việc thống nhất gia hạn thời gian tổ chức ĐHĐCĐ thường niên năm 2022 của Công ty cổ phần Nhiệt điện Bà Rịa.	100%
7	475/NQ – NĐBR	15/04/2022	Thông qua các nội dung tại cuộc họp ĐHĐCĐ thường niên năm 2022 của Công ty cổ phần Nhiệt điện Bà Rịa.	100%
8	500/NQ – NĐBR	22/04/2022	Thông qua các nội dung tại cuộc họp ĐHĐCĐ thường niên năm 2022 của Công ty cổ phần Nhiệt điện Quảng Ninh.	100%
9	567/NQ – NĐBR	04/05/2022	Thông qua cho phép vay vốn 16 tỷ để thanh toán tiền khí khi đến hạn.	100%
10	611/NQ – NĐBR	12/05/2022	Họp Hội đồng quản trị định kỳ Quý II/2022.	100%
11	665/NQ – NĐBR	23/05/2022	Thông qua các nội dung tại cuộc họp ĐHĐCĐ thường niên năm 2022 của Công ty cổ phần Nhiệt điện Hải Phòng.	100%
12	708/NQ – NĐBR	31/05/2022	Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 Công ty cổ phần Nhiệt điện Bà Rịa.	100%
13	715/NQ-NĐBR	31/05/2022	Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 Công ty cổ phần Nhiệt điện Bà Rịa.	100%
14	843/NQ – NĐBR	30/06/2022	Thông qua nội dung sửa đổi điều lệ và bổ sung ngành nghề kinh doanh Công ty cổ phần Phú Thạnh Mỹ (lấy ý kiến bằng văn bản).	100%

STT	SỐ NGHỊ QUYẾT/ QUYẾT ĐỊNH	NGÀY	NỘI DUNG	TỶ LỆ THÔNG QUA
15	887/NQ-NDBR	12/07/2022	Nghị quyết về việc phê duyệt danh mục bảo dưỡng, sửa chữa các tổ máy năm 2023 và dự kiến danh mục bảo dưỡng, sửa chữa các tổ máy 4 năm tiếp theo.	100%
16	904/NQ-NDBR	15/07/2022	Nghị quyết về việc bổ sung "Cơ cấu tổ chức và mô hình hoạt động quản trị rủi ro" tại Công ty cổ phần Nhiệt điện Bà Rịa.	100%
17	909/NQ-NDBR	18/07/2022	Nghị quyết về việc thông qua nội dung sửa đổi Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Nhiệt điện Bà Rịa.	100%
18	984/NQ-NDBR	05/08/2022	Nghị quyết phê duyệt phí mua lại trước hạn trái phiếu của Công ty cổ phần Thủy điện Vĩnh Sơn - Sông Hinh.	100%
19	1029/NQ-NĐBR	22/08/2022	Nghị quyết Hợp Hội đồng quản trị định kỳ Quý III/2022.	100%
20	1031/NQ-NĐBR	23/08/2022	Nghị quyết chốt danh sách cổ đông để chi trả cổ tức bằng tiền mặt năm 2021 của Công ty cổ phần Nhiệt điện Bà Rịa.	100%
21	1121/NQ-NĐBR	15/09/2022	Nghị quyết phê duyệt mua lại trước hạn lần 2 và phí mua lại trước hạn trái phiếu của Công ty cổ phần Thủy điện Vĩnh Sơn - Sông Hinh.	100%
22	1149/NQ-NĐBR	26/09/2022	Nghị quyết về việc thống nhất điều chỉnh thời gian chi trả cổ tức năm 2021 của Công ty cổ phần Thủy điện Buôn Đôn..	100%
23	1179/NQ-NĐBR	29/09/2022	Nghị quyết thông qua kế hoạch phân phối lợi nhuận, kế hoạch cổ tức năm 2022 và phương án tạm ứng cổ tức năm 2022 Công ty cổ phần Phú Thạnh Mỹ.	100%
24	1186/NQ-NDBR	29/09/2022	Nghị quyết về việc thông qua Kế hoạch tổng thể triển khai văn hóa doanh nghiệp trong Công ty cổ phần Nhiệt điện Bà Rịa giai đoạn 2022-2025.	100%
25	1245/NQ-NDBR	04/10/2022	Nghị quyết Hợp Hội đồng quản trị Quý IV/2022.	100%
26	1316/NQ-NDBR	24/10/2022	Nghị quyết về việc thông qua Quy chế Quản trị trong Công ty cổ phần Nhiệt điện Bà Rịa.	100%
27	1343/NQ-NDBR	31/10/2022	Nghị quyết về việc thông qua sửa đổi, ban hành Quy định chi trả tiền lương của Người lao động	100%





HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

DANH SÁCH NGHỊ QUYẾT/QUYẾT ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ NĂM 2022:

STT	SỐ NGHỊ QUYẾT/ QUYẾT ĐỊNH	NGÀY	NỘI DUNG	TỶ LỆ THÔNG QUA
28	1415/NQ-NĐBR	16/11/2022	Nghị quyết ban hành Quy định Đào tạo phát triển nguồn nhân lực trong Công ty cổ phần Nhiệt điện Bà Rịa.	100%
29	1420/NQ-NĐBR	17/11/2022	Nghị quyết ban hành Quy định Đào tạo phát triển và phí mua lại trước hạn trái phiếu của Công ty cổ phần Thủy điện Vĩnh Sơn - Sông Hinh.	100%
30	1541/NQ-NĐBR	07/12/2022	Nghị quyết Phê duyệt mua lại trước hạn lần 3 và phí mua lại trước hạn trái phiếu của Công ty cổ phần Thủy điện Vĩnh Sơn - Sông Hinh.	100%
31	1545/NQ-NĐBR	08/12/2022	Nghị quyết về việc phê duyệt chủ trương và thuê tư vấn nghiên cứu đầu tư thay thế hai tổ máy tuabin khí GT1 và GT2 (F5) của Công ty cổ phần Nhiệt điện Bà Rịa.	100%
32	1546/NQ-NĐBR	08/12/2022	Nghị quyết về việc cho phép thuê tư vấn nghiên cứu đầu tư Dự án Thủy điện Tân Thương.	100%
33	1591/NQ-NĐBR	20/12/2022	Nghị quyết ban hành Về việc sửa đổi, bổ sung Quy chế quản lý lao động và tuyển dụng lao động; Quy chế thi và xếp lương nâng ngạch cho CBCNV trong Công ty cổ phần Nhiệt điện Bà Rịa.	100%

HOẠT ĐỘNG CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ ĐỘC LẬP

Hoạt động của Thành viên Hội đồng quản trị độc lập

Kể từ khi được bổ nhiệm chức danh Thành viên độc lập HĐQT ngày 31/5/2022, Ông Trần Lê Minh – Thành viên Hội đồng quản trị độc lập trong năm đã tham gia tất cả các cuộc họp của Hội đồng quản trị, góp phần giúp Hội đồng quản trị giám sát, điều hành hoạt động của Công ty theo đúng định hướng phát triển. Với kiến thức và chuyên môn của mình, Ông đã đưa ra ý kiến xác thực, có chuyên môn và thể hiện tinh thần độc lập.

Kết quả đánh giá của Thành viên độc lập về hoạt động của Hội đồng quản trị

- Các cuộc họp của Hội đồng quản trị đã được triệu tập, thực hiện theo đúng các trình tự, thủ tục quy định tại Điều lệ Công ty và Quy chế quản trị Công ty.
- Các vấn đề liên quan đến chiến lược kinh doanh Công ty đã được Hội đồng quản trị thường xuyên xem xét và đánh giá trong các cuộc họp định kỳ.
- Các Nghị quyết của Hội đồng quản trị trong các cuộc họp phù hợp với các quy định pháp luật, Điều lệ Công ty và Quy chế quản trị Công ty.
- Hội đồng quản trị đã thực hiện tốt việc giám sát công tác điều hành của Ban Tổng Giám đốc và Hội đồng quản trị đã có sự phối hợp tốt để đưa ra các quyết định, chính sách kịp thời, đúng đắn để cố gắng hoàn thành kế hoạch kinh doanh đã đề ra.

Các thành viên Hội đồng quản trị có chứng chỉ đào tạo về quản trị Công ty

STT	Thành viên HĐQT	Chức vụ
1	Ông Nguyễn Tiến Dũng	Chủ tịch HĐQT
2	Ông Lê Văn Huy	TV. HĐQT kiêm Tổng Giám đốc
3	Ông Trần Lê Trung Hiếu	TV. HĐQT
4	Ông Trần Lê Minh	TV HĐQT độc lập

Các thành viên Hội đồng quản trị tham gia các chương trình về quản trị Công ty

STT	Thành viên HĐQT	Chức vụ
1	Ông Nguyễn Tiến Dũng	Chủ tịch HĐQT
2	Ông Lê Văn Huy	TV. HĐQT kiêm Tổng Giám đốc
3	Ông Trần Lê Trung Hiếu	TV. HĐQT
4	Ông Trần Lê Minh	TV HĐQT độc lập





BAN KIỂM SOÁT

THÀNH PHẦN VÀ CƠ CẤU BAN KIỂM SOÁT

Tính tại ngày 31/12/2022

STT	Thành viên Ban Kiểm soát	Chức vụ	Số lượng CP sở hữu (CP)		Tỷ lệ sở hữu (%)	Ghi chú
			Cá nhân	Đại diện		
1	Bà Phan Thị Thùy Linh	Trưởng BKS	-	-	-	-
2	Bà Nguyễn Thị Thanh Hương	Thành viên BKS	600	-	0,00%	Miễn nhiệm 31/05/2022
3	Bà Đỗ Thị Lệ Trân	Thành viên BKS	-	-	-	-
4	Bà Võ Thị Thu Hoà	Thành viên BKS	-	-	-	Bổ nhiệm 31/05/2022

LÝ LỊCH THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT



Bà PHAN THỊ THÙY LINH - TRƯỞNG BAN KIỂM SOÁT

Năm sinh: 1987

Nơi sinh: Thành phố Tây Ninh, Tỉnh Tây Ninh

Trình độ chuyên môn: Cử Nhân Kế toán.

Chức vụ hiện nay tại Công ty: Trưởng Ban kiểm soát

Quá trình công tác

- Từ 01/04/2009 đến 30/09/2009: Văn phòng, Công ty cổ phần Nhiệt điện Bà Rịa.
- Từ 01/10/2009 đến 30/06/2014: Cán sự, Phòng Tài chính - Kế toán, Công ty cổ phần Nhiệt điện Bà Rịa.
- Từ 01/07/2014 - 31/01/2018: Phó phòng, Phòng Tài chính - Kế toán, Công ty cổ phần Nhiệt điện Bà Rịa.
- Từ 01/02/2018 - nay: Trưởng Ban Kiểm soát Công ty cổ phần Nhiệt điện Bà Rịa.



BÀ ĐỖ THỊ LỆ TRẦN - THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT

Năm sinh: 1984

Nơi sinh: Hải Phòng

Trình độ chuyên môn: Cử nhân Luật

Chức vụ hiện nay tại Công ty: Thành viên Ban kiểm soát

Quá trình công tác

- Từ 10/2006 đến 12/2012: Chuyên viên tại phòng Kế hoạch, Công ty TNHH MTV Nhiệt điện Phú Mỹ.
- 01/01/2013 - Nay: Công tác tại Ban Quản lý đấu thầu, Tổng Công ty phát điện 3.
- 25/11/2021 - Nay: Thành viên Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Nhiệt điện Bà Rịa.



BÀ VÕ THỊ THU HOÀ - THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT

Năm sinh: 1991

Nơi sinh: Biên Hoà - Đồng Nai

Trình độ chuyên môn: Cử nhân Tài chính - Ngân hàng

Chức vụ hiện nay tại Công ty: Thành viên Ban Kiểm soát

Quá trình công tác

- Từ 19/04/2016 - nay: Ban Tài chính - Kế toán - Tổng Công ty Phát điện 3 - CTCP.
- Từ 31/05/2022 - nay: Thành viên Ban Kiểm soát Công ty cổ phần Nhiệt điện Bà Rịa.





BAN KIỂM SOÁT

RÀ SOÁT DANH SÁCH THAY ĐỔI THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT TRONG NĂM 2022

STT	Thành viên Ban Kiểm soát	Chức vụ	Trình độ chuyên môn	Ngày bắt đầu/không còn là thành viên BKS	
				Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
1	Bà Nguyễn Thị Thanh Hương	Thành viên BKS	Thạc sĩ Quản trị kinh doanh	-	31/05/2022
2	Bà Võ Thị Thu Hoà	Thành viên BKS	Cử nhân Tài chính ngân hàng	31/05/2022	-

HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT

Đánh giá hoạt động của Ban kiểm soát trong năm 2022

Ngoài 04 cuộc họp định kỳ, các thành viên Ban Kiểm soát thường xuyên trao đổi, thống nhất, quyết định các nội dung, công việc thuộc chức năng nhiệm vụ được giao theo quy định.

Hoạt động giám sát của Ban Kiểm soát đối với Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc điều hành và cổ đông:



- Trong năm 2022, Ban Kiểm soát đã thực hiện đầy đủ các chức năng, nhiệm vụ được Đại hội đồng cổ đông giao; thường xuyên kiểm tra và theo dõi tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Hoạt động giám sát của Ban Kiểm soát luôn tuân thủ pháp luật, đảm bảo tính chính xác, khách quan, công khai, dân chủ và kịp thời.
- Trong năm 2022, Ban Kiểm soát đã tổ chức họp 04 kỳ vào tháng 01/2022; tháng 03/2022; tháng 05/2022 và tháng 08/2022. Nội dung chính trong các kỳ họp là kiểm tra, đánh giá:
 - Tình hình thực hiện Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông của Hội đồng quản trị.
 - Công tác quản lý điều hành của Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc.
 - Kiểm tra, xác định độ tin cậy của báo cáo tài chính. Phân tích và đánh giá các chỉ tiêu tài chính.
 - Thẩm tra tài liệu trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 bao gồm: Báo cáo đánh giá hoạt động của HĐQT năm 2021 nhiệm kỳ 2017 - 2022 và phương hướng nhiệm kỳ 2022 - 2027 của Hội đồng quản trị; Tờ trình thông qua kết quả SXKD năm 2021, kế hoạch SXKD năm 2022, kết quả nhiệm kỳ 2017 - 2022 và phương hướng nhiệm kỳ 2022 - 2027 của Ban Tổng Giám đốc; Báo cáo tài chính sau kiểm toán và các tài liệu trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 của Công ty. Đề xuất lựa chọn Công ty Kiểm toán năm 2022.
 - Họp bầu Trưởng ban kiểm soát làm việc chuyên trách tại Công ty nhiệm kỳ 2022-2027.
 - Thẩm định các báo cáo tài chính đã được kiểm toán; thẩm tra kế hoạch/ quyết toán quỹ tiền lương của Công ty.

Kết thúc kỳ kiểm tra, Ban Kiểm soát đều tổ chức họp với Ban Lãnh đạo Công ty và Trưởng, Phó các đơn vị có liên quan để thống nhất nội dung, kết quả giám sát và lập biên bản làm việc. Đồng thời lập báo cáo kiểm tra, giám sát đối với tất cả các hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty và gửi tới các cổ đông thông qua trang web, tài liệu Đại hội đồng cổ đông của Công ty và gửi Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc.



Sự phối hợp hoạt động giữa Ban Kiểm soát đối với hoạt động của Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc điều hành và các cán bộ quản lý khác:

- Trong năm 2022, Ban Kiểm soát đã thể hiện sự phối hợp chặt chẽ với Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc để thực hiện chức năng và nhiệm vụ được giao. Cụ thể, Ban Kiểm soát đã phối hợp trong hoạt động kiểm tra, giám sát tình hình sản xuất kinh doanh để đảm bảo sự tuân thủ đúng quy định của pháp luật, Điều lệ của Công ty cũng như các Nghị quyết, Quyết định của Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị.
- Tham gia đầy đủ các cuộc họp Hội đồng quản trị, giao ban định kỳ nhằm nắm bắt tình hình sản xuất kinh doanh và đầu tư xây dựng của Công ty.
- Nỗ lực nâng cao trình độ chuyên môn, cập nhật chính sách mới.
- Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc đã hợp tác để đáp ứng yêu cầu của Ban Kiểm soát, bao gồm cung cấp thông tin, tài liệu cần thiết và cử các cán bộ quản lý để phối hợp với Ban Kiểm soát khi có yêu cầu. Qua đó, việc phối hợp giữa các bộ phận đã được tăng cường, giúp đảm bảo hoạt động của Công ty.

CÁC CUỘC HỌP BAN KIỂM SOÁT TRONG NĂM 2022

STT	Thành viên Ban Kiểm soát	Chức vụ	Số buổi họp BKS tham dự	Tỷ lệ tham dự họp	Lý do không tham dự họp
01	Bà Phan Thị Thùy Linh	Trưởng BKS	04/04	100%	-
02	Bà Nguyễn Thị Thanh Hương	Thành viên BKS	02/02	100%	Miễn nhiệm 31/05/2022
03	Bà Đỗ Thị Lệ Trần	Thành viên BKS	04/04	100%	-
04	Bà Võ Thị Thu Hoà	Thành viên BKS	02/02	100%	Bổ nhiệm 31/05/2022

Nội dung và kết quả của các cuộc họp

Ban kiểm soát đã tổ chức 04 phiên họp. Nội dung cụ thể các phiên họp được ban hành tương ứng như sau:

STT	Số Biên bản	Ngày	Nội dung
01	131/BB-NĐBR	21/01/2022	Kiểm soát về công tác đấu thầu mua sắm VTTB phục vụ SXKD và đầu tư tài chính năm 2021 của BTP
02	309/BB-NĐBR	17/03/2022	Thông qua các nội dung trình ĐHĐCĐ thường niên năm 2022
03	703/BB-NĐBR	31/05/2022	Bầu Trưởng ban kiểm soát làm việc chuyên trách nhiệm kỳ 2022-2027
04	1081/BB-NĐBR	31/8/2022	Kiểm soát tình hình SXKD 6 tháng đầu năm 2022 và thẩm định BCTC bán niên năm 2022.





CÁC GIAO DỊCH, THÙ LAO VÀ CÁC KHOẢN LỢI ÍCH

Giao dịch với các bên liên quan

Bên liên quan khác	Mối quan hệ
Tập đoàn Điện lực Việt Nam (“EVN”)	Công ty mẹ cấp cao nhất
Tổng Công ty Phát điện 3 – Công ty cổ phần	Công ty mẹ
Công ty Mua Bán Điện - EVN	Chi nhánh của Công ty mẹ cấp cao nhất
Công ty cổ phần Nhiệt điện Hải Phòng	Công ty thành viên cùng Tập đoàn
Công ty cổ phần Thủy điện Buôn Đôn	Công ty liên kết
Công ty cổ phần Nhiệt điện Quảng Ninh	Công ty thành viên cùng Tập đoàn
Công ty Tài chính cổ phần Điện lực	Công ty thành viên cùng Tập đoàn
Công ty Dịch vụ Sửa chữa các Nhà máy điện EVNGENCO 3	Chi nhánh của Công ty mẹ
Công ty cổ phần Thủy điện Vĩnh Sơn – Sông Hinh	Bên liên quan khác



Giao dịch với các bên liên quan

Đơn vị tính: Đồng

STT	Bên liên quan	Số Nghị quyết/ Quyết định của ĐHĐCĐ/ HĐQT... thông qua	Năm 2022	Năm 2021
Doanh thu bán điện				
1	Công ty Mua Bán Điện - EVN	Số 4845/BCT-ĐTĐL	511.234.025.447	1.211.290.302.577
Mua hàng				
1	EVN		11.426.949.126	11.758.599.829
Hoạt động tài chính				
EVN				
1	Chi phí lãi vay	Số 196/NQ-HDTV	6.300.576.749	7.987.282.642
2	Trả nợ gốc vay	Số 196/NQ-HDTV	50.378.035.822	50.128.144.770
3	Lãi vay đã trả	Số 196/NQ-HDTV	6.298.164.077	8.237.073.736
Công ty cổ phần Thủy điện Vĩnh Sơn - Sông Hinh				
1	Thu hồi trái phiếu	984/NQ-NĐBR 1121/NQ-NĐBR 1541/NQ-NĐBR	126.000.000.000	8.000.000.000
2	Lãi từ trái phiếu	Số 518/NQ-NĐBR Số 755/NQ-NĐBR	14.978.842.922	19.339.470.323
Chia cổ tức				
1	Tổng Công ty Phát điện 3 - Công ty cổ phần	1031/NQ-NĐBR	72.185.335.500	52.935.912.700
2	Cổ đông khác	1031/NQ-NĐBR	18.543.064.500	13.598.247.300
			90.728.400.000	66.534.160.000
Thu nhập từ cổ tức được chia				
1	Công ty cổ phần Nhiệt điện Hải Phòng	943/NQ-NĐHP	8.000.000.000	21.750.000.000
2	Công ty cổ phần Thủy điện Buôn Đôn	34/NQ-HDQT-BDHC 24/NQ-HDQT-BDHC	12.603.102.709	7.502.447.500
3	Công ty cổ phần Phú Thạnh Mỹ	03/2022/ PTM-DHDCD	2.500.000.000	-
4	Công ty cổ phần Nhiệt điện Quảng Ninh	24/NQ-NDQN 83/NQ-NDQN	16.557.323.200	10.348.327.000
Tổng cộng			39.660.425.909	39.600.774.500





CÁC GIAO DỊCH, THÙ LAO VÀ CÁC KHOẢN LỢI ÍCH

Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích

Các khoản chi cho các nhân sự quản lý chủ chốt

Đơn vị tính: Đồng

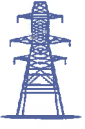
STT	Họ và tên	Chức danh	Năm 2022	Năm 2021
THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ				
1	Nguyễn Tiến Dũng	Chủ tịch	554.200.000	376.282.667
2	Phan Thanh Xuân	Chủ tịch không chuyên trách		197.084.333
3	Châu Thanh Cần	Thành viên	35.835.000	132.408.000
4	Hoàng Văn Phong	Thành viên	50.169.000	-
5	Lê Thế Sơn	Thành viên	35.835.000	132.480.000
6	Trần Lê Minh	Thành viên	50.169.000	-
7	Trần Lê Trung Hiếu	Thành viên	86.004.000	66.240.000
BAN TỔNG GIÁM ĐỐC				
1	Lê Văn Huy	Tổng giám đốc, Thành viên HĐQT	533.157.000	801.437.000
2	Đoàn Ngọc Nhân	Phó Tổng Giám đốc	197.951.000	712.421.000
3	Võ Nhu	Phó Tổng Giám đốc	472.724.000	709.805.000
KHÁC				
1	Trần Thị Bảo Xuân	Kế toán trưởng	435.332.000	652.205.000
2	Phan Thị Thùy Linh	Trưởng Ban kiểm soát	494.158.000	741.776.000
3	Đỗ Thị Lệ Trân	Thành viên Ban kiểm soát	78.516.000	22.080.000
4	Nguyễn Thị Thanh Hương	Thành viên Ban kiểm soát	32.715.000	132.480.000
5	Võ Thị Thu Hòa	Thành viên Ban kiểm soát	45.801.000	
6	Đình Tuấn Anh	Thành viên Ban kiểm soát	-	110.400.000
Tổng cộng			3.102.566.000	4.787.099.000

Số dư cuối năm với các bên liên quan

Đơn vị tính: Đồng

STT	Bên liên quan	Số Nghị quyết/ Quyết định của ĐHĐCĐ/ HĐQT... thông qua	Năm 2022	Năm 2021
Phải thu ngắn hạn của khách hàng				
1	Công ty Mua Bán Điện - EVN	Số 4845/BCT-ĐTĐL	243.751.022.228	438.182.184.488
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn				
1	Công ty cổ phần Thủy điện Vĩnh Sơn – Sông Hinh	Số 518/NQ-NĐBR Số 755/NQ-NĐBR	66.000.000.000	192.000.000.000
2	Công ty Tài chính Cổ phần Điện lực		20.000.000.000	20.000.000.000
			86.000.000.000	212.000.000.000
Phải thu ngắn hạn khác				
1	Công ty cổ phần Thủy điện Vĩnh Sơn - Sông Hinh	Số 518/NQ-NĐBR Số 755/NQ-NĐBR	652.224.657	1.844.266.667
Phải trả người bán ngắn hạn				
1	EVN		965.412.038	918.536.099
2	Công ty Dịch vụ Sửa chữa các Nhà máy điện EVNGENCO 3		-	149.971.250
			965.412.038	1.068.507.349
Chi phí phải trả ngắn hạn				
1	EVN	Số 196/NQ-HDTV	688.149.974	846.351.001
2	Cổ đông khác		150.363.341	152.944.001
			838.513.315	999.295.002
Phải trả ngắn hạn khác				
1	Cổ đông khác		6.140.233.900	5.839.936.400
Vay ngắn hạn				
1	EVN	Số 196/NQ-HDTV	49.153.569.673	48.241.467.340
Vay dài hạn				
1	EVN	Số 196/NQ-HDTV	196.614.278.497	254.026.747.389





CÁC GIAO DỊCH, THÙ LAO VÀ CÁC KHOẢN LỢI ÍCH

GIAO DỊCH CỔ PHIẾU CỦA NGƯỜI NỘI BỘ: Không có.

ĐÁNH GIÁ VIỆC THỰC HIỆN CÁC QUY ĐỊNH VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY

Các công tác quản trị của Công ty được đảm bảo theo đúng quy định pháp luật, Điều lệ và các quy chế nội bộ với mục tiêu đảm bảo các hoạt động của Công ty có thể diễn ra một cách thuận lợi và đáp ứng được lợi ích của cổ đông Công ty, tạo điều kiện thuận lợi hơn cho việc giám sát hoạt động một cách tốt nhất và tăng cường năng lực quản trị cho các thành viên hội đồng quản trị và Ban Điều hành. Từ đó, nâng cao khả năng chuyên môn và hiệu quả kinh doanh, tạo dựng lòng tin đối với cổ đông, nhà đầu tư.

Công ty công bố thông tin đầy đủ, đúng thời hạn theo quy định của pháp luật; Tổ chức ĐHĐCĐ, trả cổ tức đúng thời hạn;









6

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH
KIỂM TOÁN NĂM 2022**



BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

CÔNG TY CỔ PHẦN NHIỆT ĐIỆN BÀ RIJA

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc của Công ty đối với báo cáo tài chính

Ban Tổng Giám đốc của Công ty Cổ phần Nhiệt điện Bà Rịa (“Công ty”) chịu trách nhiệm lập báo cáo tài chính thể hiện trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày nêu trên. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- chọn lựa các chính sách kế toán phù hợp và áp dụng một cách nhất quán;
- thực hiện các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng; và
- lập báo cáo tài chính trên cơ sở Công ty hoạt động liên tục trừ khi giả định Công ty hoạt động liên tục là không phù hợp.

Ban Tổng Giám đốc của Công ty chịu trách nhiệm bảo đảm rằng các sổ sách kế toán đúng đắn đã được thiết lập và duy trì để thể hiện tình hình tài chính của Công ty với độ chính xác hợp lý tại mọi thời điểm và để làm cơ sở lập báo cáo tài chính tuân thủ theo chế độ kế toán được trình bày ở Thuyết minh 2 của báo cáo tài chính. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đối với việc bảo vệ các tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp hợp lý để ngăn ngừa và phát hiện các gian lận hoặc nhầm lẫn.

Phê chuẩn báo cáo tài chính

Theo đây, chúng tôi phê chuẩn báo cáo tài chính đính kèm từ trang 5 đến trang 40. Báo cáo tài chính này phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày nêu trên, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc



Lê Văn Huy
Tổng Giám đốc

Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu, nước CHXHCN Việt Nam
Ngày 13 tháng 3 năm 2023



BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP



BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP GỬI CÁC CỔ ĐÔNG CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN NHIỆT ĐIỆN BÀ RỊA

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Nhiệt điện Bà Rịa (“Công ty”) được lập ngày 31 tháng 12 năm 2022, và được Ban Tổng Giám đốc của Công ty phê chuẩn ngày 13 tháng 3 năm 2023. Báo cáo tài chính này bao gồm: bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày nêu trên, và thuyết minh báo cáo tài chính bao gồm các chính sách kế toán chủ yếu từ trang 5 đến trang 40.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc của Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính này dựa trên kết quả cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, và lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực và hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

11/03/2023





BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP



Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho năm tài chính kết thúc cùng ngày nêu trên phù hợp với Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho Công ty TNHH PwC (Việt Nam)



Mai Việt Hùng Trần
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán:
0048-2023-006-1
Chữ ký được ủy quyền

Thái Văn Cường
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán:
3435-2020-006-1

Số hiệu báo cáo kiểm toán: HCM12973
Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 13 tháng 3 năm 2023



BÁO CÁO TÀI CHÍNH

CÔNG TY CỔ PHẦN NHIỆT ĐIỆN BÀ RIỄN

Mẫu số B 01 – DN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Tại ngày 31 tháng 12 năm	
			2022 VND	2021 VND
100	TÀI SẢN NGẮN HẠN		785.309.568.278	969.731.614.966
110	Tiền và các khoản tương đương tiền	3	137.519.923.801	105.335.519.094
111	Tiền		2.019.923.801	2.335.519.094
112	Các khoản tương đương tiền		135.500.000.000	103.000.000.000
120	Đầu tư tài chính ngắn hạn		257.650.000.000	302.650.000.000
123	Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	4(a)	257.650.000.000	302.650.000.000
130	Các khoản phải thu ngắn hạn		255.073.997.919	451.205.494.437
131	Phải thu ngắn hạn của khách hàng	5	244.385.603.329	438.225.572.488
136	Phải thu ngắn hạn khác	6	10.688.394.590	12.979.921.949
140	Hàng tồn kho		106.483.747.763	106.515.580.730
141	Hàng tồn kho	7	106.483.747.763	106.515.580.730
150	Tài sản ngắn hạn khác		28.581.898.795	4.025.020.705
151	Chi phí trả trước ngắn hạn		406.540.147	568.908.701
152	Thuế Giá trị Gia tăng ("GTGT") được khấu trừ	13(b)	18.108.787.952	-
153	Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	13(b)	10.066.570.696	3.456.112.004
200	TÀI SẢN DÀI HẠN		814.092.443.564	939.627.938.225
220	Tài sản cố định		324.619.282.440	267.904.078.431
221	Tài sản cố định hữu hình	10(a)	321.665.205.048	265.734.484.172
222	Nguyên giá		2.761.167.140.438	2.657.695.026.434
223	Giá trị khấu hao lũy kế		(2.439.501.935.390)	(2.391.960.542.262)
227	Tài sản cố định vô hình	10(b)	2.954.077.392	2.169.594.259
228	Nguyên giá		7.530.694.664	6.885.232.036
229	Giá trị khấu hao lũy kế		(4.576.617.272)	(4.715.637.777)
240	Tài sản dở dang dài hạn		3.319.291.433	62.761.592.524
242	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	11	3.319.291.433	62.761.592.524
250	Đầu tư tài chính dài hạn		415.250.927.800	541.250.927.800
252	Đầu tư vào công ty liên kết	4(b)	83.750.000.000	83.750.000.000
253	Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	4(b)	273.500.927.800	273.500.927.800
255	Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	4(a)	58.000.000.000	184.000.000.000
260	Tài sản dài hạn khác		70.902.941.891	67.711.339.470
261	Chi phí trả trước dài hạn	8	14.600.739.869	10.336.386.541
263	Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	9	56.302.202.022	57.374.952.929
270	TỔNG TÀI SẢN		1.599.402.011.842	1.909.359.553.191

Các thuyết minh từ trang 9 đến trang 40 là một phần cấu thành báo cáo tài chính này.





BÁO CÁO TÀI CHÍNH

CÔNG TY CỔ PHẦN NHIỆT ĐIỆN BÀ RIJA


Mẫu số B 01 – DN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Tại ngày 31 tháng 12 năm	
			2022 VND	2021 VND
300	NỢ PHẢI TRẢ		356.419.893.057	634.081.645.337
310	Nợ ngắn hạn		159.805.614.560	380.054.897.948
311	Phải trả người bán ngắn hạn	12	79.030.855.975	294.381.811.882
313	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	13(a)	-	3.347.472.818
314	Phải trả người lao động	14	15.878.908.546	21.088.559.382
315	Chi phí phải trả ngắn hạn	15	838.513.315	999.295.002
319	Phải trả ngắn hạn khác	16	8.796.211.295	7.437.097.367
320	Vay ngắn hạn	17(a)	49.153.569.673	48.241.467.340
322	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	19	6.107.555.756	4.559.194.157
330	Nợ dài hạn		196.614.278.497	254.026.747.389
338	Vay dài hạn	17(b)	196.614.278.497	254.026.747.389
400	VỐN CHỦ SỞ HỮU		1.242.982.118.785	1.275.277.907.854
410	Vốn chủ sở hữu		1.242.982.118.785	1.275.277.907.854
411	Vốn góp của chủ sở hữu	20, 21	604.856.000.000	604.856.000.000
412	Thặng dư vốn cổ phần	21	7.560.228.689	7.560.228.689
418	Quỹ đầu tư phát triển	21	244.006.663.735	222.692.880.912
420	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	21	19.793.897.715	19.972.706.991
421	Lợi nhuận sau thuế ("LNST") chưa phân phối	21	366.765.328.646	420.196.091.262
421a	- LNST chưa phân phối lũy kế của các năm trước		296.021.058.439	292.978.370.508
421b	- LNST chưa phân phối của năm nay		70.744.270.207	127.217.720.754
440	TỔNG NGUỒN VỐN		1.599.402.011.842	1.909.359.553.191


Trần Tuyết Loan
Người lập/
Kế toán tổng hợp


Trần Thị Bảo Xuân
Kế toán trưởng


Lê Văn Huy
Tổng Giám đốc
Ngày 13 tháng 3 năm 2023



Các thuyết minh từ trang 9 đến trang 40 là một phần cấu thành báo cáo tài chính này.

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Mã số	Thuyết minh	Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm		
		2022 VND	2021 VND	
10	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	24	513.491.554.756	1.212.906.923.062
11	Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	25	(480.715.391.500)	(1.145.617.566.937)
20	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		32.776.163.256	67.289.356.125
21	Doanh thu hoạt động tài chính	26	85.634.542.218	121.047.505.076
22	Chi phí tài chính	27	(6.300.576.749)	(2.049.809.777)
23	- Trong đó: Chi phí lãi vay	27	(6.300.576.749)	(8.273.949.590)
25	Chi phí bán hàng		(23.158.209)	(16.963.362)
26	Chi phí quản lý doanh nghiệp	28	(33.955.487.751)	(37.127.400.606)
30	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		78.131.482.765	149.142.687.456
31	Thu nhập khác		281.720.044	185.008.728
32	Chi phí khác		(126.806.621)	(1.960)
40	Lợi nhuận khác		154.913.423	185.006.768
50	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		78.286.396.188	149.327.694.224
51	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	29	(7.542.125.981)	(22.109.973.470)
60	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		70.744.270.207	127.217.720.754
70	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	22	1.170	1.903
71	Lãi suy giảm trên cổ phiếu	22	1.170	1.903

Trần Tuyết Loan
Người lập/
Kế toán tổng hợp

Trần Thị Bảo Xuân
Kế toán trưởng

Lê Văn Huy
Tổng Giám đốc
Ngày 13 tháng 3 năm 2023

Các thuyết minh từ trang 9 đến trang 40 là một phần cấu thành báo cáo tài chính này.





BÁO CÁO TÀI CHÍNH

CÔNG TY CỔ PHẦN NHIỆT ĐIỆN BÀ RI

Mẫu số B 03 – DN

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	Thuyết minh	Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm	
		2022 VND	2021 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	Lợi nhuận kế toán trước thuế	78.286.396.188	149.327.694.224
	Điều chỉnh cho các khoản:		
02	Khấu hao tài sản cố định ("TSCĐ")	48.747.415.246	41.572.554.613
03	Hoàn nhập dự phòng	-	(6.224.139.813)
04	Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	(6.122.330.737)	(33.285.487.931)
05	Lãi từ hoạt động đầu tư	(74.193.715.110)	(82.000.908.405)
06	Chi phí lãi vay	6.300.576.749	8.273.949.590
08	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	53.018.342.336	77.663.662.278
09	Giảm/(tăng) các khoản phải thu	167.634.180.461	(343.439.704.546)
10	Giảm hàng tồn kho	1.104.583.874	8.335.806.712
11	(Giảm)/tăng các khoản phải trả	(180.873.292.963)	195.134.544.829
12	(Tăng)/giảm chi phí trả trước	(4.101.984.774)	5.314.900.942
14	Tiền lãi vay đã trả	(6.461.358.436)	(8.524.348.184)
15	Tiền thuế TNDN đã nộp	(18.170.627.515)	(19.315.116.083)
16	Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	22.950.000	45.759.600
17	Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	(10.786.247.677)	(13.939.903.052)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	1.386.545.306	(98.724.397.504)
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ	(77.367.786.800)	(55.006.855.001)
22	Thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ	41.666.667	36.363.636
23	Tiền gửi tiết kiệm có kỳ hạn trên 3 tháng và mua trái phiếu của đơn vị khác	(295.000.000.000)	(320.000.000.000)
24	Tiền thu lại tiền tiết kiệm có kỳ hạn trên 3 tháng, trái phiếu	466.000.000.000	408.000.000.000
27	Tiền thu lãi tiền gửi, trái phiếu và cổ tức được chia	77.930.117.856	91.363.022.519
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	171.603.997.723	124.392.531.154
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
33	Tiền thu đi vay	119.500.000.000	139.803.000.000
34	Tiền chi trả nợ gốc vay	(169.878.035.822)	(195.728.617.146)
36	Cổ tức trả cho cổ đông	(90.428.102.500)	(66.307.658.300)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	(140.806.138.322)	(122.233.275.446)
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm	32.184.404.707	(96.565.141.796)
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm	3 105.335.519.094	201.900.660.890
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm	3 137.519.923.801	105.335.519.094

Trần Tuyết Loan
Người lập/
Kế toán tổng hợp

Trần Thị Bảo Xuân
Kế toán trưởng

Lê Văn Huy
Tổng Giám đốc
Ngày 13 tháng 3 năm 2023

Các thuyết minh từ trang 9 đến trang 40 là một phần cấu thành báo cáo tài chính này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2022

1 ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Công ty Cổ phần Nhiệt điện Bà Rịa (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập tại nước CHXHCN Việt Nam theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3500701305 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu cấp ngày 1 tháng 11 năm 2007 và Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp điều chỉnh gần nhất lần thứ 6 ngày 3 tháng 7 năm 2019.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết và giao dịch tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (“HOSE”) theo Quyết định số 143/QĐ-SGDHCM ngày 17 tháng 7 năm 2009 với mã giao dịch cổ phiếu là “BTP”.

Chi tiết về các cổ đông của Công ty và tỷ lệ phần trăm góp vốn được trình bày ở Thuyết minh 20.

Hoạt động chính của Công ty là sản xuất, kinh doanh điện năng. Ngoài ra, Công ty có hoạt động cung cấp dịch vụ thí nghiệm sửa chữa, bảo trì máy móc thiết bị và sản xuất kinh doanh nước uống đóng chai.

Chu kỳ hoạt động kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 và ngày 31 tháng 12 năm 2021, Công ty có 1 công ty liên kết như được trình bày trong Thuyết minh 4(b). Chi tiết như sau:

	Hoạt động chính	Nơi thành lập, đăng ký hoạt động	Tỷ lệ sở hữu	Tỷ lệ biểu quyết
Công ty Cổ phần Thủy điện Buôn Đôn	Đầu tư xây dựng các dự án nguồn điện, sản xuất và kinh doanh điện năng; Quản lý vận hành, bảo dưỡng sửa chữa, cải tạo các thiết bị điện, các công trình thủy công, kiến trúc của nhà máy thủy điện.	Tỉnh Đắk Lắk, Việt Nam	25%	25%

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, Công ty có 241 nhân viên (tại ngày 31 tháng 12 năm 2021: 260 nhân viên).

2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

2.1 Cơ sở của việc lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính đã được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Báo cáo tài chính được lập theo nguyên tắc giá gốc.

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm mục đích trình bày tình hình tài chính, kết quả kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán thường được chấp nhận ở các nước và các thể chế khác ngoài nước Việt Nam. Các nguyên tắc và thông lệ kế toán sử dụng tại nước Việt Nam có thể khác với các nguyên tắc và thông lệ kế toán tại các nước và các thể chế khác.





BÁO CÁO TÀI CHÍNH

CÔNG TY CỔ PHẦN NHIỆT ĐIỆN BÀ RI

Mẫu số B 09 – DN

2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

2.2 Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

2.3 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Công ty sử dụng đơn vị tiền tệ trong kế toán và trình bày trên báo cáo tài chính là Đồng Việt Nam ("VND" hoặc "Đồng").

2.4 Các loại tỷ giá hối đoái sử dụng trong kế toán

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá giao dịch thực tế áp dụng tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ các nghiệp vụ này được ghi nhận là thu nhập hoặc chi phí trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Tài sản và nợ phải trả bằng tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày của bảng cân đối kế toán lần lượt được quy đổi theo tỷ giá mua và tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch áp dụng tại ngày của bảng cân đối kế toán. Các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng tại ngày của bảng cân đối kế toán được quy đổi theo tỷ giá mua của chính ngân hàng thương mại nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ việc quy đổi này được ghi nhận là thu nhập hoặc chi phí trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

2.5 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, tiền gửi không kỳ hạn và các khoản đầu tư ngắn hạn khác có thời hạn đáo hạn ban đầu không quá ba tháng.

2.6 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu thể hiện giá trị ghi sổ của các khoản phải thu khách hàng gồm các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ; và các khoản phải thu khác không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi được lập cho từng khoản phải thu căn cứ vào thời gian quá hạn trả nợ gốc theo cam kết nợ ban đầu (không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên), hoặc căn cứ vào mức tổn thất dự kiến có thể xảy ra. Các khoản phải thu được xác định là không thể thu hồi sẽ được xóa sổ.

Các khoản phải thu được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên bảng cân đối kế toán căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu tại ngày của bảng cân đối kế toán tới ngày đến hạn thu hồi.

2 CÁC CHÍNH SÁCH KÊ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

2.7 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được thể hiện theo giá thấp hơn giữa giá gốc đối với hàng tồn kho mới mua hoặc giá trị đánh giá lại đối với hàng tồn kho thu hồi và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được xác định trên cơ sở bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí khác có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Trong trường hợp các sản phẩm được sản xuất, giá gốc bao gồm tất cả các chi phí trực tiếp và chi phí sản xuất chung dựa trên mức độ hoạt động bình thường. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong năm kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

Dự phòng được lập cho hàng tồn kho bị lỗi thời, chậm lưu chuyển và bị hỏng. Chênh lệch giữa khoản dự phòng phải lập ở cuối kỳ kế toán này và khoản dự phòng đã lập ở cuối kỳ kế toán trước được ghi nhận tăng hoặc giảm giá vốn hàng bán trong năm.

2.8 Đầu tư tài chính

(a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản đầu tư mà Công ty có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản tiền gửi ngân hàng và tổ chức tài chính có kỳ hạn, trái phiếu nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ. Các khoản đầu tư này ban đầu được ghi nhận theo giá gốc. Sau đó, Ban Tổng Giám đốc thực hiện việc rà soát đối với tất cả các khoản đầu tư để ghi nhận dự phòng vào cuối kỳ kế toán.

Dự phòng giảm giá đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được lập trên cơ sở có bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được. Chênh lệch giữa khoản dự phòng lập ở cuối kỳ kế toán này và khoản dự phòng đã lập ở cuối kỳ kế toán trước được ghi nhận tăng hoặc giảm chi phí tài chính trong năm. Khoản dự phòng được hoàn nhập không vượt quá giá trị ghi sổ ban đầu.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên bảng cân đối kế toán căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn tại ngày của bảng cân đối kế toán đến ngày đáo hạn.

(b) Đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết là tất cả các công ty trong đó Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải kiểm soát, thường được thể hiện thông qua việc nắm giữ từ 20% đến 50% quyền biểu quyết ở công ty đó.

Đầu tư vào công ty liên kết là tất cả các Công ty trong đó được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc giá trị góp vốn cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư. Sau đó, Ban Tổng Giám đốc thực hiện việc rà soát đối với tất cả các khoản đầu tư để ghi nhận dự phòng vào cuối kỳ kế toán.





BÁO CÁO TÀI CHÍNH

CÔNG TY CỔ PHẦN NHIỆT ĐIỆN BÀ RI

Mẫu số B 09 – DN

2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

2.8 Đầu tư tài chính (tiếp theo)

(c) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác là các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác nhưng không có quyền kiểm soát hoặc đồng kiểm soát, không có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư. Các khoản đầu tư này được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Sau đó, Ban Tổng Giám đốc thực hiện việc rà soát đối với tất cả các khoản đầu tư để ghi nhận dự phòng vào cuối kỳ kế toán.

(d) Dự phòng giảm giá đầu tư vào công ty liên kết, đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Dự phòng giảm giá đầu tư vào công ty liên kết, đầu tư góp vốn vào đơn vị khác được lập vào cuối kỳ kế toán khi có sự giảm giá trị của các khoản đầu tư. Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy mà Công ty nắm giữ lâu dài, dự phòng được lập khi giá gốc cao hơn giá trị thị trường. Đối với các khoản đầu tư khác, dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi công ty nhận đầu tư bị lỗ, ngoại trừ khoản lỗ mà Ban Tổng Giám đốc của Công ty đã dự đoán từ khi đầu tư.

Chênh lệch giữa khoản dự phòng lập ở cuối kỳ kế toán này và khoản dự phòng đã lập ở cuối kỳ kế toán trước được ghi nhận tăng hoặc giảm chi phí tài chính trong năm. Khoản dự phòng được hoàn nhập không vượt quá giá trị ghi sổ ban đầu.

2.9 Tài sản cố định (“TSCĐ”)

TSCĐ hữu hình và TSCĐ vô hình

TSCĐ được phản ánh theo nguyên giá trừ khấu hao lũy kế. Nguyên giá bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp đến việc có được TSCĐ ở trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá TSCĐ nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất kinh doanh trong năm.

Khấu hao

TSCĐ được khấu hao theo phương pháp đường thẳng để giảm dần giá trị phải khấu hao trong suốt thời gian hữu dụng ước tính. Giá trị phải khấu hao là nguyên giá của TSCĐ ghi trên báo cáo tài chính trừ đi (-) giá trị thanh lý ước tính của tài sản đó. Thời gian hữu dụng ước tính của các loại tài sản như sau:

Nhà cửa, vật kiến trúc	10 - 30 năm
Máy móc thiết bị	5 - 14 năm
Phương tiện vận tải	5 - 12 năm
Thiết bị quản lý	3 - 10 năm
Phần mềm máy tính	3 - 10 năm
Khác	5 - 10 năm

Quyền sử dụng đất có thời hạn được ghi nhận căn cứ trên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do Ủy ban Nhân dân tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu cấp ngày 21 tháng 2 năm 2006, được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 10 năm phù hợp với Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

2.9 Tài sản cố định (“TSCĐ”) (tiếp theo)

Thanh lý

Lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý nhượng bán TSCĐ được xác định bằng số chênh lệch giữa số tiền thu thuần do thanh lý với giá trị còn lại của TSCĐ và được ghi nhận là thu nhập hoặc chi phí trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang thể hiện giá trị của các tài sản trong quá trình lắp đặt hoặc xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê hoặc quản trị, hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác, được ghi nhận theo giá gốc bao gồm toàn bộ chi phí cần thiết để xây dựng mới hoặc sửa chữa, cải tạo, mở rộng hay trang bị lại kỹ thuật công trình như chi phí xây dựng; chi phí thiết bị; chi phí quản lý dự án; chi phí tư vấn đầu tư xây dựng; và chi phí vay được vốn hóa đối với tài sản đủ điều kiện phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Khấu hao của những tài sản này, cũng giống như các loại TSCĐ khác, sẽ bắt đầu được trích khi tài sản đã sẵn sàng cho mục đích sử dụng.

2.10 Thuê hoạt động

Thuê hoạt động là loại hình thuê TSCĐ mà phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu của tài sản thuộc về bên cho thuê. Khoản thanh toán dưới hình thức thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn thuê hoạt động.

2.11 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn và chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán. Chi phí trả trước ngắn hạn phản ánh số tiền trả trước để được cung cấp dịch vụ; hoặc các công cụ, dụng cụ không thỏa mãn điều kiện ghi nhận TSCĐ trong khoảng thời gian không quá 12 tháng hoặc một chu kỳ sản xuất kinh doanh kể từ ngày trả trước. Chi phí trả trước dài hạn phản ánh số tiền trả trước để được cung cấp dịch vụ; hoặc các công cụ, dụng cụ không thỏa mãn điều kiện ghi nhận TSCĐ có thời hạn trên 12 tháng hoặc hơn một chu kỳ sản xuất kinh doanh kể từ ngày trả trước. Các khoản chi phí trả trước này được ghi nhận theo giá gốc và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính.

2.12 Nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được phân loại dựa vào tính chất bao gồm:

- Phải trả người bán gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa và dịch vụ; và
- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không có tính thương mại và không liên quan đến giao dịch mua hàng hóa và dịch vụ.

Các khoản nợ phải trả được phân loại ngắn hạn hoặc dài hạn trên bảng cân đối kế toán căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản phải trả tại ngày của bảng cân đối kế toán tới ngày đến hạn thanh toán.



BÁO CÁO TÀI CHÍNH

CÔNG TY CỔ PHẦN NHIỆT ĐIỆN BÀ RI

Mẫu số B 09 – DN

2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

2.13 Vay

Vay bao gồm các khoản tiền vay từ các ngân hàng và bên liên quan.

Các khoản vay được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên bảng cân đối kế toán căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản vay tại ngày của bảng cân đối kế toán tới ngày đến hạn thanh toán.

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đối với hoạt động xây dựng hoặc sản xuất bất kỳ tài sản đủ tiêu chuẩn sẽ được vốn hóa trong thời gian mà các tài sản này được hoàn thành và chuẩn bị đưa vào sử dụng. Đối với các khoản vay chung trong đó có sử dụng vốn cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất bất kỳ tài sản đủ tiêu chuẩn thì Công ty xác định chi phí đi vay được vốn hóa theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đủ tiêu chuẩn đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong năm, trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể. Chi phí đi vay khác được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

2.14 Chi phí phải trả

Chi phí phải trả bao gồm các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán trong năm báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, được ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh của năm báo cáo.

2.15 Các khoản dự phòng

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại, pháp lý hoặc liên đới, phát sinh từ các sự kiện đã xảy ra; việc thanh toán nghĩa vụ nợ có thể sẽ dẫn đến sự giảm sút về những lợi ích kinh tế và giá trị của nghĩa vụ nợ đó được ước tính một cách đáng tin cậy. Dự phòng không được ghi nhận cho các khoản lỗ hoạt động trong tương lai.

Dự phòng được tính trên cơ sở các khoản chi phí dự tính phải thanh toán nghĩa vụ nợ. Nếu ảnh hưởng về giá trị thời gian của tiền là trọng yếu thì dự phòng được tính trên cơ sở giá trị hiện tại với tỷ lệ chiết khấu trước thuế và phản ánh những đánh giá trên thị trường hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó. Giá trị tăng lên do ảnh hưởng của yếu tố thời gian được ghi nhận là chi phí tài chính. Chênh lệch giữa khoản dự phòng lập ở cuối kỳ kế toán này và khoản dự phòng đã lập chưa sử dụng ở cuối kỳ kế toán trước được ghi nhận tăng hoặc giảm chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm.

2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

2.16 Vốn chủ sở hữu

Vốn góp chủ sở hữu được ghi nhận theo số thực tế góp của các cổ đông và được phản ánh theo mệnh giá của cổ phiếu.

Thặng dư vốn cổ phần là khoản chênh lệch giữa vốn góp theo mệnh giá cổ phiếu với giá thực tế phát hành cổ phiếu; chênh lệch giữa giá mua lại cổ phiếu quỹ và giá tái phát hành cổ phiếu quỹ.

LNST chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh lũy kế sau thuế TNDN và sau khi đã trích các quỹ được Đại hội đồng Cổ đông phê duyệt tại thời điểm báo cáo.

2.17 Phân chia lợi nhuận

Cổ tức của Công ty được ghi nhận là một khoản phải trả trong báo cáo tài chính của niên độ kế toán dựa vào ngày chốt danh sách cổ đông theo Nghị Quyết của Hội đồng Quản trị sau khi phương án chi trả cổ tức được thông qua tại Đại hội đồng Cổ đông.

LNST TNDN có thể được chia cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng Cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ theo điều lệ của Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Công ty trích lập các quỹ như sau:

(a) Quỹ đầu tư phát triển

Quỹ đầu tư phát triển được trích lập từ LNST TNDN của Công ty và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng Cổ đông. Quỹ được sử dụng để đầu tư mở rộng quy mô sản xuất, kinh doanh.

(b) Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu

Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu được trích lập từ LNST của Công ty và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng Cổ đông.

(c) Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Quỹ khen thưởng, phúc lợi và quỹ khác được trích lập từ LNST TNDN của Công ty và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng Cổ đông. Quỹ được trình bày là một khoản phải trả trên bảng cân đối kế toán. Quỹ được sử dụng để khen thưởng, khuyến khích và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên.





BÁO CÁO TÀI CHÍNH

CÔNG TY CỔ PHẦN NHIỆT ĐIỆN BÀ RIỄN

Mẫu số B 09 – DN

2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

2.18 Ghi nhận doanh thu

(a) Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý sản phẩm hoặc hàng hóa như người sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa, hoặc quyền kiểm soát sản phẩm hoặc hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu không được ghi nhận khi có yếu tố không chắc chắn mang tính trọng yếu về khả năng thu được tiền bán hàng hoặc khả năng hàng bán bị trả lại.

Doanh thu được ghi nhận phù hợp với bản chất hơn hình thức và được phân bổ theo nghĩa vụ cung ứng sản phẩm hoặc hàng hóa. Trường hợp Công ty dùng sản phẩm, hàng hóa để khuyến mãi cho khách hàng kèm theo điều kiện mua hàng của Công ty thì Công ty phân bổ số tiền thu được để tính doanh thu cho cả hàng khuyến mãi và giá trị hàng khuyến mãi được tính vào giá vốn hàng bán trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

(b) Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi dịch vụ đã được cung cấp, bằng cách tính mức độ hoàn thành của từng giao dịch, dựa trên cơ sở đánh giá tỉ lệ dịch vụ đã cung cấp so với tổng khối lượng dịch vụ phải cung cấp. Doanh thu cung cấp dịch vụ chỉ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của bảng cân đối kế toán; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

(c) Thu nhập lãi

Thu nhập lãi được ghi nhận khi được hưởng.

(d) Thu nhập từ cổ tức

Thu nhập từ cổ tức được ghi nhận khi Công ty xác lập quyền nhận cổ tức từ các đơn vị đầu tư.

2.19 Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp

Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp là tổng chi phí phát sinh của thành phẩm, hàng hóa, vật tư xuất bán và dịch vụ cung cấp cho khách hàng trong năm, được ghi nhận theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu và nguyên tắc thận trọng.

U.S.M.S.N

2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**2.20 Chi phí tài chính**

Chi phí tài chính phản ánh những khoản chi phí hoạt động tài chính phát sinh trong năm chủ yếu bao gồm các khoản chi phí và các khoản lỗ liên quan đến hoạt động đầu tư tài chính, chi phí đi vay vốn, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ và lỗ tỷ giá hối đoái.

2.21 Chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình quản lý chung của Công ty.

2.22 Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành và thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Thuế TNDN bao gồm toàn bộ số thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế TNDN, kể cả các khoản thu nhập nhận được từ hoạt động sản xuất, kinh doanh hàng hóa dịch vụ tại nước ngoài mà Việt Nam chưa ký hiệp định về tránh đánh thuế hai lần. Chi phí thuế TNDN bao gồm chi phí thuế TNDN hiện hành và chi phí thuế TNDN hoãn lại.

Thuế TNDN hiện hành là số thuế TNDN phải nộp hoặc thu hồi được tính trên thu nhập chịu thuế theo thuế suất thuế TNDN của năm hiện hành. Thuế TNDN hiện hành và thuế TNDN hoãn lại được ghi nhận là thu nhập hay chi phí khi xác định lợi nhuận hoặc lỗ của năm phát sinh, ngoại trừ trường hợp thuế TNDN phát sinh từ một giao dịch hoặc sự kiện được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu trong cùng năm hay một năm khác.

Thuế TNDN hoãn lại, sử dụng phương pháp công nợ được tính đầy đủ dựa trên các khoản chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả trên báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế TNDN của các khoản mục này. Thuế TNDN hoãn lại không được ghi nhận khi nợ thuế TNDN hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả của một giao dịch mà giao dịch này không phải là giao dịch sáp nhập doanh nghiệp, không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận/lỗ tính thuế TNDN tại thời điểm phát sinh giao dịch. Thuế TNDN hoãn lại được tính theo thuế suất dự tính được áp dụng trong niên độ mà tài sản được thu hồi hoặc khoản nợ phải trả được thanh toán dựa trên thuế suất đã ban hành hoặc xem như có hiệu lực tại ngày của bảng cân đối kế toán.

Tài sản thuế TNDN hoãn lại được ghi nhận khi có khả năng sẽ có lợi nhuận tính thuế trong tương lai để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ.

15/03/2014





BÁO CÁO TÀI CHÍNH

CÔNG TY CỔ PHẦN NHIỆT ĐIỆN BÀ RI

Mẫu số B 09 – DN

2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

2.23 Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng hiệu của số lợi nhuận thuần phân bổ cho các cổ đông và số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi chia cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm, điều chỉnh cho cổ phiếu thưởng phát hành trong năm trừ đi cổ phiếu quỹ.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính toán thông qua việc điều chỉnh các số liệu được sử dụng để xác định lãi cơ bản trên cổ phiếu đối với:

- ảnh hưởng sau thuế của lãi vay và các chi phí tài chính khác liên quan đến các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm, và
- số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông được lưu hành nếu tất cả cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm được chuyển đổi.

2.24 Các bên liên quan

Các doanh nghiệp, các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết là các bên liên quan. Các bên liên kết, các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những cá nhân quản lý chủ chốt bao gồm Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này hoặc các bên liên kết này hoặc những công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan, Công ty căn cứ vào bản chất của mối quan hệ chứ không chỉ hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

2.25 Báo cáo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc bán hàng hoặc cung cấp dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc bán hàng hoặc cung cấp dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo khu vực địa lý). Mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác. Mẫu báo cáo bộ phận cơ bản của Công ty là dựa theo bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh hoặc theo khu vực địa lý.

2.26 Ước tính kế toán trọng yếu

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày kết thúc kỳ kế toán cũng như các số liệu về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính.

Các ước tính và giả định thường xuyên được đánh giá dựa trên kinh nghiệm trong quá khứ và các yếu tố khác, bao gồm các giả định trong tương lai có ảnh hưởng trọng yếu tới báo cáo tài chính của Công ty và được Ban Tổng Giám đốc đánh giá là hợp lý.

3 TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	2022 VND	2021 VND
Tiền mặt	547.654.429	260.305.832
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	1.472.269.372	2.075.213.262
Các khoản tương đương tiền (*)	135.500.000.000	103.000.000.000
	<u>137.519.923.801</u>	<u>105.335.519.094</u>

(*) Các khoản tương đương tiền bao gồm tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn với thời hạn đáo hạn ban đầu không quá 3 tháng bằng Đồng Việt Nam và hưởng lãi suất là 6,0%/năm (tại ngày 31 tháng 12 năm 2021: từ 0,2% đến 3%/năm).

4 ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

(a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	2022		2021	
	Giá gốc VND	Giá trị ghi sổ VND	Giá gốc VND	Giá trị ghi sổ VND
i. Ngắn hạn				
Tiền gửi có kỳ hạn (*)	249.650.000.000	249.650.000.000	294.650.000.000	294.650.000.000
Trái phiếu dài hạn đến hạn thanh toán (**)	8.000.000.000	8.000.000.000	8.000.000.000	8.000.000.000
	<u>257.650.000.000</u>	<u>257.650.000.000</u>	<u>302.650.000.000</u>	<u>302.650.000.000</u>
ii. Dài hạn				
Trái phiếu (**)	58.000.000.000	58.000.000.000	184.000.000.000	184.000.000.000

(*) Số dư này phản ánh các khoản tiền gửi có kỳ hạn với thời hạn đáo hạn ban đầu không quá 12 tháng bằng Đồng Việt Nam và hưởng lãi suất từ 4,8% đến 8,2%/năm (tại ngày 31 tháng 12 năm 2021: từ 4,8% đến 6,4%/năm).

(**) Các số dư này phản ánh giá trị đầu tư trái phiếu đối với Công ty Cổ phần Thủy điện Vĩnh Sơn – Sông Hinh căn cứ theo Hợp đồng số 01/2020/VCSH-HĐMBTP ngày 24 tháng 4 năm 2020 và Hợp đồng số 02/2020/VCSH-HĐMBTP ngày 25 tháng 6 năm 2020. Theo thỏa thuận trong Hợp đồng, các khoản trái phiếu này có thời hạn đáo hạn là 84 tháng kể từ ngày phát hành, hưởng lãi suất từ 8,5% đến 10,4%/năm (tại ngày 31 tháng 12 năm 2021: từ 9,1% đến 10,5%/năm). Các khoản trái phiếu này được đảm bảo bằng các tài sản gắn liền với đất, máy móc thiết bị và phương tiện vận tải của Nhà máy Thủy điện Vĩnh Sơn với tổng giá trị căn cứ theo Chứng thư thẩm định giá số 497/2019/CT-CIVS-BĐ do Công ty Cổ phần Thông tin và Thẩm định giá Miền Trung - Chi nhánh Bình Định phát hành ngày 7 tháng 8 năm 2019.

Trong năm 2022, dưới sự chấp thuận của Hội đồng Quản trị của Công ty, Công ty Cổ phần Thủy điện Vĩnh Sơn – Sông Hinh đã hoàn tất mua lại trước hạn một số trái phiếu với giá trị là 126 tỷ Đồng Việt Nam.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, bao gồm trong các khoản tiền gửi có kỳ hạn của Công ty có 4.650.000.000 Đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2021: 4.650.000.000 Đồng) đang được cầm cố với mục đích là bảo lãnh thực hiện hợp đồng.





BÁO CÁO TÀI CHÍNH

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN NHIỆT ĐIỆN BÀ RỊA

4 ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(b) Đầu tư tài chính dài hạn

	Tỷ lệ sở hữu và biểu quyết %	2022	
		Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VN
i. Đầu tư vào công ty liên kết			
Công ty Cổ phần Thủy điện Buôn Đôn (**)	25	83.750.000.000	269.757.380.05
ii. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác			
Công ty Cổ phần Nhiệt điện Hải Phòng (**)	2	108.730.000.000	129.100.000.00
Công ty Cổ phần Nhiệt điện Quảng Ninh (**)	2,3	114.770.927.800	133.734.879.26
Công ty Cổ phần Phú Thạnh Mỹ	8,09	50.000.000.000	(
		<u>273.500.927.800</u>	<u></u>

(*) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 và ngày 31 tháng 12 năm 2021, Công ty Cổ phần Phú Thạnh Mỹ để thuyết minh trên trường. Giá trị hợp lý của khoản đầu tư tài chính này có thể kh

(**) Giá trị hợp lý của các cổ phiếu này được xác định bằng cách gần nhất trước thời điểm lập báo cáo tài chính năm được coi ("Upcom").

Mẫu số B 09 – DN

2021

lý D	2021			
	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng VND
13	-	83.750.000.000	264.213.697.800	-
10	-	108.730.000.000	187.866.666.667	-
13	-	114.770.927.800	180.336.845.187	-
)	-	50.000.000.000	()	-
	-	273.500.927.800		-

1, Công ty chưa xác định được giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính báo cáo tài chính vì khoản đầu tư này không có giá niêm yết trên thị trường với giá trị ghi sổ.

tham khảo giá tham chiếu bình quân trong 30 ngày giao dịch liền kề ngay trước ngày giao dịch của những công ty đại chúng chưa niêm yết





BÁO CÁO TÀI CHÍNH

CÔNG TY CỔ PHẦN NHIỆT ĐIỆN BÀ RI

Mẫu số B 09 – DN

5 PHẢI THU CỦA KHÁCH HÀNG NGẮN HẠN

	2022 VND	2021 VND
Bên thứ ba	634.581.101	43.388.000
Bên liên quan (Thuyết minh 32(b))	243.751.022.228	438.182.184.488
	<u>244.385.603.329</u>	<u>438.225.572.488</u>

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 và ngày 31 tháng 12 năm 2021, Công ty không có khoản phải thu ngắn hạn của khách hàng nào quá hạn hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 và ngày 31 tháng 12 năm 2021, không có số dư của khách hàng bên thứ ba nào có số dư chiếm hơn 10% trên tổng số dư các khoản phải thu khách hàng ngắn hạn.

6 PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

	2022 VND	2021 VND
Lãi dự thu tiền gửi có kỳ hạn	8.548.372.601	11.134.400.004
Bảo hiểm xã hội được hoàn năm 2021	1.443.137.554	-
Lãi dự thu trái phiếu (Thuyết minh 32(b))	652.224.657	1.844.266.667
Khác	44.659.778	1.255.278
	<u>10.688.394.590</u>	<u>12.979.921.949</u>

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 và ngày 31 tháng 12 năm 2021, Công ty không có khoản phải thu ngắn hạn khác nào quá hạn hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi.

7 HÀNG TỒN KHO

	2022		2021	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Nhiên liệu và vật tư	106.353.479.619	-	106.425.574.248	-
Công cụ, dụng cụ	73.433.261	-	72.045.272	-
Thành phẩm	56.834.883	-	17.961.210	-
	<u>106.483.747.763</u>	<u>-</u>	<u>106.515.580.730</u>	<u>-</u>

8 CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	2022 VND	2021 VND
Công cụ, dụng cụ	923.216.776	10.270.998.122
Khác	13.677.523.093	65.388.419
	<u>14.600.739.869</u>	<u>10.336.386.541</u>

Biến động về chi phí trả trước trong năm như sau:

	2022 VND	2021 VND
Số dư đầu năm	10.336.386.541	15.602.866.480
Tăng	11.907.318.936	744.201.255
Phân bổ trong năm	(7.642.965.608)	(6.010.681.194)
Số dư cuối năm	<u>14.600.739.869</u>	<u>10.336.386.541</u>

9 THIẾT BỊ, VẬT TƯ, PHỤ TÙNG THAY THẾ DÀI HẠN

Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn phản ánh giá trị thuần (sau khi đã trừ dự phòng giảm giá) của thiết bị, vật tư, phụ tùng dùng để dự trữ, thay thế, phòng ngừa hư hỏng của tài sản nhưng không đủ tiêu chuẩn để phân loại là TSCĐ và có thời gian dự trữ trên 12 tháng hoặc hơn một chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường.





BÁO CÁO TÀI CHÍNH

CÔNG TY CỔ PHẦN NHIỆT ĐIỆN BÀ RỊA

10 Tài sản cố định (“TSCĐ”)

(a) TSCĐ hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc thiết bị VND
Nguyên giá		
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2022	99.295.749.307	2.478.917.340.409
Mua trong năm	-	38.671.899.827
Chuyển từ chi phí xây dựng cơ bản dờ dang (Thuyết minh 11)	-	65.712.000.000
Điều chỉnh khác	-	(468.290.000)
Thanh lý, nhượng bán	-	(100.749.734)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022	99.295.749.307	2.582.732.200.502
Giá trị khấu hao lũy kế		
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2022	78.427.563.131	2.238.429.351.821
Khấu hao trong năm	3.166.077.578	43.538.170.734
Thanh lý, nhượng bán	-	(100.749.734)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022	81.593.640.709	2.281.866.772.821
Giá trị còn lại		
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2022	20.868.186.176	240.487.988.588
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022	17.702.108.598	300.865.427.681

Nguyên giá TSCĐ hữu hình của Công ty đã khấu hao hết nhưng còn ngày 31 tháng 12 năm 2021: 2.178.702.998.978 Đồng).



Mẫu số B 09 – DN

Phương tiện vận tải VND	Thiết bị quản lý VND	Khác VND	Tổng cộng VND
33.422.418.637	45.199.363.291	860.154.790	2.657.695.026.434
-	55.018.519	-	38.726.918.346
-	-	90.000.000	65.802.000.000
-	-	-	(468.290.000)
(403.837.048)	(83.927.560)	-	(588.514.342)
<u>33.018.581.589</u>	<u>45.170.454.250</u>	<u>950.154.790</u>	<u>2.761.167.140.438</u>
30.637.580.522	43.605.891.998	860.154.790	2.391.960.542.262
628.322.820	784.086.338	13.250.000	48.129.907.470
(403.837.048)	(83.927.560)	-	(588.514.342)
<u>30.862.066.294</u>	<u>44.306.050.776</u>	<u>873.404.790</u>	<u>2.439.501.935.390</u>
2.784.838.115	1.593.471.293	-	265.734.484.172
<u>2.156.515.295</u>	<u>864.403.474</u>	<u>76.750.000</u>	<u>321.665.205.048</u>

sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 là 2.189.006.711.029 Đồng (tại





BÁO CÁO TÀI CHÍNH

CÔNG TY CỔ PHẦN NHIỆT ĐIỆN BÀ RỊA

Mẫu số B 09 – DN

10 TSCĐ (tiếp theo)

(b) TSCĐ vô hình

	Quyền sử dụng đất VND	Phần mềm máy tính VND	Tổng cộng VND
Nguyên giá			
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2022	3.011.117.583	3.874.114.453	6.885.232.036
Mua trong năm	-	1.401.990.909	1.401.990.909
Thanh lý	-	(756.528.281)	(756.528.281)
	<u>3.011.117.583</u>	<u>4.519.577.081</u>	<u>7.530.694.664</u>
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022	3.011.117.583	4.519.577.081	7.530.694.664
Khấu hao lũy kế			
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2022	3.011.117.583	1.704.520.194	4.715.637.777
Khấu hao trong năm	-	617.507.776	617.507.776
Thanh lý	-	(756.528.281)	(756.528.281)
	<u>3.011.117.583</u>	<u>1.565.499.689</u>	<u>4.576.617.272</u>
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022	3.011.117.583	1.565.499.689	4.576.617.272
Giá trị còn lại			
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2022	-	2.169.594.259	2.169.594.259
	<u>-</u>	<u>2.169.594.259</u>	<u>2.169.594.259</u>
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022	-	2.954.077.392	2.954.077.392
	<u>-</u>	<u>2.954.077.392</u>	<u>2.954.077.392</u>

Nguyên giá TSCĐ vô hình đã khấu hao hết nhưng còn sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 là 3.508.952.284 Đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2021: 3.830.701.219 Đồng).

11 CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

Chi tiết chi phí xây dựng cơ bản dở dang theo từng dự án như sau:

	2022 VND	2021 VND
Dự án Nhà máy Điện gió Buôn Hồ	1.989.959.183	1.947.341.183
Dự án Điện gió Tiến Thành	1.329.332.250	1.329.332.250
Hệ thống điều khiển tuabin khí và kích từ	-	59.484.919.091
	<u>3.319.291.433</u>	<u>62.761.592.524</u>

Biến động về chi phí xây dựng cơ bản dở dang trong năm như sau:

	2022 VND	2021 VND
Số dư đầu năm	62.761.592.524	3.281.773.433
Tăng trong kỳ/năm	6.389.698.909	59.484.919.091
Chuyển sang TSCĐ hữu hình (Thuyết minh 10(a))	(65.802.000.000)	-
Khác	(30.000.000)	(5.100.000)
Số dư cuối năm	<u>3.319.291.433</u>	<u>62.761.592.524</u>

12 PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	31.12.2022 VND	31.12.2021 VND
	Giá trị/Số có khả năng trả nợ	Giá trị/Số có khả năng trả nợ
Bên thứ ba		
Chi nhánh Kinh doanh LNG - Tổng Công ty Khí Việt Nam - Công ty Cổ phần	61.183.534.158	242.272.159.854
Công ty CP Thương Mại Dịch vụ Kỹ Thuật Chấn Hưng	13.359.600.000	8.825.080.000
Công ty TNHH Xuân Thiên	-	32.716.705.500
Khác	3.522.309.779	9.499.359.179
Bên liên quan (Thuyết minh 32(b))	965.412.038	1.068.507.349
	<u>79.030.855.975</u>	<u>294.381.811.882</u>

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 và 31 tháng 12 năm 2021, Công ty không có khoản phải trả người bán ngắn hạn nào bị quá hạn thanh toán.





BÁO CÁO TÀI CHÍNH

CÔNG TY CỔ PHẦN NHIỆT ĐIỆN BÀ RỊA

13 THUẾ VÀ CÁC KHOẢN KHÁC PHẢI NỘP/PHẢI THU NHÀ NƯỚC

Biến động về thuế và các khoản khác phải nộp/phải thu Nhà nước trong năm

	Tại ngày 1.1.2022 VND	Số phải thu/ phải nộp trong năm VND
a) Phải nộp		
Thuế GTGT	437.715.991	42.009.742.926
Thuế TNDN	2.909.756.827	7.542.125.981
Thuế thu nhập cá nhân	-	1.581.027.231
Thuê đất	-	3.994.862.599
Thuế khác	-	174.854.544
	<u>3.347.472.818</u>	<u>55.302.613.281</u>
b) Phải thu		
Thuế GTGT được khấu trừ	-	60.118.525.124
Thuế TNDN	-	-
Thuế thu nhập cá nhân	3.456.112.004	-
	<u>3.456.112.004</u>	<u>60.118.525.124</u>

Mẫu số B 09 – DN

như sau:

Số đã thực nộp trong năm VND	Cấn trừ/ Phân loại lại VND	Tại ngày 31.12.2022 VND
(437.721.745)	(42.009.737.172)	-
(18.170.627.515)	7.718.744.707	-
(472.741.216)	(1.108.286.015)	-
(3.994.862.599)	-	-
(174.854.544)	-	-
<u>(23.250.807.619)</u>	<u>(35.399.278.480)</u>	<u>-</u>
-	(42.009.737.172)	18.108.787.952
-	7.718.744.707	7.718.744.707
-	(1.108.286.015)	2.347.825.989
<u>-</u>	<u>(35.399.278.480)</u>	<u>28.175.358.648</u>





BÁO CÁO TÀI CHÍNH

CÔNG TY CỔ PHẦN NHIỆT ĐIỆN BÀ RI

Mẫu số B 09 – DN

14 PHẢI TRẢ NGƯỜI LAO ĐỘNG

Số dư phải trả người lao động phản ánh nghĩa vụ chi trả lương, thưởng đối với người lao động tại thời điểm cuối năm căn cứ theo quyết toán quỹ tiền lương.

15 CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	2022 VND	2021 VND
Lãi vay phải trả cho bên liên quan (Thuyết minh 32(b))	688.149.974	846.351.001
Lãi vay phải trả cho các cổ đông khác (Thuyết minh 32(b))	150.363.341	152.944.001
	<u>838.513.315</u>	<u>999.295.002</u>

16 PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

	2022 VND	2021 VND
Cổ tức phải trả (Thuyết minh 18 và 32(b))	6.140.233.900	5.839.936.400
Bảo hiểm xã hội phải trả cho người lao động năm 2021	1.283.722.643	-
Phải trả nhân viên sau quyết toán thuế thu nhập cá nhân	1.124.387.989	443.445.083
Nhận ký quỹ, ký cược	106.634.058	286.201.066
Khác	141.232.705	867.514.818
	<u>8.796.211.295</u>	<u>7.437.097.367</u>

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 và 31 tháng 12 năm 2021, Công ty không có khoản phải trả ngắn hạn khác nào bị quá hạn thanh toán.

CÔNG TY CỔ PHẦN NHIỆT ĐIỆN BÀ RỊA

Mẫu số B 09 – DN

17 VAY

(a) Ngắn hạn

	Tại ngày 1.1.2022 VND	Giải ngân VND	Phân loại lại VND	Thanh toán VND	Đánh giá lại chênh lệch tỷ giá hối đoái VND	Tại ngày 31.12.2022 VND
Vay ngắn hạn	-	119.500.000.000	-	(119.500.000.000)	-	-
Vay bên liên quan dài hạn đến hạn trả (Thuyết minh 32(b)) (*)	48.241.467.340	-	51.902.371.229	(50.378.035.822)	(612.233.074)	49.153.569.673
	<u>48.241.467.340</u>	<u>119.500.000.000</u>	<u>51.902.371.229</u>	<u>(169.878.035.822)</u>	<u>(612.233.074)</u>	<u>49.153.569.673</u>

(b) Dài hạn

	Tại ngày 1.1.2022 VND	Giải ngân VND	Phân loại lại VND	Thanh toán VND	Đánh giá lại chênh lệch tỷ giá hối đoái VND	Tại ngày 31.12.2022 VND
Vay bên liên quan (Thuyết minh 32(b)) (*)	254.026.747.389	-	(51.902.371.229)	-	(5.510.097.663)	196.614.278.497

(*) Vay dài hạn phản ánh số dư của khoản vay bằng Won đối với Tập đoàn Điện lực Việt Nam theo Hợp đồng Cho vay lại số 2015/EVN-BARIA/EDCF ngày 1 tháng 9 năm 2015, kế thừa từ Hợp đồng Vốn ODA số 21/TNDN ngày 20 tháng 12 năm 2004 giữa Chi nhánh Quỹ Hỗ trợ Phát triển Bà Rịa - Vũng Tàu (nay là Chi nhánh Ngân hàng Phát triển Bà Rịa - Vũng Tàu) và Nhà máy Điện Bà Rịa (nay là Công ty) với tổng hạn mức là 49.987.210.130 Won. Khoản vay này có nguồn gốc từ nguồn vốn vay quỹ hợp tác phát triển kinh tế Hàn Quốc – EDCF cho mục đích thực hiện dự án đui hơi 306-2 Nhà máy Điện Bà Rịa. Khoản vay lại này có thời hạn vay là 13 năm với lãi suất là 2,4%/năm.

Số dư của khoản vay tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 tương đương 12.494.552.525 Won sẽ được hoàn trả dần đều trong 10 kỳ nửa năm với số tiền thanh toán mỗi kỳ là 1.249.455.253,5 Won và lần thanh toán cuối cùng của số dư còn lại 1.249.455.253,5 Won là ngày 20 tháng 11 năm 2027.





BÁO CÁO TÀI CHÍNH

CÔNG TY CỔ PHẦN NHIỆT ĐIỆN BÀ RỊA

Mẫu số B 09 – DN

18 CỐ TỨC

	2022 VND	2021 VND
Số dư đầu năm	5.839.936.400	5.613.434.700
Cố tức phải trả trong năm (Thuyết minh 21, 32(a))	90.728.400.000	66.534.160.000
Cố tức đã chi trả	(90.428.102.500)	(66.307.658.300)
Số dư cuối năm	<u>6.140.233.900</u>	<u>5.839.936.400</u>

19 QUỸ KHEN THƯỞNG, PHÚC LỢI

Biến động về quỹ khen thưởng, phúc lợi trong năm như sau:

	2022 VND	2021 VND
Số dư đầu năm	4.559.194.157	9.844.439.442
Trích lập trong năm (Thuyết minh 21)	12.132.850.000	8.608.898.167
Phân loại lại (Thuyết minh 21)	178.809.276	-
Tăng khác trong năm	22.950.000	45.759.600
Sử dụng trong năm	(10.786.247.677)	(13.939.903.052)
Số dư cuối năm	<u>6.107.555.756</u>	<u>4.559.194.157</u>

20 VỐN GÓP CỦA CHỦ SỞ HỮU

(a) Số lượng cổ phiếu

	Cổ phiếu phổ thông	Cổ phiếu phổ thông
Số lượng cổ phiếu đã đăng ký, đã phát hành và đang lưu hành	<u>60.485.600</u>	<u>60.485.600</u>

(b) Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	2022		2021	
	Cổ phiếu phổ thông	%	Cổ phiếu phổ thông	%
Tổng Công ty Phát điện 3 - Công ty Cổ phần	48.123.557	79,56	48.123.557	79,56
Cổ đông khác	12.362.043	20,44	12.362.043	20,44
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	<u>60.485.600</u>	<u>100,00</u>	<u>60.485.600</u>	<u>100,00</u>

20 VỐN GÓP CỦA CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

(c) Tình hình biến động của vốn cổ phần

	Số cổ phiếu	Cổ phiếu phổ thông VND
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2021, ngày 31 tháng 12 năm 2021 và ngày 31 tháng 12 năm 2022	<u>60.485.600</u>	<u>604.856.000.000</u>

Mệnh giá cổ phiếu: 10.000 Đồng trên một cổ phiếu.

Công ty không có cổ phiếu ưu đãi.





BÁO CÁO TÀI CHÍNH

CÔNG TY CỔ PHẦN NHIỆT ĐIỆN BÀ RỊA

21 TÌNH HÌNH TĂNG GIẢM VỐN CHỦ SỞ HỮU

	Vốn góp của chủ sở hữu VND	Thặng dư vốn cổ phần VND
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2021	604.856.000.000	7.560.228.689
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-
Chia cổ tức (Thuyết minh 18)	-	-
Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi (Thuyết minh 19)	-	-
Trích lập quỹ thưởng Ban điều hành (Thuyết minh 19)	-	-
Trích lập quỹ đầu tư và phát triển	-	-
	<hr/>	<hr/>
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021	604.856.000.000	7.560.228.689
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-
Chia cổ tức (Thuyết minh 18)	-	-
Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi (Thuyết minh 19)(*)	-	-
Trích lập quỹ đầu tư và phát triển (*)	-	-
Phân loại lại (Thuyết minh 19)	-	-
	<hr/>	<hr/>
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022	<u>604.856.000.000</u>	<u>7.560.228.689</u>

(*) Căn cứ theo Nghị quyết số 715/NQ-NĐBR ngày 1 tháng 6 năm 2022 c quỹ khen thưởng, phúc lợi là 12.132.850.000 Đồng (trong đó cho nhâ quỹ đầu tư phát triển là và 21.313.782.823 Đồng và chia cổ tức cho cổ các năm trước đây.

Mẫu số B 09 – DN

Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu VND	LNST chưa phân phối VND	Quỹ đầu tư và phát triển VND	Tổng cộng VND
19.972.706.991	373.600.957.099	217.213.352.488	1.223.203.245.267
-	127.217.720.754	-	127.217.720.754
-	(66.534.160.000)	-	(66.534.160.000)
-	(8.506.500.000)	-	(8.506.500.000)
-	(102.398.167)	-	(102.398.167)
-	(5.479.528.424)	5.479.528.424	-
<hr/>	<hr/>	<hr/>	<hr/>
19.972.706.991	420.196.091.262	222.692.880.912	1.275.277.907.854
-	70.744.270.207	-	70.744.270.207
-	(90.728.400.000)	-	(90.728.400.000)
-	(12.132.850.000)	-	(12.132.850.000)
-	(21.313.782.823)	21.313.782.823	-
(178.809.276)	-	-	(178.809.276)
<hr/>	<hr/>	<hr/>	<hr/>
19.793.897.715	366.765.328.646	244.006.663.735	1.242.982.118.785

Ủy ban Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2022, Công ty tiến hành trích lập dự phòng là 11.659.750.000 Đồng và cho Ban điều hành là 473.100.000 Đồng), đồng là 90.728.400.000 Đồng từ nguồn LNST chưa phân phối năm 2021 và





BÁO CÁO TÀI CHÍNH

CÔNG TY CỔ PHẦN NHIỆT ĐIỆN BÀ RI

Mẫu số B 09 – DN

22 LÃI TRÊN CỔ PHIẾU

(a) Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng hiệu của số lợi nhuận thuần phân bổ cho các cổ đông và số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi chia cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm, không bao gồm các cổ phiếu phổ thông được Công ty mua lại và giữ làm cổ phiếu quỹ. Chi tiết như sau:

	2022	2021
Lợi nhuận thuần phân bổ cho các cổ đông (VND)	70.744.270.207	127.217.720.754
Điều chỉnh giảm số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (VND) (*)	-	(12.132.850.000)
	<u>70.744.270.207</u>	<u>115.084.870.754</u>
Bình quân số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành (cổ phiếu)	60.485.600	60.485.600
Lãi cơ bản trên mỗi cổ phiếu (VND)	<u>1.170</u>	<u>1.903</u>

(*) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, Công ty chưa ước tính được một cách đáng tin cậy số lợi nhuận có thể được trích lập vào quỹ khen thưởng, phúc lợi cho năm nay do Đại hội đồng Cổ đông chưa quyết định tỷ lệ trích vào quỹ này. Nếu Công ty trích quỹ khen thưởng, phúc lợi, lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông và lãi cơ bản trên cổ phiếu sẽ giảm đi.

(**) Lãi cơ bản trên cổ phiếu của năm 2021 đã được tính lại theo Nghị quyết số 715/NQ-NĐBR của Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2022 ngày 31 tháng 5 năm 2022 về việc trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi từ LNST cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 như sau:

	Năm tài chính kết thúc ngày 31.12.2021		
	Số liệu báo cáo trước đây	Điều chỉnh	Số liệu trình bày lại
Lợi nhuận thuần phân bổ cho các cổ đông (VND)	127.217.720.754	-	127.217.720.754
Điều chỉnh giảm số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi và quỹ thưởng Ban điều hành (VND)	-	(12.132.850.000)	(12.132.850.000)
	<u>127.217.720.754</u>	<u>(12.132.850.000)</u>	<u>115.084.870.754</u>
Bình quân số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành (cổ phiếu)	60.485.600	-	60.485.600
Lãi cơ bản trên mỗi cổ phiếu (VND)	<u>2.103</u>	<u>(200)</u>	<u>1.903</u>

(b) Lãi suy giảm trên cổ phiếu

Công ty không có cổ phiếu tiềm năng có tác động suy giảm lãi trên cổ phiếu.

23 KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**Cam kết thuê hoạt động**

Tổng số tiền thuê tối thiểu phải trả trong tương lai của hợp đồng thuê hoạt động tài sản không hủy ngang được trình bày tại Thuyết minh 33.

24 DOANH THU THUẦN VỀ BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	2022	2021
	VND	VND
Doanh thu thuần về bán điện	511.234.025.447	1.211.290.302.577
Doanh thu thuần về cung cấp dịch vụ	1.517.939.351	749.582.965
Doanh thu thuần về bán nước uống đóng chai	739.589.958	867.037.520
	<u>513.491.554.756</u>	<u>1.212.906.923.062</u>

25 GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

	2022	2021
	VND	VND
Giá vốn điện bán	478.882.366.965	1.144.427.876.406
Giá vốn dịch vụ cung cấp	1.044.777.421	492.847.329
Giá vốn nước uống đóng chai đã bán	788.247.114	696.843.202
	<u>480.715.391.500</u>	<u>1.145.617.566.937</u>

26 DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	2022	2021
	VND	VND
Thu nhập từ cổ tức được chia (Thuyết minh 32(a))	39.660.425.909	39.600.774.500
Lãi tiền gửi	19.512.779.612	23.024.299.946
Lãi từ trái phiếu (Thuyết minh 32(a))	14.978.842.922	19.339.470.323
Lãi thuần do đánh giá lại các khoản có gốc ngoại tệ cuối kỳ	6.122.330.737	33.285.487.931
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái đã thực hiện	5.360.163.038	5.797.472.376
	<u>85.634.542.218</u>	<u>121.047.505.076</u>

123





BÁO CÁO TÀI CHÍNH

CÔNG TY CỔ PHẦN NHIỆT ĐIỆN BÀ RI

Mẫu số B 09 – DN

27 CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	2022 VND	2021 VND
Lãi vay	6.300.576.749	8.273.949.590
Hoàn nhập dự phòng giảm giá các khoản đầu tư	-	(6.224.139.813)
	<u>6.300.576.749</u>	<u>2.049.809.777</u>

28 CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	2022 VND	2021 VND
Chi phí nhân viên	15.496.633.118	19.333.459.342
Thuế, phí và lệ phí	4.386.621.544	1.384.492.767
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.136.865.959	4.258.644.957
Chi phí khấu hao TSCĐ	1.245.668.951	2.151.735.346
Chi phí khác	11.689.698.179	9.999.068.194
	<u>33.955.487.751</u>	<u>37.127.400.606</u>

29 THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (“TNDN”)

Số thuế TNDN trên lợi nhuận kế toán trước thuế của Công ty khác với số thuế khi được tính theo thuế suất phổ thông áp dụng 20% như sau:

	2022 VND	2021 VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	78.286.396.188	149.327.694.224
Thuế tính ở thuế suất 20%	15.657.279.238	29.865.538.845
Điều chỉnh:		
Thu nhập không chịu thuế	(7.932.085.182)	(7.920.154.900)
Chi phí không được khấu trừ	110.410.124	164.589.525
Chênh lệch tạm thời không ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại	(554.348.887)	-
Dự phòng thiếu của các năm trước đây	260.870.688	-
Chi phí thuế TNDN (*)	<u>7.542.125.981</u>	<u>22.109.973.470</u>
Chi phí thuế TNDN ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ:		
Thuế TNDN - hiện hành	7.542.125.981	22.109.973.470
	<u>7.542.125.981</u>	<u>22.109.973.470</u>

29 THUẾ TNDN (tiếp theo)

(*) Chi phí thuế TNDN cho năm tài chính được ước tính dựa vào thu nhập chịu thuế và có thể có những điều chỉnh tùy thuộc vào sự kiểm tra của cơ quan thuế.

30 CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố thể hiện các chi phí phát sinh trong năm từ hoạt động kinh doanh của Công ty. Chi tiết được trình bày như sau:

	2022 VND	2021 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	343.775.969.163	1.011.500.752.478
Chi phí nhân viên	60.059.924.978	67.511.471.704
Chi phí khấu hao TSCĐ	48.747.415.246	41.572.554.613
Chi phí sửa chữa lớn	28.773.227.273	28.603.363.636
Chi phí dịch vụ mua ngoài	13.375.678.284	14.283.218.502
Chi phí khác	19.709.402.424	18.843.830.029
	<u>514.441.617.368</u>	<u>1.182.315.190.962</u>

31 THUYẾT MINH GIAO DỊCH KHÔNG BẰNG TIỀN ẢNH HƯỞNG ĐẾN BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (“BCLCTT”)

Giao dịch không bằng tiền ảnh hưởng đến BCLCTT trong năm như sau:

	2022 VND	2021 VND
Mua tài sản, chi phí xây dựng cơ bản dở dang chưa thanh toán	<u>13.471.990.909</u>	<u>44.321.169.545</u>

32 THUYẾT MINH VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN

Công ty được kiểm soát bởi Tổng Công ty Phát điện 3 – Công ty cổ phần, một công ty được thành lập tại Việt Nam, do sở hữu 79,56% vốn điều lệ của Công ty.

Bên liên quan	Mối quan hệ
Tập đoàn Điện lực Việt Nam (“EVN”)	Công ty mẹ cấp cao nhất
Tổng Công ty Phát điện 3 – Công ty Cổ phần	Công ty mẹ
Công ty Mua Bán Điện - EVN	Chi nhánh của Công ty mẹ cấp cao nhất
Công ty Cổ phần Nhiệt điện Hải Phòng	Công ty thành viên cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Thủy điện Buôn Đôn	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Nhiệt điện Quảng Ninh	Công ty thành viên cùng Tập đoàn
Công ty Tài chính Cổ phần Điện lực	Công ty thành viên cùng Tập đoàn
Công ty Dịch vụ Sửa chữa các Nhà máy điện EVNGENCO 3	Chi nhánh của Công ty mẹ
Công ty Cổ phần Thủy điện Vĩnh Sơn – Sông Hinh	Bên liên quan khác





BÁO CÁO TÀI CHÍNH

CÔNG TY CỔ PHẦN NHIỆT ĐIỆN BÀ RI

Mẫu số B 09 – DN

32 THUYẾT MINH VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

(a) Giao dịch với các bên liên quan

Trong năm, các giao dịch chủ yếu sau đây được thực hiện với các bên liên quan:

	2022 VND	2021 VND
<i>i) Doanh thu bán điện</i>		
Công ty Mua Bán Điện - EVN	<u>511.234.025.447</u>	<u>1.211.290.302.577</u>
<i>ii) Mua hàng</i>		
EVN	<u>11.426.949.126</u>	<u>11.758.599.829</u>
<i>iii) Hoạt động tài chính</i>		
EVN		
Chi phí lãi vay	6.300.576.749	7.987.282.642
Trả nợ gốc vay	50.378.035.822	50.128.144.770
Lãi vay đã trả	<u>6.298.164.077</u>	<u>8.237.073.736</u>
Công ty Cổ phần Thủy điện Vĩnh Sơn - Sông Hinh		
Thu hồi từ trái phiếu	126.000.000.000	8.000.000.000
Lãi từ trái phiếu (Thuyết minh 26)	<u>14.978.842.922</u>	<u>19.339.470.323</u>

32 THUYẾT MINH VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

(a) Giao dịch với các bên liên quan (tiếp theo)

	2022 VND	2021 VND	
iv) Chia cổ tức (Thuyết minh 18)			
Tổng Công ty Phát điện 3 - Công ty Cổ phần	72.185.335.500	52.935.912.700	
Cổ đông khác	18.543.064.500	13.598.247.300	
	<u>90.728.400.000</u>	<u>66.534.160.000</u>	
v) Thu nhập từ cổ tức được chia (Thuyết minh 26)			
Công ty Cổ phần Nhiệt điện Hải Phòng	8.000.000.000	21.750.000.000	
Công ty Cổ phần Thủy điện Buôn Đôn	12.603.102.709	7.502.447.500	
Công ty Cổ phần Phú Thạnh Mỹ	2.500.000.000	-	
Công ty Cổ phần Nhiệt điện Quảng Ninh	16.557.323.200	10.348.327.000	
	<u>39.660.425.909</u>	<u>39.600.774.500</u>	
vi) Các khoản chi cho các nhân sự quản lý chủ chốt			
Thành viên Hội đồng Quản trị ("HĐQT")			
Nguyễn Tiến Dũng	Chủ tịch	554.200.000	376.282.667
Phan Thanh Xuân	Chủ tịch không chuyên trách	-	197.084.333
Châu Thanh Cần	Thành viên	35.835.000	132.408.000
Hoàng Văn Phong	Thành viên	50.169.000	-
Lê Thế Sơn	Thành viên	35.835.000	132.480.000
Trần Lê Minh	Thành viên	50.169.000	-
Trần Lê Trung Hiếu	Thành viên	86.004.000	66.240.000
Ban Tổng Giám đốc			
Lê Văn Huy	Tổng giám đốc, Thành viên HĐQT	533.157.000	801.437.000
Đoàn Ngọc Nhân	Phó Tổng Giám đốc	197.951.000	712.421.000
Võ Nhu	Phó Tổng Giám đốc	472.724.000	709.805.000
Khác			
Trần Thị Bảo Xuân	Kế toán trưởng	435.332.000	652.205.000
Phan Thị Thùy Linh	Trưởng Ban kiểm soát	494.158.000	741.776.000
Đỗ Thị Lệ Trân	Thành viên Ban kiểm soát	78.516.000	22.080.000
Nguyễn Thị Thanh Hương	Thành viên Ban kiểm soát	32.715.000	132.480.000
Võ Thị Thu Hòa	Thành viên Ban kiểm soát	45.801.000	-
Đình Tuấn Anh	Thành viên Ban kiểm soát	-	110.400.000
		<u>3.102.566.000</u>	<u>4.787.099.000</u>





BÁO CÁO TÀI CHÍNH

CÔNG TY CỔ PHẦN NHIỆT ĐIỆN BÀ RI

Mẫu số B 09 – DN

32 THUYẾT MINH VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

(b) Số dư cuối năm với các bên liên quan

	2022 VND	2021 VND
i) Phải thu ngắn hạn của khách hàng (Thuyết minh 5)		
Công ty Mua Bán Điện - EVN	<u>243.751.022.228</u>	<u>438.182.184.488</u>
ii) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		
Công ty Cổ phần Thủy điện Vĩnh Sơn – Sông Hinh	66.000.000.000	192.000.000.000
Công ty Tài chính Cổ phần Điện lực	20.000.000.000	20.000.000.000
	<u>86.000.000.000</u>	<u>212.000.000.000</u>
iii) Phải thu ngắn hạn khác (Thuyết minh 6)		
Công ty Cổ phần Thủy điện Vĩnh Sơn - Sông Hinh	<u>652.224.657</u>	<u>1.844.266.667</u>
iv) Phải trả người bán ngắn hạn (Thuyết minh 12)		
EVN	965.412.038	918.536.099
Công ty Dịch vụ Sửa chữa các Nhà máy điện EVNGENCO 3	-	149.971.250
	<u>965.412.038</u>	<u>1.068.507.349</u>

32 THUYẾT MINH VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

(b) Số dư cuối năm với các bên liên quan (tiếp theo)

	2022 VND	2021 VND
v) Chi phí phải trả ngắn hạn (Thuyết minh 15)		
EVN	688.149.974	846.351.001
Cổ đông khác	150.363.341	152.944.001
	<u>838.513.315</u>	<u>999.295.002</u>
vi) Phải trả ngắn hạn khác (Thuyết minh 16)		
Cổ đông khác	<u>6.140.233.900</u>	<u>5.839.936.400</u>
vii) Vay ngắn hạn (Thuyết minh 17(a))		
EVN	<u>49.153.569.673</u>	<u>48.241.467.340</u>
viii) Vay dài hạn (Thuyết minh 17(b))		
EVN	<u>196.614.278.497</u>	<u>254.026.747.389</u>

33 CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

Công ty phải trả mức tối thiểu cho các hợp đồng thuê hoạt động không hủy ngang trong tương lai như sau:

	2022 VND	2021 VND
Dưới 1 năm	3.994.862.599	3.994.862.599
Từ 1 đến 5 năm	15.979.450.396	15.979.450.396
Trên 5 năm	109.360.731.751	115.185.204.938
Tổng cộng các khoản thanh toán tối thiểu	<u>129.335.044.746</u>	<u>135.159.517.933</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN NHIỆT ĐIỆN BÀ RỊA





BÁO CÁO TÀI CHÍNH

CÔNG TY CỔ PHẦN NHIỆT ĐIỆN BÀ RI

Mẫu số B 09 – DN

34 BÁO CÁO BỘ PHẬN

Hoạt động chính của Công ty là sản xuất, kinh doanh điện năng. Rủi ro và tỷ suất sinh lời của Công ty không bị tác động bởi những khác biệt về lĩnh vực kinh doanh mà Công ty cung cấp hoặc do khu vực địa lý mà Công ty hoạt động. Do đó, Ban Tổng Giám đốc nhận định là các lĩnh vực kinh doanh khác của Công ty không có ảnh hưởng đáng kể theo hoạt động kinh doanh và khu vực địa lý. Theo đó, thông tin theo bộ phận không được trình bày.

35 NỢ TIỀM TÀNG

Theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 do Bộ Tài Chính ban hành, kể từ ngày 1 tháng 1 năm 2015, Công ty phải lập dự phòng cho các khoản chi phí khôi phục phát sinh khi hoàn trả mặt bằng và đất thuê theo quy định và chính sách áp dụng đối với ngành nghề sản xuất kinh doanh của Công ty. Theo đó, Công ty có nghĩa vụ thu dọn, khôi phục và hoàn trả mặt bằng vào cuối thời hạn thuê hoặc thời hạn kết thúc dự án. Tại ngày lập báo cáo tài chính này, Công ty chưa ghi nhận khoản dự phòng này do chưa đủ thông tin cần thiết để lập dự phòng hoàn nguyên môi trường đối với hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

Báo cáo tài chính đã được Ban Tổng Giám đốc duyệt ngày 13 tháng 3 năm 2023.

Trần Tuyết Loan
Người lập/
Kế toán tổng hợp

Trần Thị Bảo Xuân
Kế toán trưởng



Lê Văn Huy
Tổng Giám đốc





BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

2022

CÔNG TY CỔ PHẦN NHIỆT ĐIỆN BÀ RỊA

TP. Bà Rịa, ngày 28 tháng 03 năm 2023

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
TỔNG GIÁM ĐỐC


LÊ VĂN HUY

